



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 499, đường Hàn Thuyên, P. Võ Cường, T. Bắc Ninh

ĐT: 02223827974

Email: cdcnbn.bci@gmail.com

Fax:

Web: www.bci.edu.vn

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2025

Bắc Ninh, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	4
1. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG	4
1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:	4
1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường	7
2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	10
2.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	10
2.2. Chức năng, nhiệm vụ.....	11
2.3. Đội ngũ giảng viên	11
2.4. Cơ cấu tổ chức.....	12
2.5. Các nghề đào tạo	13
3. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	14
3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật.....	14
3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	14
3.3. Phương thức đào tạo.....	19
3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo	19
3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp	26
3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:	26
3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo.....	27
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	28
I. TỔNG QUAN CHUNG	28
1. Căn cứ tự đánh giá.....	28
2. Mục đích tự đánh giá.....	28
3. Yêu cầu tự đánh giá.....	28
4. Phương pháp tự đánh giá.....	28
5. Các bước tiến hành tự đánh giá.....	29

II. TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG	29
1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	29
2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	34
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG	
TRÌNH ĐÀO TẠO	117
3.1. Mục tiêu, quản lý và tài chính	117
3.2. Hoạt động đào tạo	117
3.3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, và nhân viên.....	117
3.4. Chương trình, giáo trình	118
3.5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	118
3.6. Dịch vụ cho người học.....	118
3.7. Giám sát, đánh giá chất lượng	118
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	119
1. Kết luận.....	119
2. Kiến nghị.....	119

CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.	BLĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3.	CNKT	Công nhân kỹ thuật
4.	TC	Trung cấp
5.	CD	Cao đẳng
6.	BGH	Ban Giám hiệu
7.	BCH	Ban chấp hành
8.	P.TK	Phó Trưởng khoa
9.	P.TP	Phó Trưởng phòng
10.	CB	Cán bộ
11.	GV	Giáo viên
12.	CNV	Công nhân viên
13.	CNVC	Công nhân viên chức
14.	GVGDNN	Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp
15.	TW	Trung ương
16.	CTĐT	Chương trình đào tạo
17.	CTK	Chương trình khung
18.	LLCT	Lý luận chính trị
19.	NĐ	Nghị định
20.	QĐ	Quyết định
21.	ĐH	Đại học
22.	HSSV	Học sinh, sinh viên
23.	TCHC	Tổ chức - Hành chính
24.	Phòng PR	Phòng quan hệ công chúng
25.	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
26.	KTX	Ký túc xá
27.	CTĐT	Công trình đô thị
28.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
29.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
30.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
31.	CNTT	Công nghệ thông tin
32.	SPGDNN	Sư phạm giáo dục nghề nghiệp
33.	TDTT	Thể dục thể thao
34.	ThS	Thạc sỹ
35.	UBHC	Ủy ban hành chính
36.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp

Số: /BC - CDCN

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
nghề Công nghệ thông tin Trình độ Cao đẳng năm 2025**

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG

- Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- Tên Tiếng Anh: Bacninh College of Industry
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ trường: Số 499 - Đường Hàn Thuyên - Khu I - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.
- Số điện thoại: 0222 3 827 974
- Email: cdcن.bci@gmail.com
- Website: www.bci.edu.vn
- Năm thành lập trường:
 - + Năm thành lập đầu tiên: Năm 1970 - Trường công nghiệp Hà Bắc.
 - + Năm thành lập trường Trung cấp nghề: Năm 2007 thành lập trường Trung cấp nghề Bắc Ninh
 - + Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: Năm 2010 thành lập trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh, năm 2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh
- Loại hình trường: Công lập ☒

1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có bề dày 55 năm xây dựng và trưởng thành. Nhà trường đã trải qua nhiều thời kỳ xây dựng và phát triển với nhiều tên gọi khác nhau: Trường Công nghiệp Hà Bắc, trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, trường Trung cấp nghề Bắc Ninh, trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh và nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Thời kì đầu Trường được thành lập với tên gọi: Trường công nghiệp Hà Bắc - trên cơ sở hợp nhất các Trường Trung học công nghiệp Hà Bắc và trường sơ cấp đào tạo công nhân kỹ thuật Hà Bắc theo quyết định số 53/QĐTC ngày 19/5/1970 của UBHC tỉnh Hà Bắc.

- Giai đoạn 1982-1987 Trường có tên là: Trường công nhân kỹ thuật Hà Bắc.
- Giai đoạn 1988-1996 mang tên: Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề Hà Bắc.
- Giai đoạn 1997 - tháng 3/2007 tên là: Trường công nhân kỹ thuật Bắc Ninh.
- Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Bộ lao động thương binh & xã hội có quyết định số 03/2007/QĐ-BLĐTBXH về việc chuyển trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 28/7/2010 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 901/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 14/03/2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Trường thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu công nghiệp trong tỉnh, khu vực lân cận và toàn quốc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo nghề được tỉnh giao. Từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng và biên soạn các nội dung: chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho các nghề nghề theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các môn học, mô-đun trong các bộ chương trình đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các trang thiết bị với công nghệ mới, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Nhà trường không ngừng đổi mới nội dung chương trình và mục tiêu đào tạo, mở thêm một số nghề nghề mới, cung cấp nguồn nhân lực kịp thời cho nhu cầu lao động của xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

Hiện tại, Nhà trường được cấp phép đào tạo với tổng số nghề ở 03 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp cụ thể:

+ Trình độ Cao đẳng với 12 nghề đào tạo:

1	Điện công nghiệp;
2	Công nghệ thông tin;
3	Hàn;
4	Cắt gọt kim loại;
5	Công nghệ ô tô;
6	Kế toán doanh nghiệp;
7	Cơ điện tử;
8	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp;
9	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);
10	Tự động hoá công nghiệp;

11	<i>Công nghệ chế tạo máy</i>
12	<i>Thương Mại điện tử</i>

+ Trình độ Trung cấp với 10 nghề đào tạo:

1	<i>Điện công nghiệp;</i>
2	<i>Công nghệ thông tin;</i>
3	<i>Điện tử công nghiệp</i>
4	<i>Hàn;</i>
5	<i>Cắt gọt kim loại;</i>
6	<i>Công nghệ ô tô;</i>
7	<i>Kế toán doanh nghiệp;</i>
8	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;</i>
9	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn;</i>
10	<i>Bảo trì, sửa chữa ô tô</i>

+ Trình độ Sơ cấp với 29 nghề đào tạo:

1	<i>Điện công nghiệp</i>
2	<i>Công nghệ thông tin</i>
3	<i>Điện dân dụng</i>
4	<i>Lắp đặt thiết bị lạnh</i>
5	<i>Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp</i>
6	<i>Công nghệ ô tô phần gầm</i>
7	<i>Công nghệ ô tô phần động cơ</i>
8	<i>Công nghệ ô tô phần điện</i>
9	<i>Sửa chữa thiết bị tự động hóa</i>
10	<i>Nguội sửa chữa máy công cụ</i>
11	<i>Hàn điện hồ quang tay</i>
12	<i>Hàn (Hàn hơi và inox)</i>
13	<i>Phay CNC</i>
14	<i>Tiện trên máy vạn năng</i>
15	<i>Cơ điện tử</i>
16	<i>Máy công nghiệp</i>
17	<i>Tin học văn phòng</i>
18	<i>Kế toán doanh nghiệp</i>
19	<i>Quản lý khai thác công trình thủy lợi</i>
20	<i>Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG</i>
21	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện</i>

22	<i>Chăn nuôi thú y</i>
23	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc</i>
24	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm</i>
25	<i>Trồng rau an toàn</i>
26	<i>Trồng và chăm sóc cây hoa</i>
27	<i>Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh</i>
28	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn</i>
29	<i>Bảo trì, sửa chữa ô tô</i>

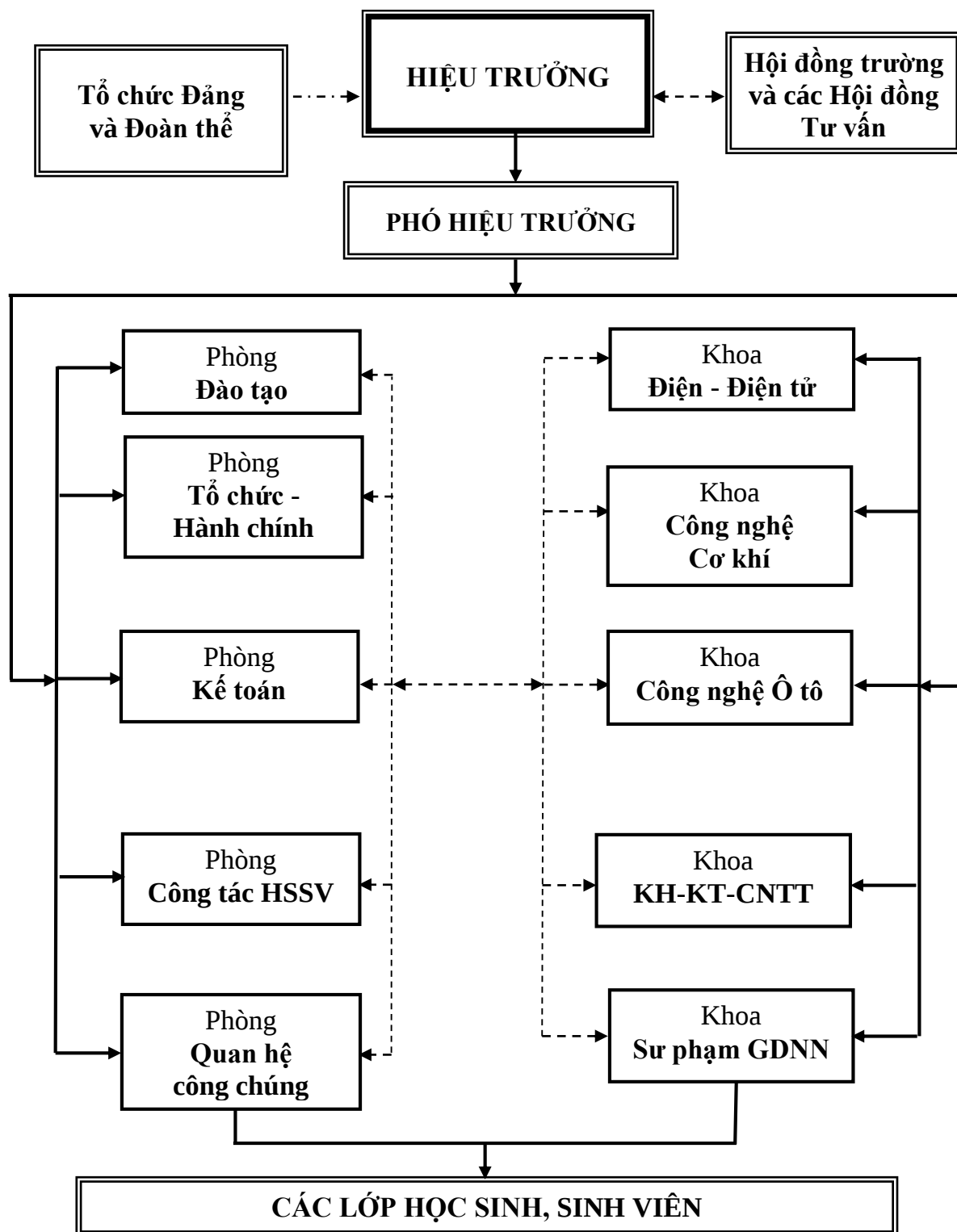
Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, thực hiện đào tạo một số nghề nghề trình độ đại học đáp ứng tốt nhu cầu của người học trong và ngoài tỉnh.

1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

1.2.1. Cơ cấu tổ chức:

- Đảng ủy trường;
- Hội đồng trường;
- Ban Giám Hiệu;
- Các Hội đồng tư vấn;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các phòng chức năng (05 phòng):
 - + Phòng Đào tạo;
 - + Phòng Tổ chức - Hành chính;
 - + Phòng Kế toán;
 - + Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên;
 - + Phòng quan hệ công chúng (PR).
- Các khoa chuyên môn (05 khoa):
 - + Khoa cơ bản - Điện tử;
 - + Khoa Công nghệ Cơ khí;
 - + Khoa Công nghệ Ô tô;
 - + Khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT;
 - + Khoa Sư phạm GDNN.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA NHÀ TRƯỜNG



1.2.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban giám hiệu				
	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sĩ	Hiệu trưởng
	Trần Văn Thực	1977	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên:				
Đảng bộ	Vũ Quang Khuê	1963	Thạc sĩ	Bí thư Đảng uỷ
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sĩ	Phó bí thư Đảng uỷ
Chi bộ 1	Đinh Công Thuyến	1966	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 2	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 3	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 4	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Cử nhân	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 5	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Công Đoàn	Trần Văn Thực	1977	Thạc sĩ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Phạm Nhật Minh	1999	Kỹ sư	Bí thư
Hội sinh viên	Phan Văn Nghiêm	1993	Thạc sĩ	Chủ tịch
3. Các phòng (05 phòng):				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Đinh Công Thuyến	1966	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Công tác HSSV	Nguyễn Duy Diễn	1982	Thạc sĩ	Phó trưởng phòng
Phòng Kế toán	Nguyễn Thị Hà	1987	Cử nhân	Phó trưởng phòng
Phòng Đào Tạo	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng quan hệ công chúng	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc sĩ	Trưởng phòng
4. Các khoa (05 khoa):				
Khoa công nghệ Ô tô	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa KH-KT-CNTT	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Sư phạm GDNN	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Điện - Điện tử	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ cơ khí	Nguyễn Văn Hưng	1983	Thạc sĩ	Trưởng khoa

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thông tin khái quát

Tên khoa	: KHOA HỌC - KINH TẾ - CNTT
Tên Tiếng Anh	: SCIENCE - ECONOMY - IT
Số điện thoại	: 02223.824.007
Số fax	: Không có
Email	: KhoaKT_CNTT.bci@gmail.com

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Khoa KH - KT - CNTT (trước đây là Khoa cơ bản) được thành lập tháng 10 năm 2003 mà tiền thân là Ban Nghề thuộc Trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, tiếp theo là Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh và hiện nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của nhà trường, tập thể cán bộ, giảng viên Khoa KH - KT - CNTT có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có lòng nhiệt tình, yêu nghề và tâm huyết với sự nghiệp đào tạo của Nhà trường đã đào tạo hàng vạn học sinh sinh viên của ba cấp trình độ: Cao đẳng, Sơ cấp thuộc các nghề Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ thông tin, Thương mại điện tử và trung cấp nghề Công nghệ thông tin cho để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các thành phần kinh tế trong địa phương và cả nước.

Trong quá trình xây dựng và phát triển Khoa cơ bản đã đạt được nhiều thành tích trong phong trào thi đua dạy và học:

*** Phong trào thi đua trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên:**

- Trong giảng dạy:

+ 01 giảng viên đạt danh hiệu Giảng viên dạy giỏi cấp tỉnh

- Trong nghiên cứu khoa học:

+ Tham gia sáng kiến cải tiến và chế tạo đồ dùng dạy học: Có 01 thiết bị dạy nghề tự làm đạt giải nhì trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm tỉnh Bắc Ninh năm 2020

*** Phong trào thi đua trong học tập của HSSV:**

- Năm 2022: 05 sinh viên ngành công nghệ thông tin tham gia trung kết startup Kite đạt giải khuyến khích và được bằng khen của bộ lao động.

- Năm 2024: 13 Sinh viên tham gia cuộc thi tay nghề cấp trường đạt giải và 04 sinh viên tham gia cuộc thi kỹ năng nghề cấp tỉnh

- Năm 2023, 2024 sinh viên các ngành tham gia các cuộc thi cấp trường: Hello summer, startup kite, đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh đều đạt giải cao

- HSSV ngoài việc luyện tập kỹ năng cơ bản còn thường xuyên được tham gia sản xuất các sản phẩm gắn với thực tế, do đó khả năng tay nghề của HSSV luôn được nâng cao.

Khoa KH - KT - CNTT có hệ thống các phòng học thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị thực hành hiện đại có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo cho mọi thành phần kinh tế. Các thiết bị này được đầu tư từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia hàng năm và tự chủ của nhà trường.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ

- Nhiệm vụ trọng tâm của khoa là tổ chức thực hiện các hoạt động giảng dạy các môn học, mô-đun của các nghề: Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ thông tin, Thương mại điện tử và các môn học chung: Chính trị, pháp luật, tiếng anh, GDTC, Tin học, Giáo dục quốc phòng một số nghề liên quan của ba cấp trình độ: Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp.

- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hàng năm của Trường.

- Thực hiện việc biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề khi được phân công; tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình dạy nghề.

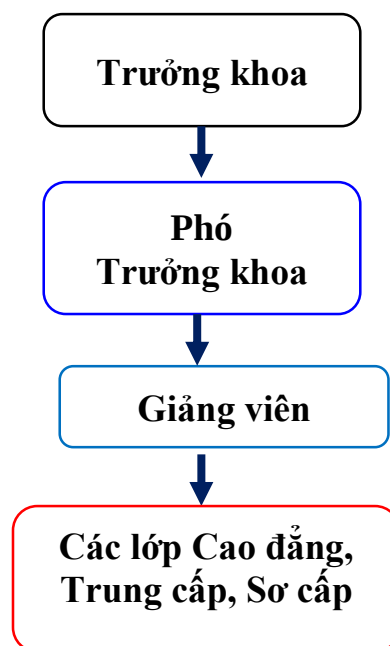
- Quản lý giảng viên, quản lý sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Trường; đề xuất xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì trang thiết bị đào tạo.

2.3. Đội ngũ giảng viên

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh	Học vị	Chức vụ	Chức vụ Đảng/Đoàn thể
1	Ng. T. Như Hoa	1979	ĐH	Trưởng khoa	Bí thư chi bộ
2	Nguyễn Xuân Hà	1976	ĐH	P.Trưởng khoa	
3	Hoàng Thành Đức	1979	Th.sỹ	Giảng viên	
4	Vũ Thị Tâm	1990	ĐH	Giảng viên	
5	Nguyễn Thị Phương	1992	Th.sỹ	Giảng viên	
6	Nguyễn Thanh Thuý	1983	Th.sỹ	Giảng viên	Phó bí thư chi bộ
7	Phạm Thị Xuân	1981	ĐH	Giảng viên	
8	Phan Thị Hồng Nhung	1992	ĐH	Giảng viên	
9	Nguyễn Như Lương	1995	Th.sỹ	Giảng viên	
10	Đỗ Thị Lợi	1993	Th.sỹ	Giảng viên	
11	Nguyễn Ngọc Hân	1984	Th.sỹ	Giảng viên	

TT	HỌ VÀ TÊN		Năm sinh	Học vị	Chức vụ	Chức vụ Đảng/Đoàn thể
12	Vũ Khánh	Ninh	1993	Th.sỹ	Giảng viên	
13	Nguyễn Đức	Anh	1995	Th.sỹ	Giảng viên	
14	Nguyễn Thị Vỹ	Tích	1995	Th.sỹ	Giảng viên	
15	Nguyễn Hồng	Trang	1987	Th.s	Giảng viên	
16	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	1993	ĐH	Giảng viên	
17	Nguyễn Nhân	Quang	1985	ĐH	Giảng viên	
18	Ngô Thị Hồng	Vân	1985	ĐH	Giảng viên	
19	Nguyễn Đắc	Sinh	1969	ĐH	Giảng viên	
20	Phan Ngọc	Hà	2004	ĐH	Giảng viên	
21	Đào Danh	Dự	1983	Th.sỹ	Giảng viên	
22	Hoàng Thị Thanh	Xuân	1995	Th.sỹ	Giảng viên	

2.4. Cơ cấu tổ chức



2.5. Các nghề đào tạo

STT	Tên nghề, trình độ đào tạo	Ghi chú
1	Kế toán doanh nghiệp (trình độ đào tạo: Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp)	
2	Công nghệ thông tin (trình độ đào tạo: Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp)	
3	Thương mại điện tử (trình độ đào tạo: Cao đẳng)	

3. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Năm học 2010 - 2021, Trường trở thành Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh, Nhà Trường tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng nghề khoá đầu tiên. Năm học 2017 - 2018, Trên nền tảng đội ngũ Giảng viên giảng dạy môn tin học thuộc khoa khoa học cơ bản, cùng với các trang thiết bị, máy móc hiện đại được đầu tư hàng năm của Chương trình mục tiêu. Những năm gần đây, với sự phát triển mạnh của KHCN, nhu cầu về vị trí việc làm lĩnh vực công nghệ thông tin tăng nhanh, theo đó là lượng SV nghề/ Công nghệ thông tin theo học tại Trường tăng lên, Nhà trường đã và đang đào tạo các khóa: 13, 14, 15, 16

Cùng với sự phát triển của các nghề kỹ thuật được đào tạo tại Trường qua từng giai đoạn, chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin được phát triển trên cơ sở chương trình đào tạo do Bộ LĐTB&XH ban hành. Với đội ngũ GV tuy tuổi đời còn ít nhưng có tay nghề tốt, luôn cập nhật kiến thức kỹ năng mới đưa vào chương trình giảng dạy. Từ đó đáp ứng được nhu cầu nhân lực của các tập đoàn sản hàng đầu đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như SamSung, Foxconn, Canon... và các công ty về lĩnh vực công nghệ thông tin, thương mại điện tử...

Hàng năm, Khoa KH - KT - CNTT phát động phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt” trong toàn thể GV và HSSV; GV đăng ký và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm trình lên BGH đúng thời hạn, tham gia Hội giảng cấp trường, cấp tỉnh, đồng thời cử HSSV tham gia các kỳ thi Tay nghề cấp tỉnh, cấp quốc gia, với nhiều thầy cô và HSSV đạt kết quả cao. Kết quả các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm của GV được công nhận và ứng dụng trong giảng dạy.

3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề điện trong lĩnh vực công nghệ thông tin, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống phức tạp trong thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

- Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết về đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và những vấn đề cấp bách của thời đại.

- Hoàn thành chương trình giáo dục thể chất và chương trình giáo dục quốc phòng theo quy định.

- Có kiến thức về bảo vệ môi trường, kiến thức về các phương pháp sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên, đặc biệt là năng lượng xanh và năng lượng tái tạo.

- Trình bày chính xác các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, nguyên lý hoạt động của phần cứng và phần mềm;

- Trình bày được các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin như: bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục các sự cố hỏng hóc thông thường của máy tính và mạng máy tính;

- Nắm vững kiến thức nền tảng: Lập trình cơ bản (C/C++) và lập trình hướng đối tượng (Java, Python), Cơ sở dữ liệu và quản trị cơ sở dữ liệu, Mạng máy tính, Phân tích thiết kế hệ thống thông tin

- Nắm được kiến thức cơ bản về thiết kế đồ họa, thiết kế giao diện, thiết kế đa phương tiện.

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về mạng, bảo mật, dữ liệu lớn, điện toán đám mây;

- Trình bày đúng nguyên lý hoạt động của mạng máy tính, quản trị mạng máy tính;

- Xác định được quy trình bàn giao ca, ghi nhật ký công việc;

- Xác định được các tiêu chuẩn an toàn lao động;

- Phân tích được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;

- Lập kế hoạch sao lưu, phục hồi dữ liệu, hệ thống mạng máy tính;

- Xác định được quy trình xử lý dữ liệu;

- Đánh giá được các yếu tố đảm bảo an toàn dữ liệu;

- Đánh giá được quy mô, hiện trạng của mạng máy tính;

- Trình bày được các kiến thức về lập trình, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin;

- Nắm vững các mô hình phát triển phần mềm, quy trình kiểm thử và triển khai phần mềm;

- Trình bày được kiến thức về công nghệ phần mềm, quản lý dự án công nghệ thông tin.

✓ **Chuyên ngành đào tạo chuyên sâu (CN01): Ứng dụng phần mềm và kỹ thuật máy tính**

- *Kiến thức chuyên sâu về phát triển phần mềm:*

+ Nắm vững và vận dụng các ngôn ngữ lập trình nâng cao, các framework phổ biến để phát triển ứng dụng đa nền tảng (web, mobile, desktop).

+ Trình bày và áp dụng được các kiến trúc phần mềm, mẫu thiết kế (design patterns) trong xây dựng và phát triển phần mềm.

+ Hiểu rõ và áp dụng các phương pháp kiểm thử phần mềm chuyên sâu (unit test, integration test, performance test), các kỹ thuật đảm bảo chất lượng phần mềm và quy trình triển khai tự động (CI/CD).

- + Có kiến thức về phát triển API, microservices và tích hợp hệ thống.
- *Kiến thức chuyên sâu về kỹ thuật máy tính và mạng:*
- + Trình bày chi tiết về kiến trúc máy tính, nguyên lý hoạt động của hệ điều hành, quản lý bộ nhớ, tiến trình và tệp tin.
- + Có kiến thức về các giao thức mạng chuyên sâu, kỹ thuật định tuyến, chuyển mạch và an ninh mạng ở mức độ nâng cao.
- + Nắm vững kiến thức về lập trình nhúng cơ bản, IoT và khả năng tương tác giữa phần cứng và phần mềm trong các hệ thống nhúng.
- + Phân tích, thiết kế, cấu hình, quản trị và bảo trì các hệ thống máy tính và mạng máy tính phức tạp, bao gồm cả các giải pháp ảo hóa và lưu trữ.
- + Vận dụng được kiến thức về an toàn thông tin trong thiết kế, phát triển ứng dụng và quản trị hệ thống, phòng chống các hình thức tấn công phổ biến.

✓ **Chuyên ngành đào tạo chuyên sâu (CN02): Trí tuệ nhân tạo AI**

- *Kiến thức nền tảng và cốt lõi về AI:*
- + Nắm vững các khái niệm, lịch sử phát triển, các trường phái chính và các lĩnh vực ứng dụng của Trí tuệ nhân tạo.
- + Trình bày được các kiến thức toán học nền tảng cho AI (đại số tuyến tính, xác suất thống kê, giải tích) và vai trò của chúng trong các thuật toán AI.
- *Kiến thức về Học máy (Machine Learning):*
- + Hiểu rõ và phân biệt được các loại hình học máy: học có giám sát, học không giám sát, học tăng cường.
- + Trình bày và áp dụng được các thuật toán học máy cơ bản và phổ biến cho các bài toán phân loại (classification), hồi quy (regression), gom cụm (clustering).
- + Có kiến thức về quy trình xây dựng một mô hình học máy: thu thập và tiền xử lý dữ liệu, lựa chọn đặc trưng (feature engineering), huấn luyện mô hình, đánh giá và tối ưu hóa mô hình.
- *Kiến thức về các lĩnh vực ứng dụng AI chuyên sâu:*
- + Có kiến thức cơ bản về Học sâu (Deep Learning) và các kiến trúc mạng nơ-ron phổ biến (CNN, RNN).
- + Hiểu biết cơ bản về các lĩnh vực ứng dụng chuyên biệt của AI như Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP), Thị giác máy tính (Computer Vision), Hệ chuyên gia và Hệ thống gợi ý.
- + Sử dụng được các thư viện và công cụ AI/ML phổ biến (ví dụ: Python với Scikit-learn, TensorFlow/Keras ở mức cơ bản) để xây dựng và triển khai các ứng dụng AI đơn giản.
- *Kiến thức về đạo đức và trách nhiệm trong AI:*
- + Nhận biết và phân tích được các vấn đề đạo đức, pháp lý, xã hội và các tác động tiềm tàng của việc ứng dụng AI.

+ Hiểu được tầm quan trọng của dữ liệu công bằng, minh bạch và giải thích được trong các hệ thống AI.

- Kỹ năng:

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
- Kết nối, điều khiển được máy tính và các thiết bị ngoại vi, mạng máy tính;
- Phân tích, tổ chức và thực hiện đúng quy trình vệ sinh các trang thiết bị cũng như kỹ năng sử dụng thiết bị an toàn lao động, kỹ năng đảm bảo an toàn trong lao động nghề nghiệp;

- Lắp ráp, kết nối, sử dụng được hệ thống máy tính và các thiết bị ngoại vi, thiết bị an ninh;

- Tra cứu được tài liệu trên Internet bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh phục vụ cho yêu cầu công việc;

- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, cháy, nổ, chập điện, an toàn lao động;

- Phát triển được phần mềm như: Lập trình Web với HTML, CSS, JavaScript, Lập trình ứng dụng, Phát triển ứng dụng di động;

- Quản trị được hệ thống và mạng (Thiết kế, lắp đặt và bảo trì hệ thống mạng nội bộ, Quản trị người dùng, phân quyền, bảo mật cơ bản, An toàn thông tin mạng);

- Thiết kế, xây dựng được cơ sở dữ liệu theo yêu cầu, tính chất của công việc được giao;

- Sao lưu, phục hồi được dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

✓ Chuyên ngành đào tạo chuyên sâu (CN01): Ứng dụng phần mềm và kỹ thuật máy tính

- Kỹ năng phát triển phần mềm chuyên sâu:

+ Vận dụng thành thạo ít nhất một ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng nâng cao (ví dụ: Java, C#, Python) và một framework phát triển ứng dụng phổ biến (ví dụ: Spring Boot, .NET Core, Django/Flask, React/Angular/Vue.js) để xây dựng các ứng dụng hoàn chỉnh.

+ Phân tích yêu cầu, thiết kế, triển khai và kiểm thử các module phần mềm phức tạp, bao gồm cả việc phát triển API và tích hợp với các hệ thống khác.

+ Áp dụng các mẫu thiết kế (design patterns) và kiến trúc phần mềm phù hợp để giải quyết các bài toán cụ thể trong phát triển phần mềm.

+ Sử dụng thành thạo các công cụ quản lý mã nguồn (ví dụ: Git), công cụ xây dựng (build tools) và triển khai ứng dụng cơ bản (CI/CD).

+ Thực hiện các kỹ thuật kiểm thử phần mềm nâng cao (kiểm thử đơn vị, kiểm thử tích hợp, kiểm thử hiệu năng cơ bản) và gỡ lỗi hiệu quả.

- Kỹ năng kỹ thuật máy tính và mạng nâng cao:

- + Chẩn đoán, khắc phục các sự cố phần cứng, phần mềm, hệ điều hành và mạng máy tính ở mức độ chuyên sâu.

- + Cấu hình, quản trị và tối ưu hóa các dịch vụ mạng nâng cao (ví dụ: DHCP, DNS, Web Server, Mail Server, Firewall).

- + Triển khai và quản lý các giải pháp ảo hóa máy chủ và lưu trữ dữ liệu cơ bản.

- + Lập trình và tương tác với các thiết bị nhúng hoặc hệ thống IoT ở mức độ cơ bản.

- + Phân tích và áp dụng các biện pháp bảo mật cho hệ thống máy tính, mạng và ứng dụng phần mềm, bao gồm cả việc phát hiện và phòng chống các lỗ hổng phổ biến.

✓ **Chuyên ngành đào tạo chuyên sâu (CN02): Trí tuệ nhân tạo AI**

- Ứng dụng được các công nghệ hiện đại (Trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây);

- *Kỹ năng xử lý và phân tích dữ liệu cho AI:*

- + Thu thập, làm sạch, tiền xử lý và trực quan hóa dữ liệu bằng các công cụ và thư viện chuyên dụng (ví dụ: Python với Pandas, NumPy, Matplotlib, Seaborn).

- + Thực hiện kỹ thuật đặc trưng (feature engineering) để chuẩn bị dữ liệu đầu vào tối ưu cho các mô hình AI.

- *Kỹ năng xây dựng và triển khai mô hình AI:*

- + Vận dụng thành thạo ngôn ngữ lập trình Python và các thư viện AI/ML phổ biến (ví dụ: Scikit-learn, TensorFlow, Keras, PyTorch) để xây dựng, huấn luyện và đánh giá các mô hình học máy.

- + Triển khai các thuật toán học máy cho các bài toán cụ thể: phân loại, hồi quy, gom cụm, giảm chiều dữ liệu.

- + Xây dựng và huấn luyện các mô hình học sâu cơ bản (ví dụ: mạng nơ-ron tích chập - CNN cho xử lý ảnh, mạng nơ-ron hồi quy - RNN cho xử lý chuỗi/văn bản).

- + Đánh giá hiệu năng của mô hình AI bằng các độ đo phù hợp và thực hiện các kỹ thuật tối ưu hóa mô hình cơ bản.

- *Kỹ năng ứng dụng AI vào các lĩnh vực cụ thể:*

- + Phát triển các ứng dụng AI đơn giản trong lĩnh vực xử lý ngôn ngữ tự nhiên (ví dụ: phân tích cảm xúc, phân loại văn bản).

- + Xây dựng các ứng dụng AI cơ bản trong lĩnh vực thị giác máy tính (ví dụ: nhận dạng đối tượng đơn giản, phát hiện khuôn mặt).

- + Tích hợp các mô hình AI đã huấn luyện vào các ứng dụng hoặc hệ thống phần mềm khác thông qua API.

- + Sử dụng các nền tảng AI trên đám mây (ví dụ: Google AI Platform, AWS SageMaker, Azure Machine Learning) ở mức độ cơ bản để huấn luyện và triển khai mô hình.

- + Xây dựng các mô hình IoT.

- *Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề với AI:*

- + Phân tích vấn đề thực tế để xác định khả năng ứng dụng AI và lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp.

+ Trình bày và giải thích kết quả của mô hình AI một cách dễ hiểu, nhận diện được các hạn chế và các vấn đề đạo đức tiềm ẩn liên quan đến ứng dụng AI.

3.3. Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo Trường đang được áp dụng đối với nghề Công nghệ thông tin là phương thức đào tạo tập trung tích lũy mô đun.

Phương thức đào tạo nghề của trường hiện nay được tính theo đơn vị là năm học, chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin đào tạo trong thời gian 03 năm (đối với khoá tuyển sinh năm 2018 trở về trước); 2,5 năm (đối với khoá tuyển sinh năm 2019 và các khoá tiếp theo), một năm học có 2 học kỳ và chương trình học được thiết kế theo năm học và ít biến động. Về mặt sinh viên phải hoàn thành nội dung môn học đã được ấn định theo học kỳ, năm học; sinh viên chấp hành tốt các lịch học, lịch thi, các quy định, quy chế của nhà trường, tích cực học tập và rèn luyện thì sẽ đạt kết quả tốt. Tuy nhiên với phương thức này cũng có những hạn chế về tính chủ động của sinh viên, người học xoay quanh quỹ đạo của người dạy, khó liên thông sang ngành học khác.

Để tăng thời gian học thực hành (thực hành, luyện tập, thực tập, thí nghiệm/ bài tập/thảo luận) của Sinh viên, chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin có số giờ thực hành chiếm khoảng 70% tổng giờ học nhằm tạo điều kiện để Sinh viên thực hành, chủ động tự rèn luyện kỹ năng nghề; đồng thời phương pháp giảng dạy của giảng viên thực hiện giảng dạy lấy người học làm trung tâm, tổ chức nghiên cứu cho Sinh viên nhóm theo nhóm, làm bài tập lớn, báo cáo đề án; chương trình đào tạo được xây dựng mang tính liên thông trình độ trung cấp lên cao đẳng của trường, liên thông trình độ trung cấp, cao đẳng lên đại học với nghề tương ứng.

3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo

Nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và thực hiện các quy định, yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; năm 2017, Trường thực hiện xây dựng mới tất cả các chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng, thời gian đào tạo 2,5 năm, tuân thủ đúng quy trình và được thẩm định theo đúng quy định. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu lao động và tham khảo chương trình đào tạo của các Trường đào tạo chất lượng cao, tham khảo ý kiến của các Giảng viên có kinh nghiệm trong trường và ngoài trường, ý kiến của Chuyên gia, cũng như tham khảo ý kiến của một số Doanh nghiệp sử dụng lao động, cán bộ quản lý GDNN, năm 2019 Trường tổ chức thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo Công nghệ thông tin tăng thời lượng cho Sinh viên học ngoài doanh nghiệp để vừa học tập thực tế sản xuất, vừa làm quen và thích ứng với môi trường sản xuất, vị trí việc làm tương lai, áp dụng đào tạo cho Sinh viên khóa 10, 11, 12. Năm 2022, Trường tổ chức thực hiện rà soát, xây dựng chương trình đào tạo Công nghệ thông tin áp dụng cho khóa 13 (2022 ÷ 2025) bắt đầu từ năm học 2022 ÷ 2023. Năm 2025, Trường tổ chức thực hiện rà soát, xây dựng chương trình đào tạo Công nghệ thông tin đáp ứng sự phát triển

của công nghệ, thêm các môn học mô đun tự chọn và đào tạo chuyên sâu, áp dụng cho khóa 16 (2025 ÷ 2028) bắt đầu từ năm học 2025 ÷ 2026.

Thống kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng khoá 10: 2019÷2022, khóa 11: 2020÷2023, khóa 12: 2021÷2024 sử dụng chương trình đào tạo này:

ST T	Mã MH/M Đ/ HP	Tên môn học, mô đun, học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
	I.	Các môn học chung/đại cương	29	435	157	255	23	
1	MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5	
2	MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2	
3	MH03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4	
4	MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4	
5	MH05	Tin học	5	75	15	58	2	
6	MH06	Tiếng Anh	8	120	42	72	6	
	II.	Các môn học, mô đun chuyên môn						
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở	23	435	181	220	34	
7	MH07	Cấu trúc máy tính	3	45	30	12	3	
8	MH08	Mạng máy tính	3	45	30	12	3	
9	MH09	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	45	30	11	4	
10	MH10	Cơ sở dữ liệu	5	75	46	25	4	
11	MĐ11	Lập trình C++	3	75	15	52	8	
12	MĐ12	Lắp ráp và bảo trì máy tính	6	150	30	108	12	
	II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	76	2130	451	1568	111	

ST T	Mã MH/M Đ/ HP	Tên môn học, mô đun, học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận	Kiểm tra	
13	MĐ13	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị văn phòng	6	150	30	108	12	
14	MĐ14	Thiết kế và xây dựng hệ thống mạng	6	150	30	108	12	
15	MĐ15	Quản trị cơ sở dữ liệu với SQL sever	3	75	15	52	8	
16	MH16	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	4	60	45	11	4	
17	MĐ17	Lập trình windows (VB.net)	4	90	30	52	8	
18	MĐ18	Thiết kế đồ họa	9	225	45	160	20	
19	MĐ19	Thiết kế đa phương tiện	5	105	45	50	10	
20	MĐ20	Thiết kế, xây dựng và quản trị website	5	120	30	78	12	
21	MĐ21	Lập trình java	4	90	30	52	8	
22	MĐ22	Lập trình Android	4	90	30	50	10	
23	MH23	An toàn bảo mật thông tin	3	45	30	12	3	
24	MH24	Quản lý dự án công nghệ thông tin	3	45	31	10	4	
25	MĐ25	Thực tập tốt nghiệp	15	660		660		
26	MĐ26	Đồ án tốt nghiệp	5	225	60	165		
		Tổng cộng	128	3000	789	2043	168	

Thông kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng khoá 13: 2022÷2025, khóa 14: 2023 - 2026, khóa 15: 2024 - 2027 ban hành theo QĐ số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 “Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2022”.

TT	Mã MH/ MĐ/ HP	Tên môn học, mô đun, học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I.	Các môn học chung/đại cương	29	435	157	255	23
1	MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4
4	MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4
5	MH05	Tin học	5	75	15	58	2
6	MH06	Tiếng Anh	8	120	42	72	6
	II.	Các môn học, mô đun chuyên môn					
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở	24	450	211	205	34
7	MH07	Cấu trúc máy tính	3	45	30	12	3
8	MH08	Mạng máy tính	3	45	30	12	3
9	MH09	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	45	30	11	4
10	MH10	Cơ sở dữ liệu	5	75	46	25	4
11	MĐ11	Lập trình C++	4	90	30	52	8
12	MĐ12	Lắp ráp và bảo trì máy tính	6	150	45	93	12
	II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	83	2310	563	1622	125
13	MĐ13	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị văn phòng	6	150	45	93	12
14	MĐ14	Thiết kế và xây dựng hệ thống mạng	6	150	45	93	12
15	MĐ15	Quản trị cơ sở dữ liệu với SQL sever	4	90	30	50	10
16	MH16	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	4	60	45	11	4

TT	Mã MH/ MD/ HP	Tên môn học, mô đun, học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
17	MD17	Lập trình windows (VB.net)	4	90	30	52	8
18	MD18	Thiết kế đồ họa	10	240	72	148	20
19	MD19	Thiết kế đa phương tiện	9	225	70	135	20
20	MD20	Thiết kế, xây dựng và quản trị website	6	150	45	93	12
21	MD21	Lập trình java	4	90	30	50	10
22	MD22	Lập trình Android	4	90	30	50	10
23	MH23	An toàn bảo mật thông tin	3	45	30	12	3
24	MH24	Quản lý dự án công nghệ thông tin	3	45	31	10	4
25	MD25	Thực tập tốt nghiệp	15	660		660	
26	MD26	Đồ án tốt nghiệp	5	225	60	165	
Tổng cộng			136	3.195	931	2.082	182

Thông kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng khoá 16: 2025÷2028, ban hành theo QĐ số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/06/2025 “Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2025”.

Mã MH /MD /HP	Tên môn học, mô đun, học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành /thực tập /thí nghiệm /bài tập /thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2

Mã MH /MD /HP	Tên môn học, mô đun, học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành /thực tập /thí nghiệm /bài tập /thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
II.	Các môn học, mô đun chuyên môn	91	2.436	576	1.725	135
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	16	291	141	122	28
MĐ07	Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên	1	36	6	22	8
MH08	Cấu trúc máy tính	3	45	30	12	3
MH09	Mạng máy tính	3	45	30	12	3
MH10	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	45	30	12	3
MH11	Cơ sở dữ liệu	3	45	30	12	3
MĐ12	Lập trình C++	3	75	15	52	8
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	75	2.145	435	1.603	107
MĐ13	Lắp ráp, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị văn phòng	5	120	30	80	10
MĐ14	Lập trình Python trong ứng dụng AI	5	120	30	80	10
MĐ15	Thiết kế và xây dựng hệ thống mạng	4	90	30	52	8
MĐ16	Quản trị cơ sở dữ liệu với SQL server	3	75	15	52	8
MH17	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	4	60	45	11	4
MĐ18	Lập trình JaVa	3	75	15	52	8

Mã MH /MD /HP	Tên môn học, mô đun, học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành /thực tập /thí nghiệm /bài tập /thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MĐ19	Thiết kế đồ họa	5	120	30	80	10
MĐ20	Thiết kế giao diện ứng dụng	4	90	30	52	8
MĐ21	Thiết kế đa phương tiện	4	90	30	52	8
MĐ22	Thiết kế, xây dựng và quản trị website	5	120	30	80	10
MĐ23	Lập trình ứng dụng bằng Winform	5	120	30	80	10
MĐ24	Lập trình ứng dụng di động trên nền tảng Android	5	120	30	80	10
MĐ25	An toàn bảo mật thông tin	3	45	30	12	3
MĐ26	Thực tập tốt nghiệp	15	675		675	
MĐ27	Đồ án tốt nghiệp	5	225	60	165	
III	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao	10	240	60	160	20
III.1	CN01: Ứng dụng phần mềm và kỹ thuật máy tính					
MĐ28	Phát triển ứng dụng trên đa nền tảng	5	120	30	80	10
MĐ29	Thiết kế “Mô hình thí nghiệm IoT” ứng dụng trong CNTT	5	120	30	80	10
III.2	CN02: Trí tuệ nhân tạo AI					
MĐ28	Trí tuệ Nhân tạo trong phần mềm ứng dụng	5	120	30	80	10
MĐ29	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các mô hình IoT	5	120	30	80	10
	Tổng cộng	120	3.111	793	2.140	178

3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Số lượng tốt nghiệp	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế			
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)=(6)* 100/(5)	
1	Khóa 9 (2018-2021)	15	18	17	76,9%	
2	Khóa 10 (2019-2022)	15	18	17	90,9%	
3	Khóa 11 (2020-2023)	25	28	24	85,7%	
4	Khóa 12 (2021-2024)	25	60	39	65%	
5	Khóa 13 (2022-2025)	35	73	44	60,2%	
6	Khóa 14 (2023-2026)	80	60	Đang học		
7	Khóa 15 (2024-2027)	50	51	Đang học		
8	Khóa 16 (2025-2028)	80	90	Đang học		

Tổng số: 19 giảng viên, trong đó:

- Cơ hữu: 18 GV (Nam: 06, Nữ: 13) trong đó:

+ Thạc sĩ: 09 (Nam: 03; Nữ: 06).

+ Đại học: 9 (Nam: 03; Nữ: 06).

- Kiêm nhiệm (GV thuộc các khoa, phòng khác dạy nghề CNTT): 01 Thạc sỹ (Nữ)

- Trình độ đào tạo:

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Thạc sĩ	03	07	10
Đại học	03	06	09
Cao đẳng	-	-	-
Trung cấp	-	-	-
Công nhân bậc 5/7 trở lên	-	-	-
Trình độ khác	-	-	-

3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

TT	Hạng mục, công trình	Diện tích phòng	Tổng số phòng	Ghi chú
1	Văn phòng khoa	36,60m ²	01	
2	Phòng học lý thuyết	105 m ²	05	Tuỳ từng môn học được phân bổ theo thời khoá biểu
3	Kho trang thiết bị thực tập HS	40 m ²	01	
4	Kho vật tư	25 m ²	01	
5	Phòng thực hành	105 m ²	4	

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. TỔNG QUAN CHUNG

1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 14/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư 14/2024/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

2. Mục đích tự đánh giá

Nhằm đánh giá chất lượng đào tạo của nghề Công nghệ thông tin, trình độ cao đẳng, qua đó xác định mức độ thực hiện mục tiêu và nội dung chương trình để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo.

3. Yêu cầu tự đánh giá

Tự đánh giá là một quá trình liên tục, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, phải có sự tham gia của nhiều đơn vị và cá nhân trong toàn trường. Hoạt động tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm từng tiêu chuẩn.

4. Phương pháp tự đánh giá

Phương pháp tự đánh giá của trường được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện tự đánh giá; tổ chức tập huấn cho tất cả các thành viên trực tiếp làm nhiệm vụ thu thập minh chứng, phân tích và xử lý minh chứng theo hệ thống tiêu chí tiêu chuẩn, đánh giá từng tiêu chuẩn. Mỗi đơn vị trong toàn trường (bao gồm các phòng, khoa) đã cử các cán bộ tham gia các nhóm công tác chuyên trách.

Các minh chứng thu thập từ các Phòng, Khoa được mã hoá theo qui định của từng tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng. Khoa KH - KT - CNTT tổng hợp kết quả từ các báo cáo của các đơn vị cung cấp để lập dự thảo báo cáo tự đánh giá. Báo cáo sau khi được

chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình Hội đồng tự đánh giá xem xét. Hội đồng tự đánh giá trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi trường các đơn vị. Tổ chức hội nghị toàn thể cán bộ viên chức nhà trường lấy ý kiến đóng góp cho báo cáo tự đánh giá. Khoa KH - KT - CNTT thu thập tất cả các ý kiến đóng góp để hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá lần cuối, trình Hiệu trưởng phê duyệt, công bố và nộp báo cáo cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt</i>
	Tổng điểm	100	100
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	7,5	7,5
1.1	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động.	2,5	2,5
1.2	Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.	2,5	2,5
1.3	Tiêu chuẩn 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của	2,5	2,5

	chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.		
2	Tiêu chí 2 - Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	17,5	17,5
2.1	Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	2,5	2,5
2.2	Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.	2,5	2,5
2.3	Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
2.4	Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.	2,5	2,5
2.5	Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
2.6	Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.	2,5	2,5
2.7	Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
3	Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo	17,5	17,5
3.1	Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2,5	2,5
3.2	Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô-đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
3.3	Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm	2,5	2,5

	việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.		
3.4	Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.	2,5	2,5
3.5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.	2,5	2,5
3.6	Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.	2,5	2,5
3.7	Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.	2,5	2,5
4	Tiêu chí 4 - Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức, người lao động	15	15
4.1	Tiêu chuẩn 4.1: Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2,5	2,5
4.2	Tiêu chuẩn 4.2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.	2,5	2,5
4.3	Tiêu chuẩn 4.3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.	2,5	2,5
4.4	Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
4.5	Tiêu chuẩn 4.5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây	2,5	2,5

	dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.		
4.6	Tiêu chuẩn 4.6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	15	15
5.1	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.	2,5	2,5
5.2	Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	2,5
5.3	Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.	2,5	2,5
5.4	Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	2,5	2,5
5.5	Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	2,5
5.6	Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
6	Tiêu chí 6 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10	10
6.1	Tiêu chuẩn 6.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.	2,5	2,5
6.2	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả	2,5	2,5

	cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.		
6.3	Tiêu chuẩn 6.3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.	2,5	2,5
6.4	Tiêu chuẩn 6.4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.	2,5	2,5
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	17,5	17,5
7.1	Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
7.2	Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
7.3	Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.	2,5	2,5
7.4	Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.5	Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.6	Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.7	Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2,5	2,5

Điểm đánh giá các tiêu chí

Tiêu chí	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	7,5/7,5
Tiêu chí 2	17,5/17,5
Tiêu chí 3	17,5/17,5
Tiêu chí 4	15/15
Tiêu chí 5	15/15
Tiêu chí 6	10/10
Tiêu chí 7	17,5/17,5
Tổng	100/100

2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1.1. Đánh giá tổng quát tiêu chí 1

Mục tiêu và sứ mạng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh được xác định và điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Giai đoạn 2020 – 2025, mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường là: “Xây dựng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng đầu của tỉnh Bắc Ninh và trong cả nước...”.

Từ năm 2022, mục tiêu và sứ mạng của Nhà trường được điều chỉnh theo hướng: “Tiếp tục xây dựng Nhà trường trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực, định hướng hội nhập quốc tế.”

Trong đó, việc xây dựng mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin (CNTT) được định hướng phù hợp với mục tiêu phát triển chung của Nhà trường. Mục tiêu của chương trình CNTT được xây dựng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, và được cụ thể hóa tại Điều 6 Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường: “Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên, nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp...”

Chính vì vậy, ở các giai đoạn phát triển khác nhau, Nhà trường luôn hướng đến mục tiêu đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó ngành CNTT là một trong những ngành được ưu tiên phát triển để đáp ứng yêu cầu nhân lực của tỉnh Bắc Ninh – một trung tâm công nghiệp – dịch vụ – công nghệ cao của cả nước. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX cũng xác định rõ nhiệm vụ: “Xây dựng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh trở thành trường Cao đẳng chất lượng cao.” Do đó, từ năm 2022, Nhà trường đã điều chỉnh mục tiêu và sứ mạng theo định hướng: đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành CNTT gắn chặt với nhu cầu nhân lực CNTT của địa phương và doanh nghiệp. Bắc Ninh là trung tâm phát triển công nghiệp

– công nghệ cao với tốc độ tăng trưởng mạnh. Theo báo cáo của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, toàn tỉnh hiện có gần 19.000 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó nhóm doanh nghiệp công nghiệp – công nghệ, điện tử, sản xuất thông minh chiếm tỷ trọng lớn và có nhu cầu tuyển dụng nhân lực CNTT ngày càng cao.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp – dịch vụ, đòi hỏi nguồn nhân lực CNTT có khả năng vận hành, triển khai hệ thống công nghệ, tham gia chuyển đổi số, quản trị mạng, an ninh thông tin và phát triển phần mềm trong doanh nghiệp FDI. Đây chính là cơ sở quan trọng để Khoa định hướng xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo phù hợp với xu thế và nhu cầu thực tiễn.

Khoa KH - KT - CNTT được giao nhiệm vụ phụ trách chương trình đào tạo ngành CNTT. Trên cơ sở mục tiêu chung của Nhà trường, Khoa đã chủ động xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo theo từng giai đoạn, bám sát quy hoạch phát triển nhân lực CNTT của tỉnh Bắc Ninh và nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng: Đáp ứng chuẩn đầu ra theo Thông tư 03/2017/BLĐTBXH; Gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp CNTT trong tỉnh và khu vực; tăng cường kỹ năng thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; Chú trọng năng lực ứng dụng công nghệ, an ninh mạng, lập trình, quản trị hệ thống và chuyển đổi số.

Nhờ sự gắn kết giữa mục tiêu đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, tỷ lệ HSSV sau tốt nghiệp ngành CNTT có việc làm hằng năm đạt trên 90%, trong đó nhiều sinh viên làm việc tại các doanh nghiệp công nghệ lớn trong và ngoài tỉnh.

Về nguồn lực thực hiện mục tiêu đào tạo, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là đơn vị sự nghiệp có thu, đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên, ổn định trong hoạt động nên không bị xáo trộn lớn trong triển khai các kế hoạch đào tạo. Nhà trường đã xây dựng và thực hiện đầy đủ Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý – cung ứng vật tư thiết bị đào tạo, và các quy định tài chính khác theo đúng hướng dẫn của cơ quan quản lý.

2.1.2. Những điểm mạnh

- Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Nhà trường có hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ đảm bảo mọi hoạt động của nhà trường theo hướng nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị. Hằng năm, đều được rà soát, điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động của nhà trường và các văn bản của cơ quan quản lý.

- Các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. Cơ cấu tổ chức của trường phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. Hội đồng trường và các hội đồng tư vấn nhà trường hoạt động hiệu quả, không chồng chéo theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định.

2.1.3. Những tồn tại: Không

2.1.4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Hằng năm, tiếp tục duy trì việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển chung của nhà trường, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động thuộc lĩnh vực điện lạnh, đặc biệt chú trọng các lĩnh vực công nghiệp.

- Tiếp tục đầu tư các nguồn lực cần thiết nhằm phát triển Khoa KH - KT - CNTT nói chung và chương trình nghề Công nghệ thông tin nói riêng thực sự trở thành chương trình chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	7,5
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp.

Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đến năm 2030 đã được Nhà trường đã xác định rõ:

Sứ mạng: Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp đào tạo đa cấp, đa ngành; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tiếp cận trình độ quốc tế; nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học vào sản xuất, phục vụ cho sự phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, kinh tế xã hội địa phương và đất nước.

Mục tiêu chung đến năm 2030: Trường trở thành trường cao đẳng chất lượng cao, có hệ thống quản trị hiện đại, hoạt động hiệu quả, có uy tín, nằm trong nhóm dẫn đầu của hệ thống Giáo dục nghề nghiệp, tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20, mở rộng các nghề trọng điểm, nghề chất lượng cao, có năng lực tự chủ và hoạt động hiệu quả.

Xây dựng thương hiệu “Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh” thành thương hiệu mạnh trong lĩnh vực GDNN.

Mục tiêu cụ thể, được chia thành các giai đoạn 2021-2025, 2026-2030: Mỗi giai đoạn đều có các mục tiêu cụ thể được định lượng rõ ràng, gồm: Chiến lược phát triển đào tạo (số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo, chương trình – giáo trình, phát triển ngành nghề); Chiến lược phát triển nguồn nhân lực (cơ cấu tổ chức, phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý); Chiến lược phát triển cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học,...

Sứ mạng, mục tiêu của trường đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là một cơ sở trong hệ thống GDNN thực hiện chức năng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp các ngành nghề thuộc lĩnh vực cơ khí nông nghiệp, phát triển nông thôn và theo nhu cầu của xã hội; đào tạo thường xuyên và hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất; tư vấn các lĩnh vực chuyên môn thuộc nhiệm vụ của Trường theo quy định của pháp luật. Định hướng phát triển của nhà trường trở thành trường cao đẳng chất lượng cao, đào tạo một số nghề đạt chuẩn trình độ quốc tế Như vậy, sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường.

Sứ mạng, mục tiêu của trường đảm bảo phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh được lựa chọn là một trong 45 trường được đầu tư trở thành trường nghề Chất lượng cao theo Quyết định số 761/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; theo Quyết định số 854/QĐ-LĐTBXH nhà trường được phê duyệt 02 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế và 05 nghề đạt cấp độ quốc gia. Như vậy, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh hiện đang đào tạo 18 nghề trình độ cao đẳng, 10 nghề trình độ trung cấp, 12 nghề trình độ sơ cấp thuộc các nhóm ngành nghề, quy mô đào tạo hàng năm, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường được công bố rộng rãi trên Website của Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Trải qua 55 năm xây dựng và phát triển, trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh được đánh giá là một trong những đơn vị dẫn đầu trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Bắc Ninh. Nhà trường không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng chuyên môn, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đa dạng hóa hình thức đào tạo, trở thành nơi phát triển nhân lực kỹ thuật - công nghệ trình độ cao đẳng cấp độ quốc tế, cung cấp nguồn lao động chất lượng cao cho tỉnh và cả nước.

Năm 2022 nhà trường đã từng bước hiện thực hóa mục tiêu : ‘Tiếp tục xây dựng nhà trường trở thành trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực định hướng hội nhập quốc tế’.

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin (CNTT) được xây dựng phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 5) và thống nhất với mục tiêu chung của nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao.

Năm 2025, nhà trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo sau chu kỳ 03 năm (2022–2025) trên cơ sở mục tiêu đã xác định của ngành CNTT là đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, có trình độ cao đẳng, nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực thực hành các công việc thuộc lĩnh vực CNTT như: phát triển phần mềm, quản trị hệ thống, cơ sở dữ liệu, mạng máy tính và ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, dịch vụ; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và thích ứng với sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ.

Mục tiêu này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của nhà trường. **(1.1.01- Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin năm 2025).**

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. **(1.1.02- Công bố Sổ tay chất lượng, sứ mệnh, chiến lược, chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm 2025; 1.1.03- Quyết định số 375-QĐ/CĐCN ngày 11/12/2024 Về việc Công bố Sổ tay chất lượng, sứ mệnh, chiến lược, chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh)**

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin hoàn toàn phù hợp Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành Công nghệ thông tin được quy định tại Thông tư số 47/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin phù hợp nhu cầu thị trường lao động

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin được xác định dựa trên nhu cầu thực tế của thị trường lao động tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Theo các báo cáo thống kê và dự báo của tỉnh, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đã tăng mạnh, với khoảng 79% lao động đã qua đào tạo trong năm 2024 do các cơ quan quản lý nghề nghiệp triển khai hiệu quả chính sách đào tạo và dịch vụ việc làm; trong đó chú trọng nâng cao kỹ năng nghề và chuyển giao công nghệ mới để đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao của doanh nghiệp, đặc biệt là trong các ngành công nghệ cao và sản xuất ứng dụng công nghệ số.

Bên cạnh đó, tỉnh Bắc Ninh đang thu hút mạnh mẽ đầu tư trong các khu công nghiệp, kéo theo nhu cầu tuyển dụng lao động lớn, đặc biệt lao động có kỹ năng công nghệ thông tin, quản trị hệ thống, phát triển phần mềm và ứng dụng số. Theo báo cáo của Báo Nhân Dân, trong năm 2025, tổng nhu cầu tuyển dụng lao động trên địa bàn đạt gần 120.000 vị trí, trong đó chủ yếu là lao động có kỹ năng nghề và trình độ chuyên môn cao.

Trong bối cảnh đó, mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin được thiết kế để đáp ứng yêu cầu nhân lực của thị trường lao động một cách hiệu quả, cụ thể:

Đào tạo người học có kiến thức chuyên sâu về lập trình, quản trị hệ thống, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu, bảo mật thông tin và phát triển ứng dụng số, phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh;

Trang bị kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững vàng và năng lực ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là kỹ năng số và kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế trong môi trường làm việc;

Đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số trong sản xuất – dịch vụ và quản lý nhà nước, góp phần thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động kinh tế – xã hội của tỉnh;

Hỗ trợ sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc trong nhóm tại các doanh nghiệp công nghệ cao, các khu công nghiệp, trung tâm dịch vụ IT và cơ quan quản lý.

Mục tiêu này phù hợp với xu hướng phát triển nhân lực chất lượng cao của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025–2030, trong đó tập trung nâng cao chất lượng lao động qua đào tạo, khuyến khích học nghề gắn với ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, đáp ứng yêu cầu phục hồi và mở rộng sản xuất – dịch vụ trong bối cảnh chuyển đổi số. (1.1.04- Quyết định số 1589/QĐ-TTg năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; 1.1.05- Quyết định 1305/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025–2030.)

Nhà trường thực hiện phối hợp cùng Trung tâm dịch vụ việc làm Bắc Ninh, trung tâm dịch vụ việc làm thanh niên thuộc Tỉnh Đoàn Bắc Ninh tổ chức ngày hội việc làm ngay trong ngày Lễ trao bằng tốt nghiệp cho HSSV (1.1.06- Ảnh chụp các hoạt động liên quan tổ chức chương trình ngày hội việc làm, tư vấn việc làm, tuyển dụng cho HSSV sau khi tốt nghiệp các năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.1.07- Website công bố về sứ mệnh và mục tiêu phát triển của nhà trường: <https://bci.edu.vn/muc-tieu-phat-trien.html>);

Nhà trường thực hiện khảo sát, báo cáo khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm, cán bộ có liên quan (1.1.08- Quyết định ban hành phiếu khảo sát người học về mục tiêu của chương trình đào tạo các năm 2022, 2023, 2024, 2025 Báo cáo kết quả thực hiện khảo sát các năm 2022, 2023, 2024, 2025)..

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Thông tư số 48/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin năm 2025, Nhà trường đã tổ chức biên soạn, cập nhật, thẩm định và ban hành chuẩn đầu ra cho nghề Công nghệ thông tin.

Chuẩn đầu ra đã quy định rõ về: Khối lượng kiến thức, được tính bằng giờ, số tín chỉ; Kiến thức; Kỹ năng; Mức độ tự chủ và trách nhiệm; Các năng lực của nghề; Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Khả năng học tập, nâng cao trình độ.

Năm 2024, căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Nhà trường đã tiến hành rà soát, cập nhật lại chuẩn đầu ra nghề Công nghệ thông tin.

Chuẩn đầu ra đã quy định rõ về: Kiến thức; Kỹ năng; Mức độ tự chủ và trách nhiệm; Các năng lực của nghề; Khối lượng kiến thức, được tính bằng giờ, số tín chỉ người học phải tích lũy cho mỗi trình độ.

Trong quá trình biên soạn, rà soát, cập nhật, chỉnh sửa, thẩm định chuẩn đầu ra nghề Công nghệ thông tin, Nhà trường đều mời các chuyên gia ở trường khác và doanh nghiệp tham gia, sự đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn đã giúp cho Nhà trường cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác.

Chuẩn đầu ra của nghề Công nghệ thông tin là cơ sở để Nhà trường rà soát, cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng và được công bố công khai trên trang Web: <https://bci.edu.vn/danh-sach-chuan-dau-ra-cac-nganh-nghe-nam-2025.html>. (1.2.01- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; C, 2025; 1.2.03- Biên bản họp phân công xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra của tổ biên soạn năm 2022, 2025; 1.2.04- Kế hoạch thực hiện của Tổ biên soạn chuẩn đầu ra năm 2022, 2025; 1.2.05- Biên bản hội thảo xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra của tổ biên soạn năm 2022, 2025; 1.2.03- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 1.2.07- Ý kiến thẩm định, nghiệm thu chuẩn đầu ra năm 2022, 2025 của các thành viên; 1.2.08- Biên bản thẩm định, nghiệm thu chuẩn đầu ra năm 2022, 2025; 1.2.09- Quyết định ban hành chuẩn đầu ra và chuẩn đầu ra nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2022, 2025).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, sinh viên về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (1.2.10- *Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.11- *Bộ phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.12- *Danh sách các đối tượng khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.13- *Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025, 2025*; 1.2.14- *Báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo ngành CNTT nhằm bổ sung các kiến thức, kỹ năng mới về công nghệ số, lập trình, dữ liệu, mạng và an toàn thông tin; đồng thời lược bỏ những nội dung không còn phù hợp, giúp chương trình đào tạo bắt kịp sự phát triển nhanh chóng của khoa học – công nghệ.

Để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới và phù hợp với xu hướng phát triển trong lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số, căn cứ vào Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và tham khảo mô đun “Năng lực số” theo Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”, khi rà soát, cập nhật, chỉnh sửa chuẩn đầu ra nghề Công nghệ thông tin, Nhà trường đã xác định kiến thức, kỹ năng số cơ bản và nâng cao đối với người lao động trên môi trường số; lồng ghép vào các năng lực liên quan tới kiến thức, kỹ năng số, công nghệ thông tin nhằm cung cấp các kiến thức, kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho người học (1.2.09- *Quyết định ban hành chuẩn đầu ra và chuẩn đầu ra nghề công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2022, 2025*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, sinh viên về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (1.2.10- *Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.11- *Bộ phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.12- *Danh sách các đối tượng khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.13- *Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2022, 2025*; 1.2.14- *Báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2,5 điểm

2.2. Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình

2.2.1. Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin của Nhà trường đều có quyết định phê duyệt, ban hành, đảm bảo chương trình dạy nghề được xây dựng, điều chỉnh trên cơ sở quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Song song với việc xây dựng, điều chỉnh, phát triển chương trình đào tạo, Nhà trường đã triển khai kế hoạch biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình, bài giảng các môn học, mô-đun, tổ chức thẩm định toàn bộ các giáo trình môn học, mô-đun do giáo viên Khoa biên soạn. Các giáo trình, bài giảng và tài liệu giảng dạy hiện có đã cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình dạy nghề, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Chương trình, giáo trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng được xây dựng, biên soạn thẩm định có sự tham gia của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của trường, các cán bộ từ các doanh nghiệp, cán bộ từ các cơ quan quản lý nhà nước và được thực hiện theo đúng quy định

2.2.2. Những điểm mạnh:

- Các bộ chương trình, giáo trình nghề Công nghệ thông tin của Nhà trường được xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. Thể hiện được kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, có sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học
- Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học
- Có đủ giáo trình cho 100% mô-đun, môn học của chương trình đào tạo, các giáo trình được biên soạn, lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.
- Giáo trình đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học; nội dung giáo trình phù hợp..

2.2.3. Những tồn tại:

- Chương trình đào tạo, giáo trình đã được rà soát xây dựng và thẩm định; ban hành theo đúng quy định. Tuy nhiên vẫn chưa cập nhật kịp với sự phát triển nhanh chóng của ngành Công nghệ thông tin hiện nay
- Công tác đào tạo liên thông còn chưa đạt yêu cầu do nhu cầu học tập nâng cao trình độ của học viên ít, số lượng học viên đăng ký ngành công nghệ thông tin chưa đáp ứng đủ tiêu chí của Trường Đại học liên kết.

2.2.4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Tăng cường liên kết đào tạo với các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các tổ chức trong nước và quốc tế.
- Tăng cường xây dựng các phòng học chuyên môn hóa, đầu tư thiết bị đa phương tiện, đồ dùng dạy học cho các phòng học tạo nhằm ứng dụng công nghệ dạy học hiện

đại, ứng dụng công nghệ thông tin cho hoạt động dạy và học. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho giảng viên về phương pháp đào tạo hiện đại.

- Thực hiện đổi mới phương pháp, quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, tổ chức hội thảo mỗi năm một lần làm cơ sở để cải tiến các phương pháp, quy trình kiểm tra để đánh giá kết quả học tập của HSSV.

- Nâng cấp cập nhật các phần mềm quản lý hoạt động đào tạo. Tiếp tục số hóa tài liệu giảng dạy vào Phần mềm quản lý dạy học trực tuyến và Thư viện số (LMS).

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	17,5
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	2,5
Tiêu chuẩn 7	2,5

Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng, tại mục 2 (Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học), cho thấy, chương trình thường phân bổ các môn học chung, các môn học cơ sở và cơ sở nghề, các môn học/mô-đun chuyên môn nghề được sắp xếp ở các học kỳ sau, thực tập tốt nghiệp được bố trí sau khi đã hoàn thành tất cả các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo. Chương trình môn học/mô-đun trong chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghệ trình độ cao đẳng đều chỉ rõ vị trí, tính chất của môn học/mô-đun, điều kiện tiên quyết hoặc song hành của môn học/mô-đun, điều này đảm bảo sự logic, kế thừa các kiến thức, kỹ năng lẫn nhau giữa các môn học/môn học đảm bảo thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo và đảm bảo chuẩn đầu ra của nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng của Nhà trường. Trong chương trình đào tạo Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng, ở mục 3 (Nội dung chương trình), thể

hiện rõ thời gian học tập (giờ) của từng MH/MĐ. Nội dung cụ thể của từng MH/MĐ cũng thể hiện rõ thời gian cho từng bài, từng chương, từng mục, thời gian lý thuyết, thời gian thực hành, thời gian kiểm tra, thi (1.2.01- *Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025*; 1.2.02- *Quyết định thành lập Tổ biên soạn chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025*; 1.2.03- *Biên bản họp phân công xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo của tổ biên soạn năm 2022, 2025*; 2.1.01- *Kế hoạch thực hiện của Tổ biên soạn chương trình đào tạo năm 2022, 2025*; 2.1.02- *Biên bản họp xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo của tổ biên soạn năm 2022, 2025*; 1.2.03- *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025*; 2.1.04- *Ý kiến thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2022, 2025 của các thành viên*; 2.1.05- *Biên bản thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2022, 2025*; 1.1.11- *Quyết định ban hành và chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2022, 2025*).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (1.2.10- *Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.11- *Bộ phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.12- *Danh sách các đối tượng khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.13- *Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025, 2025*; 1.2.14- *Báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình phát triển của Ngành, địa phương và Đất nước thì tỉnh Bắc Ninh phê duyệt chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025. Tập trung phát triển các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ có nhu cầu và lợi thế phát triển, phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ của tỉnh Bắc Ninh gồm: Sản xuất, lắp ráp sản phẩm linh kiện điện tử, cơ khí chính xác, công nghiệp hỗ trợ cho các ngành công nghệ cao, chế biến thực phẩm - đồ uống. Đặc biệt là phát triển hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Do vậy trong Đề án thành lập Trường và đề án Trường chất lượng cao, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã xác định rõ mục tiêu phát triển: “Tiếp tục xây dựng Nhà trường trở thành Trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực định hướng hội nhập Quốc tế. Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp có uy tín, chất lượng cao, cấp độ khu vực ASEAN”, với phương châm: “Trật tự kỷ cương, khách quan, công bằng, sáng tạo và hiệu quả”, (2.2.01 – *Đề án thành lập*

trường Cao đẳng, Đề án trường chất lượng cao năm 2021; 2.2.02 – Quyết định 1662/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Bắc Ninh về việc “Phê duyệt Dự án đầu tư và phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đến năm 2025 trở thành trường chất lượng cao”). Đáp ứng nhu cầu lao động của thị trường cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu lao động là phương châm hoạt động của trường; trong đó, Nhà trường xác định việc xây dựng các chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động là hết sức cần thiết. Căn cứ điều 3 chương II Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH: Nội dung chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu phát triển của nghề, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ, Nhà trường khi xây dựng, chỉnh sửa các Chương trình đào tạo ngành công nghệ thông tin có nội dung đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động, đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

Công nghệ thông tin được xác định là một trong các nghề đào tạo mũi nhọn của nhà trường theo xu thế phát triển của khoa học, kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực của địa phương và đất nước. Nhà trường xác định điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo là nhiệm vụ quan trọng nhằm từng bước đưa chương trình dạy nghề sát với thực tế sản xuất của doanh nghiệp và cập nhật các tiến bộ khoa học công nghệ vào giảng dạy đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ (1.2.01- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 1.2.02- Quyết định thành lập Tổ biên soạn chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 1.2.03- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 2.1.04- Ý kiến thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2022, 2025 của các thành viên; 2.1.05- Biên bản thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2022, 2025; 1.1.11- Quyết định ban hành và chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2022, 2025).

Tất cả các mô đun, môn học của Chương trình đào tạo ngành công nghệ thông tin năm 2022, năm 2025 được thông qua Hội đồng thẩm định chương trình, được lấy ý kiến của Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp hàng năm (năm 2023, 2024, 2025). Các ý kiến đóng góp và đánh giá của họ đều nhất trí là *Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương* (1.2.10- Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.11- Bộ phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.12- Danh sách các đối tượng khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.13- Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025; 1.2.14- Báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025).

Chương trình đào tạo ngành công nghệ thông tin năm 2022, năm 2025 có Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản

xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của Nhà trường, vì vậy, khi xây dựng chương trình, Nhà trường đều mời các đại diện cho các doanh nghiệp tham gia, sự đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành giúp cho Nhà trường điều chỉnh chương trình theo sát với thực tế. Khi thẩm định các chương trình, Nhà trường cũng mời đại diện các doanh nghiệp tham gia Hội đồng thẩm định.

Khi xây dựng chương trình đào tạo, căn cứ Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH, Nhà trường đã xây dựng và có quyết định ban hành chuẩn đầu ra cho nghề Công nghệ thông tin (1.2.09- *Quyết định ban hành chuẩn đầu ra và chuẩn đầu ra nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2022, 2025*). Chuẩn đầu ra của chương trình cao đẳng đã quy định rõ các chuẩn đầu ra về: Kiến thức; Kỹ năng; Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm; Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp có thể đảm nhận; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường. Chuẩn đầu ra của nghề Công nghệ thông tin là cơ sở để Nhà trường xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng.

Trong Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, Nhà trường đã quy định rõ (Bước 4) yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu thông qua thời lượng của chương trình phù hợp với quy định trong Thông tư số 12/2017/BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH, yêu cầu về năng lực thể hiện qua Mục tiêu đào tạo của chương trình về: Kiến thức, Kỹ năng; Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm,... mà người học đạt được của chương trình đào tạo và của từng mô-đun/môn học, quy định tỷ lệ giữa thời gian học lý thuyết và thực hành.

Trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2022 cho thấy, mục tiêu của chương trình (mục I) bao gồm mục tiêu chung (1) và mục tiêu cụ thể (2). Mục tiêu cụ thể trong chương trình đào tạo bao gồm các mục tiêu về: kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; cơ hội việc làm; Mục III- khối lượng kiến thức và thời gian khóa học bao gồm số lượng MH/MĐ là 26 khối lượng kiến thức toàn khóa 136 tín chỉ, khối lượng các MH chung thời lượng 435 giờ, khối lượng các MH/MĐ chuyên môn 2.760 giờ, khối lượng lý thuyết 747 giờ, thực hành 1.827 giờ, kiểm tra 159 giờ. Trong chương trình các mô-đun/môn học của chương trình đào tạo cũng được chỉ rõ khối lượng kiến thức và thời gian, mục tiêu của mỗi mô-đun/môn học

và mục tiêu của từng chương, bài: về kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học sau mỗi chương, bài; khối lượng kiến thức và thời gian.

Trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2025 cho thấy, Mục 6 (Nội dung chương trình)- khối lượng kiến thức và thời gian khóa học bao gồm số lượng MH/MĐ là 29, khối lượng kiến thức toàn khóa 120 tín chỉ, khối lượng các MH chung thời lượng 435 giờ, khối lượng các MH/MĐ chuyên môn 2.436 giờ, khối lượng lý thuyết 576 giờ, thực hành 1.725 giờ, kiểm tra 135 giờ.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng của Nhà trường đều có phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học được thể hiện ở Mục V (Nội dung và Phương pháp đánh giá) bao gồm: (1) Nội dung đánh giá: Kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; (2) Phương pháp đánh giá: kiểm tra định kỳ, thi kết thúc môn học/mô-đun với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, bài tập/thực hành, bài tập lớn; Điều kiện dự thi kết thúc môn học; Cách tính điểm; Thang điểm: tính theo thang điểm 10 (1.2.01- *Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025*; 1.2.02- *Quyết định thành lập Tổ biên soạn chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025*; 1.2.03- *Biên bản họp phân công xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo của tổ biên soạn năm 2022, 2025*; 2.1.01- *Kế hoạch thực hiện của Tổ biên soạn chương trình đào tạo năm 2022, 2025*; 2.1.03- *Biên bản hội thảo xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo của tổ biên soạn năm 2022, 2025*; 1.2.03- *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025*; 2.1.04- *Ý kiến thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2022, 2025 của các thành viên*; 2.1.05- *Biên bản thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2022, 2025*; 1.1.11- *Quyết định ban hành và chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2022, 2025*).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (1.2.10- *Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.11- *Bộ phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.12- *Danh sách các đối tượng khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.13- *Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025*; 1.2.14- *Báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% chương trình đào tạo của trường đều được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật đúng quy trình, quy định, đáp ứng yêu cầu mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của từng nghề, từng trình độ. Trong quá trình rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, Nhà trường đều

mời cán bộ quản lý, các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật từ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp sử dụng lao động và các nhà giáo, chuyên gia giàu kinh nghiệm từ các cơ sở đào tạo khác tham gia tổ biên soạn, thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo đã ban hành, Nhà trường đều đảm bảo được đánh giá, cập nhật và điều chỉnh ít nhất 3 năm/lần. Chương trình ban hành bao gồm chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun, quy định cụ thể mục tiêu yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chịu trách nhiệm, thời gian thực hiện, hướng dẫn giảng dạy, đánh giá kết quả học tập (1.2.01- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 1.2.02- Quyết định thành lập Tổ biên soạn chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 1.2.03- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 1.1.11- Quyết định ban hành và chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2022, 2025).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin. Kết quả khảo sát nhận về điều đánh giá chương trình đào tạo đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương (1.2.10- Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.11- Bộ phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.12- Danh sách các đối tượng khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.13- Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025; 1.2.14- Báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi biên soạn, lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy, Nhà trường căn cứ vào chương trình đào tạo của các nghề. Chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2022 có tổng số 26 MH/MĐ, năm 2025 có 29 MH/MĐ (1.1.11- Quyết định ban hành và chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2022, 2025).

Số lượng giáo trình biên soạn của nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2025 là 21 giáo trình, như vậy, số lượng giáo trình đúng, đủ với từng MH/MĐ của chương trình. Số lượng giáo trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2025 giáo trình được ban hành và lưu hành nội.

Năm 2025, có 21 giáo trình được lựa chọn, sử dụng theo giáo trình ban hành của năm 2025, giáo trình được ban hành và lưu hành nội bộ.

Mô đun Thực tập tốt nghiệp và mô đun Đồ án tốt nghiệp, 06 môn học chung Trường sử dụng giáo trình Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành, 01 môn học chung

(Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên) theo ban hành nội bộ của nhà trường (1.2.01- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 1.2.02- Quyết định thành lập Tổ biên soạn chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 2.5.01- Biên bản họp phân công biên soạn giáo trình đào tạo của tổ biên soạn năm 2022, 2025; 2.5.02- Kế hoạch thực hiện của Tổ biên soạn giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 2.5.03- Biên bản hội thảo biên soạn trình đào tạo của tổ biên soạn năm 2022, 2025; 1.2.03- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 2.5.04- Ý kiến thẩm định, nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2022, 2025 của các thành viên; 2.5.05- Biên bản thẩm định, nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 2.5.06- Quyết định ban hành và giáo trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2022, 2025).

Khi tổ chức biên soạn giáo trình, Nhà trường đều lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo (2.5.07- Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình năm 2022, 2025 của cán bộ quản lý, nhà giáo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% giáo trình đào tạo Công nghệ thông tin được xây dựng hoặc lựa chọn theo đúng quy định trên cơ sở tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo đã xây dựng để làm tài liệu giảng dạy chính thức. Cấu trúc giáo trình thể hiện rõ thông tin chung của giáo trình đào tạo, mã môn học, mô-đun; vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò; mục tiêu của giáo trình môn học, mô-đun. Nội dung của giáo trình môn học, mô-đun bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các bản vẽ, hình vẽ, bài tập, những điểm cần ghi nhớ và các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập khi kết thúc chương, bài và kết thúc môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo (1.1.11- Quyết định ban hành và bộ chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2025).

Tất cả các giáo trình của nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng đã thể hiện rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của bài, từng chương (về Kiến thức, Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm) phù hợp với mục tiêu trong chương trình mô-đun, môn học đã xác định trong chương trình đào tạo để đạt được chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình đào tạo (1.2.01- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 1.2.02- Quyết định thành lập Tổ biên soạn chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 2.5.01- Biên bản họp phân công biên soạn giáo trình đào tạo của tổ biên soạn năm 2022, 2025; 2.5.02- Kế hoạch thực hiện của Tổ biên soạn giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 2.5.03- Biên bản hội thảo biên

soạn trình đào tạo của tổ biên soạn năm 2022, 2025; 1.2.03- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 2.5.04- Ý kiến thẩm định, nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2022, 2025 của các thành viên; 2.5.05- Biên bản thẩm định, nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 2.5.06- Quyết định ban hành và giáo trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2022, 2025).

100% giáo trình nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng của Nhà trường được biên soạn, căn cứ vào chương trình mô-đun, môn học đã được công bố trong chương trình đào tạo, cho thấy, tất cả giáo trình cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo của nghề. Các mô-đun chuyên môn nghề của chương trình đào tạo Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng được mô phỏng bằng các mô hình, các thiết bị, phần mềm mô phỏng, các quy trình, các sơ đồ,... trong giáo trình giúp cho giảng viên và sinh viên có thể tương tác, kết nối trong dạy và học. Giáo trình được thực hiện triển khai theo phương pháp tích hợp, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành giúp cho sinh viên dễ nắm bắt, thực hiện đúng quy trình và nhớ được quy trình thực hiện các thao tác chuyên môn nghiệp vụ. Khi tổ chức biên soạn giáo trình, Nhà trường đều lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo (2.5.07- *Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình năm 2022, 2025 của cán bộ quản lý, nhà giáo*).

Hằng năm, Nhà trường đã lấy ý kiến của nhà giáo, sinh viên về nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, kết quả thu được là các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo (1.2.10- *Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.11- Bộ phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.12- Danh sách các đối tượng khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.13- Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025; 1.2.14- Báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi Nhà trường có kế hoạch rà soát, cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì đều có kế hoạch để rà soát, cập nhật, chỉnh sửa giáo trình theo chương trình đào tạo. 100% giáo trình của Nhà trường đều được rà soát, cập nhật đúng quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo (1.2.01- *Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo năm 2022, 2025; 1.1.11- Quyết định ban hành và bộ chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng năm 2025; 2.5.06- Quyết định ban hành và giáo trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng*

năm 2022, 2025; 2.5.07- Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình năm 2022, 2025 của cán bộ quản lý, nhà giáo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2,5 điểm

2.3. Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo

2.3.1. Đánh giá tổng quát tiêu chí 1

Hoạt động đào tạo được xác định là một hoạt động trung tâm của khoa KH - KT - CNTT nói riêng cũng như của Nhà trường nói chung. Quá trình tổ chức các hoạt động đào tạo phải luôn hướng tới và đạt được mục tiêu đào tạo. Để làm được điều đó, khoa đã có chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học, yêu cầu của người sử dụng lao động. Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, vươn tới đạt chuẩn đào tạo của các nước tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

Chất lượng đào tạo được Nhà trường coi là sự sống còn trong việc thực hiện sứ mạng và khẳng định vị trí và thương hiệu nhà trường cũng như của khoa KH - KT - CNTT. Trong quá trình tổ chức dạy và học, kế hoạch đào tạo được khoa xây dựng khoa học, phù hợp trên cơ sở điều kiện thực tế và đặc biệt quan tâm tới các yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh và thực hiện nghiêm túc.

Nhà trường chủ trương và thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình thi, kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học, mô-đun nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; việc tuyển sinh được thực hiện đúng thủ tục, đúng nguyên tắc, thể hiện được sự đa dạng hoá hình thức tổ chức và sự sáng tạo, chương trình đào tạo ngày càng thể hiện sự gắn kết với thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu việc làm của người học và yêu cầu của người sử dụng.

2.3.2. Những điểm mạnh

Trong những năm qua, với sự nỗ lực rất lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên nhà trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã ngày càng khởi sắc trên tất cả các phương diện. Trong đó, khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao thể hiện ở các mặt:

- Kết quả tuyển sinh nhiều năm từ 2023-2025 đều đạt từ 100% trở lên so với kế hoạch đề ra. Thực hiện đúng các quy định về công tác tuyển sinh, xét tuyển.

- Trường và khoa đã xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo hợp lý khoa học, chương trình giáo trình đầy đủ được cập nhật và điều chỉnh hàng năm. Trong giảng dạy nghề Công nghệ thông tin, giáo viên đã sử dụng nhiều phương pháp, nhiều phần mềm ứng dụng, video mô phỏng phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học.

- Công tác phối hợp với doanh nghiệp được Trường và khoa chuyên môn chú trọng. Sinh viên nghề Công nghệ thông tin được thực tập, thực hành ở nhiều doanh nghiệp khác nhau, nội dung thực tập, thực hành phù hợp với chuyên môn nghề. Đặc biệt, đã phối hợp với doanh nghiệp để sản xuất ra sản phẩm ngay tại xưởng, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và sinh viên được tiếp cận môi trường doanh nghiệp trong suốt thời gian đào tạo.

- Thực hiện công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đúng quy chế, nghiêm túc, công khai. Sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp kịp thời tạo điều kiện cho người học, hồ sơ được lưu trữ đầy đủ.

- Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hiệu quả. Trường khoa có kế hoạch kiểm tra nội bộ đã góp phần kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp. Nhà trường có tổ thanh kiểm tra công tác đào tạo, luôn thực hiện kiểm tra đột xuất, kiểm tra có kế hoạch.

2.3.3. Những tồn tại:

- Mặc dù Trường và khoa chuyên môn đã rất cố gắng chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, đội ngũ, chương trình, giáo trình nhưng hiệu quả chưa tương xứng.

- Cần chú trọng nâng cao các kỹ năng cho sinh viên, cập nhật thêm các tài liệu, các phần mềm mà Trường chưa có và các doanh nghiệp đang sử dụng.

- Cần có chiến lược mở rộng quy mô các ngành nghề, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và có chính sách để thu hút giảng viên có kinh nghiệm và trình độ tham gia giảng dạy.

2.3.4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, vươn tới đạt chuẩn đào tạo của các nước tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	17,5
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	2,5
Tiêu chuẩn 7	2,5

Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện công tác đào tạo trên cơ sở đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, giáo trình và các điều kiện khác để tổ chức giảng dạy và học tập. Trường đã đăng ký và Tổng cục GDNN cấp giấy phép đào tạo với tổng số 08 nghề cao đẳng trong đó có nghề Công nghệ thông tin với quy mô 30 sinh viên hệ cao đẳng, 18 trung cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (**3.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 175/2017/GCNDKHHĐ-TCDN** ngày 23/6/2017). Hàng năm nhà trường căn cứ vào Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017, Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019; Thông tư số 05/2021/TT- BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động TB&XH, Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trên cơ sở đó, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh xác định chỉ tiêu tuyển trình độ trung cấp, cao đẳng với đầy đủ các thông tin về đối tượng áp dụng, thời gian, hình thức tuyển sinh, nội dung, hồ sơ, tổ chức thực hiện. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo các quy định và Giấy chứng nhận đăng ký GDNN được cấp, các chính sách ưu tiên được thể hiện rõ. Trong đó nghề Công nghệ thông tin với chỉ tiêu 3 năm 2023, 2024, 2025 trên 80 sinh viên (**3.1.02 - Các Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp, cao đẳng hàng năm**).

Năm 2023, 2024, 2025 chỉ tiêu nghề Công nghệ thông tin hiện nhà trường đang tuyển sinh theo kế hoạch (**3.1.03 - Kế hoạch tuyển sinh của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh hàng năm**).

Bảng tổng hợp kế hoạch và kết quả tuyển sinh:

TT	Năm học	Kế hoạch tuyển sinh	Kết quả tuyển sinh	Tỷ lệ kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)*100/(3)	
1	2022-2023	35	74	211,4%	Khóa 13
2	2023-2024	80	60	75,0%	Khóa 14
3	2024-2025	70	51	72,8%	Khóa 15
4	2025-2026	80	90	112,5%	Khóa 16

Hàng năm, trên cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh, nhà trường đã ra thông báo tuyển sinh và tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như tại trang Website của trường www.bci.edu.vn, mã QR code để tuyển sinh online, treo các banzon tại cổng trường, tại các trường THCS, THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và trên đài, báo Bắc Ninh, trong các chương trình tư vấn tuyển sinh và giới thiệu việc làm của trường trong đó có nghề Công nghệ thông tin được chú trọng tuyên truyền đào tạo chất lượng cao (**3.1.04 - Thông báo tuyển sinh hàng năm; 3.1.05- Hình ảnh banzon, mã QR code dùng cho công tác tuyển sinh**).

Các năm 2023, 2024, 2025 Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh với thành phần đúng quy định, thành lập Ban thư ký hội đồng làm chức năng tham mưu tổ chức xét tuyển theo đúng các quy chế tuyển sinh tùy theo ngành, nghề. Trình độ có điều kiện xét tuyển khác nhau, sau khi xét tuyển có bộ phận thanh kiểm tra lại kết quả tuyển sinh để đảm bảo học sinh, sinh viên trúng tuyển đáp ứng các yêu cầu của ngành, nghề theo học trong đó có nghề Công nghệ thông tin dựa trên kết quả thi hoặc tổng kết 3 môn (Toán, Lý, Hóa) (**3.1.06-Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hàng năm; Quyết định thành lập Ban thư ký và tư vấn tuyển sinh hàng năm**).

Tại Trường, phòng Quan hệ công chúng được giao nhiệm vụ thu nhận hồ sơ dự tuyển của HSSV bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến, hồ sơ gửi qua bưu điện, tổng hợp hồ sơ chuyển cho Hội đồng tuyển sinh xét tuyển theo từng đợt trong năm. Kết quả xét duyệt được thông báo rộng rãi và niêm yết công khai tại trường (**3.1.07 - Hồ sơ đăng ký xét tuyển hàng năm ; 3.1.08 - Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh hàng năm ; 3.1.09 - Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển hàng năm**).

Sau khi có kết quả phê duyệt trúng tuyển, Trường xác định thời điểm nhập học và gửi giấy báo kết quả trúng tuyển, dự kiến thời gian nhập học, các hồ sơ cần hoàn thiện, người học có thể nhận giấy báo trực tiếp tại trường các trường hợp ở xa nhà, trường gửi qua đường bưu điện đồng thời gọi điện thông báo tới người học.

Căn cứ vào danh sách trúng tuyển các ngành nghề, phòng Đào tạo biên chế các lớp học đảm bảo số lượng theo quy định, cụ thể nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng kết quả tuyển sinh và biên chế các lớp qua các năm 2023, 2024, 2025 kết quả đều đạt trên 70% chỉ tiêu (**3.1.10 - Các Quyết định biên chế các lớp tuyển sinh hàng năm**).

Hàng năm nhà trường đều có các Báo cáo đánh giá về công tác tuyển sinh, trong đó đã nêu cụ thể số sinh viên các nghề tuyển được so với kế hoạch, đánh giá được những khó khăn, tồn tại trên cơ sở đó đề ra phương hướng, giải pháp cho các năm tiếp theo. Báo cáo tuyển sinh năm 2021, phương án tuyển sinh năm 2022 ngày 25/11/2021; Báo cáo tuyển sinh năm 2022, phương án tuyển sinh năm 2023, Báo cáo tuyển sinh năm 2023, phương án tuyển sinh năm 2024; Báo cáo tuyển sinh năm 2024, phương án tuyển sinh năm 2025 các Báo cáo được gửi về Sở Lao động TB&XH tỉnh Bắc Ninh, Tổng cục GDNN tổng hợp theo quy định (**3.1.11 - Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026**).

Để công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy chế tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm nhà trường đã thành lập Ban thanh kiểm tra công tác tuyển sinh: **(3.1.12 - Quyết định thành lập ban thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025)**; tại các biên bản kiểm tra các năm không có các trường hợp vi phạm quy chế tuyển sinh, việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với quy mô và kế hoạch được giao, không có các khiếu nại, tố cáo sai phạm về công tác tuyển sinh **(3.1.13 - Biên bản thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025)**.

2. Đánh giá Tiêu chuẩn 3.1: Đạt

Cơ sở GDDN tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện quản lý công tác đào tạo đúng quy định theo Thông tư số 23/2018/TT - BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động TB&XH nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về việc quản lý, sử dụng hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại Quyết định số 38/QĐ-CĐCN ngày 25/3/2019 trong đó quy định đầy đủ về kế hoạch, tiến độ đào tạo, kế hoạch giáo viên cũng như hồ sơ, sổ sách của giáo viên. **(3.2.01 - Quyết định số 38/QĐ-CĐCN ngày 25/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc quản lý, sử dụng hồ sơ sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng)**.

Hàng năm phòng Đào tạo chủ trì phối hợp cùng các khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo cho chung toàn trường trong đó có nghề Công nghệ thông tin đã được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt **(3.2.02 - Kế hoạch đào tạo khóa học 2023-2026, 2024-2027, 2025-2028; 3.2.03 - Tiến độ giảng dạy năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026)** sau khi có kế hoạch và tiến độ Khoa căn cứ vào chuyên môn, nhiệm vụ của từng giáo viên. Khoa xây dựng kế hoạch giáo viên theo từng học kỳ, 22 giáo viên tham gia giảng dạy thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy và tiến độ giảng dạy đúng theo thời khóa biểu đã được Ban Giám hiệu ký duyệt **(3.2.04 - Kế hoạch giáo viên theo học kỳ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.2.05 - Thời khóa biểu theo tuần học của năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026)**. Riêng năm 2022 do tình hình dịch Covid-19 vẫn còn, Trường đã điều chỉnh tiến độ đào tạo vào thời gian hè, thay đổi học theo hình thức học lý thuyết online, điều chỉnh kế hoạch học tập đối với các lớp đang học mô đun **(3.2.06 - Các Thông báo điều chỉnh tiến độ đào tạo năm học do dịch Covid-19)**

Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên

chế (**3.2.07-** Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế); Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun (**3.2.08-** Quyết định số 205/QĐ-CĐCN, ngày 30/7/2019; Quyết định số 320/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022, về việc ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun; Quyết định số 233/QĐ-CĐCN ngày 17/5/2023, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun kèm theo Quyết định số 320/QĐ-CĐCN ngày 10/08/2022; Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-CĐCN, ngày 06/02/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun).

Giáo viên tham gia giảng dạy nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng có đầy đủ hồ sơ, giáo án, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp. Các hồ sơ được lưu trữ đầy đủ, rõ ràng đúng quy định (**3.2.09-Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy, Sổ tay nhà giáo nghề Công nghệ thông tin năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.3.10 - Các Biên bản dự giờ ngày năm 2024, 2025).**

Khoa ký duyệt hồ sơ, giáo án cho giáo viên trước khi lên lớp, tổ chức dự giờ thường xuyên, đột xuất đối với giáo viên trong khoa; Trường hàng năm thành lập các tổ thanh kiểm tra đào tạo và đề nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã thành lập Tổ khảo thí và đảm bảo chất lượng trực thuộc phòng Đào tạo tại Quyết định số 96/QĐ-CĐCN ngày 23/3/2022 (**3.3.11 - Quyết định thành lập tổ thanh kiểm tra đào tạo, khảo thí BĐBCL hàng năm).**

Thực hiện các quyết định, hàng năm các tổ thanh kiểm tra đã chủ động lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra theo đúng kế hoạch (**3.3.12- Kế hoạch kiểm tra đào tạo hàng năm).** Đã kiểm tra khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT và đã đánh giá việc tổ chức giảng dạy đúng kế hoạch, tiến độ, hồ sơ đầy đủ, cấp phát vật tư đầy đủ theo quy định. Kết quả kiểm tra chi tiết đối với giáo viên được thể hiện đầy đủ trong các Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy - học và Báo cáo Kết quả kiểm tra đào tạo của ngành CNTT.

Qua công tác kiểm tra, dự giờ đã giúp cho khoa và nhà trường chủ động điều chỉnh kế hoạch, tiến độ phù hợp, đảm bảo chất lượng nâng cao ý thức giáo viên, đảm bảo chất lượng đào tạo, hiệu quả (**3.3.13 - Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm 2023, 2024, 2025 và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo năm học 2023, 2024, 2025).**

2. Đánh giá Tiêu chuẩn 3: Đạt

Cơ sở GDNN tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, phòng Đào tạo chủ trì phối hợp cùng các khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo cho chung toàn trường được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt (**3.2.02 - Kế hoạch đào tạo các khóa học ; 3.2.03 - Tiến độ giảng dạy các năm học**) sau khi có kế hoạch và tiến độ Khoa căn cứ vào chuyên môn, nhiệm vụ của từng giáo viên mà xây dựng kế hoạch giáo viên theo từng học kỳ. Thời khóa biểu hàng tuần được lập và lưu trữ tại khoa - phòng Đào tạo. Giáo viên tham gia giảng dạy đúng theo thời khóa biểu đã được lãnh đạo nhà trường ký duyệt (**3.2.04 -Kế hoạch giáo viên theo học kỳ năm học; 3.2.05 - Thời khóa biểu theo tuần học của năm học**).

Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế (**3.2.07- Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế**); Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun (**3.2.08- Quyết định ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun**).

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin của trường được ban hành: (**3.3.01 - Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình đào tạo kèm theo**).

- Năm 2019 theo Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 26, 128 tín chỉ trong chương trình. Đã thể hiện rõ mỗi môn học, mô đun đều có hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập của các môn học, mô đun, các phương pháp dạy học kết hợp trang bị kiến thức chuyên môn với thực hành tay nghề cuối khóa. Sinh viên có mô đun Đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp để phát huy tính sáng tạo, chủ động của người học.

- Năm 2022, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ thông tin tại Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 áp dụng từ năm học 2022-2023 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 26, 136 tín chỉ.

- Năm 2025, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ thông tin tại Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 áp dụng từ năm học 2025-2026 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 29, 120 tín chỉ. Chương trình được điều chỉnh bổ sung và đưa vào các mô đun chuyên sâu nhằm nâng

cao năng lực cho người học giúp người học có nhiều lựa chọn khi tham gia đào tạo chuyên ngành.

Tổ thanh, kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất bằng nhiều phương pháp như giám sát giờ dạy và học theo thời khóa biểu, dự giờ, kiểm tra hồ sơ giáo viên... Ngoài ra khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT hàng năm xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch dự giờ tại các biên bản dự giờ, phiếu đánh giá giờ giảng và báo cáo kết quả dự giờ của khoa cũng cho thấy: các giáo viên có đầy đủ hồ sơ giáo án, sổ lên lớp... giáo viên đã sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với các môn học, mô đun có sự kết hợp giữa trang bị kiến thức với kỹ năng thực hành, sử dụng các phương pháp phát huy tích cực của sinh viên như mô phỏng, chia nhóm thực hành, thảo luận nhóm, làm bài tập thực hành (**3.3.12- Kế hoạch kiểm tra đào tạo hàng năm; 3.3.02 - Biên bản dự giờ các môn học của khoa hàng năm; 3.3.03 - Các phiếu đánh giá giờ giảng các năm học hàng năm; 3.3.04 - Báo cáo kết quả dự giờ, kế hoạch khắc phục khoa hàng năm; 3.2.09 - Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy, Sổ tay nhà giáo nghề Công nghệ thông tin các năm học**)

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, hội nhập khu vực và thế giới, hàng năm nhà trường đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại đặc biệt là các trang thiết bị phục vụ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, các phần mềm hỗ trợ dạy học... để hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình dạy học (**3.3.05 - Danh sách các thiết bị hỗ trợ dạy học: máy tính, máy chiếu vật thể, máy chiếu Projector, Hệ thống các TV thông minh -Smart TV...**). Đối với nghề Công nghệ thông tin nhà trường đã đầu tư mua các phần mềm và ban hành quy định sử dụng tại các *Quyết định số 30/QĐ-CĐCN ngày 28/01/2019; Quyết định số 50/QĐ-CĐCN ngày 29/01/2020* hiện đang sử dụng 05 phần mềm chuyên dụng và các video mô tả để giảng dạy. Các phần mềm được các giáo viên sử dụng hiệu quả (**3.3.06 - Phần mềm văn phòng “Power point, Word, Excel”, các Video giới thiệu, Phần mềm Sublime text, Visual studio code, Proshow, Adobe Premiere, Adobe After Effect, Adobe illustrator, Adobe Photoshop, Adobe illustrator, Corel Draw, DLC boot 2017, Phần mềm ảo VMWare, DreamWeaver, Edraw Network Diagram, Cisco, SQL 2012, Visula Stdio 2013, Proshow Producer + Cyberlink PowerDirector, SQL server, Eclipse, JDK, Netbeans ...**).

Ngoài các phần mềm được trang bị riêng còn có các phần mềm dùng chung với nhà trường như Phần mềm quản lý đào tạo, Thư viện số (**3.3.07 - Phần mềm quản lý và lưu trữ dữ liệu đào tạo - <https://bci.dtsoft.edu.vn/auth/login> ; Phần mềm quản lý thư viện, Thư viện số - <http://thuvienso.bci.edu.vn/>). Thư viện số đầy đủ chương trình, giáo trình nghề Công nghệ thông tin được kết nối với trang Web của trường tại địa chỉ <https://bci.edu.vn>; **3.3.08 - Báo cáo các phần mềm sử dụng trong công tác đào tạo**). Đã phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động và khả năng làm việc độc lập của người học cũng như tổ chức làm việc theo nhóm, phù hợp và đáp ứng yêu cầu thực tế. Ứng dụng các phần mềm trong dạy và học tỉ lệ đánh giá tốt và rất tốt các năm khảo sát đều đạt từ 90% trở lên còn lại là trung bình (**3.3.09 - Phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát các năm 2023, 2024, 2025**).**

2. Đánh giá Tiêu chuẩn 3.3: Đạt

Cơ sở GDNN tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện chương trình đào tạo đối với các mô đun đi thực tập tại doanh nghiệp để học sinh nâng cao trình độ kỹ năng nghề, đáp ứng chuẩn đầu ra cũng như đáp ứng các yêu cầu của nguồn nhân lực chất lượng cao. Hàng năm, nhà trường đã phối hợp với các doanh nghiệp để đưa sinh viên đi thực tập (**3.4.01**- Các doanh nghiệp nhận SV thực tập: Công ty TNHH Nhật Anh, Trung tâm máy tính Bắc Ninh, Công ty TNHH TMDV máy tính Thành Hưng, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ STECH Việt Nam, Công ty TNHH TMDV Media CCTV Bắc Ninh, Công ty TNHH KD và DV máy tính Hùng Phát, Công ty TNHH TM DVKT ITC Bắc Ninh, Công ty CPCN TB máy tính TEC, Công ty TNHH BM TECH VINA; Công ty TNHH TMDV QPRO; Công ty TNHH God Group; Công ty TNHH Drem teck, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Samsung Việt Nam)

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo cụ thể của các lớp, hợp đồng với các doanh nghiệp phòng Đào tạo lập kế hoạch đưa các lớp đi thực tập tại doanh nghiệp gồm các nội dung lớp, địa điểm, thời gian thực tập, yêu cầu nội dung viết báo cáo thực tập (**3.4.02** - Kế hoạch thực tập hàng năm ; **3.2.02** - Kế hoạch đào tạo khóa học 2022-2025; 2023-2026, 2024-2027, 2025-2028.; **3.2.03** - Tiến độ giảng dạy năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026).

Trên cơ sở các kế hoạch được lập, phòng Đào tạo lập các Quyết định trình lãnh đạo nhà trường ký phê duyệt đi thực tập tại các doanh nghiệp, thời gian thực tập hệ cao đẳng trên 800 giờ như tại các Quyết định cử sinh viên các lớp cao đẳng Công nghệ thông tin (**3.4.03** - Các quyết định cử sinh viên lớp Công nghệ thông tin đi thực tập sản xuất tại các cơ sở hàng năm).

Để quá trình thực tập của sinh viên hiệu quả kịp thời trao đổi các nội dung phát sinh, đồng thời giáo viên cũng được tiếp cận với những công nghệ mới tại các doanh nghiệp. Nhà trường đã cử các giáo viên tham gia quản lý, hướng dẫn sinh viên viết báo cáo thực tập (**3.4.04** - Các quyết định cử giáo viên quản lý hướng dẫn sinh viên đi thực tập sản xuất tại các cơ sở hàng năm).

Kết thúc đợt thực tập, mỗi sinh viên có phiếu nhận xét của doanh nghiệp nơi đến thực tập, đánh giá kết quả học tập với 4 nội dung chính và thang điểm đánh giá là thang điểm 10 được các đơn vị thực tập xác nhận và báo cáo kết quả thực tập (**3.4.05** -Mẫu đề cương báo cáo thực tập; **3.4.06** - Báo cáo thực tập sản xuất của học sinh tại các cơ sở có nhận xét của cơ sở tiếp nhận năm 2021,2022; **3.4.07** - Danh sách sinh viên đã được thực hành/Thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; **3.4.08** - Danh sách sinh viên đã tốt nghiệp; **3.4.09** - Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên có xác nhận của đơn vị sử dụng

lao động). Kết quả thực tập được cựu sinh viên, nhà tuyển dụng đánh giá rất cao kỹ năng, tay nghề của sinh viên các lớp cao đẳng Công nghệ thông tin đã đến doanh nghiệp thực tập. Với tỷ lệ 100% sinh viên được đi thực tập tại các doanh nghiệp, nhà trường đã đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

2. Đánh giá Tiêu chuẩn 3.4: Đạt

Cơ sở GDNN tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường căn cứ các Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế **(3.2.07- Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế)**; Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun **(3.2.08- Quyết định ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun)**.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin của trường được ban hành tại Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 35, 129 tín chỉ. Năm 2022, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ thông tin tại Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 áp dụng từ năm học 2022-2023. Năm 2025, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ thông tin tại Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 áp dụng từ năm học 2025-2026 **(3.3.01 - Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình đào tạo kèm theo)**.

Căn cứ Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017, Trường đã xây dựng và ban hành quy trình in quản lý, sử dụng, mẫu văn bằng chứng chỉ tại các Quyết định số 145/QĐ-CĐCN ngày 02/5/2018 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp; Quyết định số 288/QĐ-CĐCN ngày 02/10/2019 Quy định mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, phôi chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo của trường; Quyết định số 319/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp quản lý việc cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng **(3.5.01 - Quyết định số 145/QĐ-CĐCN ngày 02/5/2018 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng**

tốt nghiệp, Quản lý việc cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Quyết định số 288/QĐ-CĐCN ngày 02/10/2019 Quy định mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, phôi chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo của trường CĐCN Bắc Ninh; Quyết định số 319/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp quản lý việc cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng).

Trường tổ chức kiểm tra kết thúc mô học mô đun các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp và thực hành, việc quản lý các đề thi được giao cho phòng Đào tạo quản lý và giám sát quá trình tổ chức thi kiểm tra, khoa tổ chức coi, chấm thi. qua khảo sát minh chứng và các bài thi nhận thấy việc tổ chức thi kiểm tra đúng theo kế hoạch, thời khóa biểu đã lập (**3.5.02 - Hồ sơ kiểm tra kết thúc môn học, mô đun các năm học; Bài thi và phiếu chấm thi kết thúc môn học, mô đun các lớp**).

Đối với xét tốt nghiệp, Trường lập kế hoạch chi tiết về thời gian, địa điểm như: và tổ chức xét tốt nghiệp các khóa theo đúng các kế hoạch đề ra (**3.5.03 - Kế hoạch tổ chức xét tốt nghiệp hàng năm; 3.5.04 - Các Quyết định ban hành và Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện HSSV; Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV; Biên bản họp lớp; BB họp Hội đồng đánh giá; Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện HSSV các lớp**). Trên cơ sở các kế hoạch Trường thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp, Ban thư ký Hội đồng xét tốt nghiệp, thành lập các Hội đồng đánh giá ĐA/KLTN. Hội đồng xét tốt nghiệp chỉ đạo việc tổ chức xét tốt nghiệp theo đúng quy chế, lập danh sách xét điều kiện tốt nghiệp, tổ chức xét tốt nghiệp theo đúng các quy định (**3.5.05 - Hồ sơ xét tốt nghiệp hàng năm học; Hồ sơ Bảo vệ ĐA/KLTN hàng năm học**).

Sau khi tổ chức xét kết quả học tập, rèn luyện và các điều kiện trên cơ sở các biên bản xét và theo đề nghị của Hội đồng. Nhà trường ra Quyết định công nhận kết quả và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên, tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng cho các em sinh viên kết hợp với giới thiệu việc làm cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh (**3.5.06 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp**). (**3.5.07 - Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, xét tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023; Biên bản họp xét đủ điều kiện tốt nghiệp; Bảng tổng hợp kết quả học tập từng học kỳ, năm học, khoá học và các biên bản họp xét kết quả học kỳ**).

Để giám sát quá trình kiểm tra kết thúc môn học mô đun, tổ chức thi tốt nghiệp các kỳ thi Trường có các quyết định thành lập tổ thanh tra công tác đào tạo, thành lập Ban giám sát thi tốt nghiệp và giám sát thi tốt nghiệp các kỳ thi tốt nghiệp diễn ra an toàn đúng quy định, trong các kỳ thi các năm qua không để xảy ra các vi phạm về quy chế thi, kiểm tra (**3.5.08 - Quyết định 184/QĐ-CĐCN ngày 30/10/2017 Quy định về công tác kiểm tra giám sát của trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh; 3.3.13 - Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các hàng năm và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm học**).

Việc cấp phát văn bằng được thực hiện theo đúng các Quy chế nhà trường đã ban hành tại các Quyết định số 145/QĐ-CĐCN ngày 02/5/2018; Quyết định số 288/QĐ-

CĐCN ngày 02/10/2019; Quyết định số 319/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022, đảm bảo công tác lưu trữ theo đúng quy định, thực hiện công tác kiểm tra tình hình quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ (3.5.09 - *Sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp hệ Cao đẳng, Trung cấp*). Hàng năm Trường thực hiện công tác báo cáo về tình hình cấp phát văn bằng chứng chỉ hàng năm như Báo cáo số 22/CĐCN-ĐT ngày 19/2/2020; Báo cáo số 11/CĐCN-ĐT ngày 3/2/2021... gửi Sở Lao động TB&XH tỉnh Bắc Ninh theo quy định (3.5.10 - *Báo cáo tình hình thực hiện in phôi, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp hệ Cao đẳng, Trung cấp bản chính, bản sao hàng năm*).

2. Đánh giá Tiêu chuẩn 3.5: Đạt

Cơ sở GDNN tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường tổ chức kiểm tra kết thúc mô học mô đun các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp và thực hành, việc quản lý các đề thi được giao cho phòng Đào tạo quản lý và giám sát quá trình tổ chức thi kiểm tra, khoa tổ chức coi, chấm thi. qua khảo sát minh chứng và các bài thi nhận thấy việc tổ chức thi kiểm tra đúng theo kế hoạch, thời khóa biểu đã lập (3.5.02 - *Hồ sơ kiểm tra kết thúc môn học, mô đun các năm học; Bài thi và phiếu chấm thi kết thúc môn học, mô đun các lớp*).

Trường căn cứ các Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế (3.2.07- Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế); Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun (3.2.08- *Quyết định ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun*). Kèm theo các Quy chế này là các bản hướng dẫn tổ chức thi kiểm tra phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu dạy học. (3.6.01 - *Các Quyết định ban hành chuẩn đầu ra của ngành Công nghệ thông tin*).

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin của trường được ban hành tại Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 35, 129 tín chỉ. Năm 2022, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ thông tin tại Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 áp dụng từ năm học 2022-2023. Năm 2025, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào

tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ thông tin tại Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 áp dụng từ năm học 2025-2026 (**3.3.01 - Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình đào tạo kèm theo**). Trong Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo nêu rõ phương pháp kiểm tra đánh giá, thời gian thực hiện kiểm tra đánh giá (Thi tự luận, Thi trắc nghiệm, Thi Thực hành, bài tập lớn, bài tập dự án... Đồ án tốt nghiệp dạng báo cáo ...). Các bài thi của ngành Công nghệ thông tin được tích hợp rất nhiều trên hệ thống máy tính theo đặc thù của ngành.

2. Đánh giá Tiêu chuẩn 3.6: Đạt

Cơ sở GDNN tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình thực hiện hoạt động dạy và học, Nhà Trường đã có nhiều hình thức kiểm tra. Khoa đã chủ động kiểm tra, ký duyệt hồ sơ, giáo án cho giáo viên trước khi lên lớp, tổ chức dự giờ thường xuyên, đột xuất đối với giáo viên trong khoa; Trường thành lập các tổ thanh kiểm tra đào tạo; Tổ khảo thí và đảm bảo chất lượng trực thuộc phòng Đào tạo tại Quyết định số 96/QĐ-CĐCN ngày 23/3/2022 (**3.3.11 - Các Quyết định số thành lập tổ thanh, kiểm tra công tác đào tạo hàng năm**).

Thực hiện các quyết định, hàng năm các tổ thanh kiểm tra đã chủ động lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra theo đúng kế hoạch (**3.3.12- Kế hoạch kiểm tra đào tạo các năm học**).

Kết quả kiểm tra chi tiết đối với giáo viên được lập báo cáo kiểm tra khoa đầy đủ, về cơ bản qua công tác kiểm tra đều đánh giá việc tổ chức giảng dạy đúng kế hoạch, tiến độ, hồ sơ đầy đủ, cấp phát vật tư đầy đủ theo quy định. Công tác kiểm tra giám sát, đã đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo thường xuyên và đảm bảo hiệu quả thông qua các hoạt động theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo từng ngành nghề nói chung, ngành Công nghệ thông tin nói riêng (**3.3.13 - Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo năm học**).

Kết quả kiểm tra được ghi trong các biên bản, được nêu trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng của Khoa và Trường để kịp thời khắc phục và điều chỉnh, đưa ra các giải pháp khắc phục tại các báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm, báo cáo tổng kết năm học như tại các Báo cáo số 39/BC-CĐCN ngày 12/12/2019; Báo cáo số 27/BC-CĐCN ngày 11/12/2020; Báo cáo số 51/BC-CĐCN ngày 14/12/2021... Trên cơ sở đó các khoa chuyên môn lập các kế hoạch khắc phục và điều chỉnh cho phù hợp như điều chỉnh về hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo kép, đào tạo song hành, bố trí nhiều thời gian cho sinh viên các lớp Công nghệ thông tin đi thực tập tại doanh nghiệp (**3.7.01 - Các**

Biên bản dự giờ, thanh kiểm tra đào tạo hàng năm; 3.7.02 - Báo cáo GDNN hàng năm; 3.7.03 - Sổ giao ban công tác hàng tháng; 3.3.13 - Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm học).

Hàng năm, Trường tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên và người học về nâng cao chất lượng đào tạo. Thể hiện ở các biên bản họp khoa, văn bản đề nghị và các Báo cáo kết quả khảo sát đối với giáo viên và sinh viên như Báo cáo số 11/BC-CĐCN ngày 06/07/2020; Báo cáo số 28/BC-CĐCN ngày 08/07/2021; Báo cáo số 24/BC-CĐCN, ngày 20/06/2022... với 24 nội dung được khảo sát cụ thể trong đó nội dung khảo sát tại chỉ số 14: Sự hài lòng chất lượng giáo dục dịch vụ, nội dung 45: Chương trình đào tạo phù hợp, sát thực tiễn, đáp ứng nhu cầu người học, số khảo sát rất tốt năm 2021 là 33,3%, tốt là 62,5%, năm 2023 đã tăng rất tốt là 52,5%, tốt là 44,1%. Tại nội dung 46: Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, số khảo sát rất tốt năm 2021 là 22,9%, tốt là 72,9% , năm 2024 đã tăng rất tốt là 52,5%, tốt là 44,9% bình (3.7.04 - Phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát các năm 2023, 2024, 2025; 3.6.05 - Biên bản đóng góp ý kiến của Phòng Khoa về công tác thi kiểm tra, rèn luyện) qua đó chứng tỏ rằng Trường qua công tác thanh, kiểm tra đã sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

2. Đánh giá Tiêu chuẩn 3.7: Đạt

Cơ sở GDNN tự đánh giá: 2.5 điểm

2.4. Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức, người lao động

2.4.1. Đánh giá tổng quát tiêu chí 4

Đảng ủy, Ban giám hiệu (BGH) trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh luôn xác định đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển của nhà trường cũng như quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường. Nghề Công nghệ thông tin (CNTT) là một trong những ngành nghề trọng điểm được nhà trường đặc biệt quan tâm chú trọng về mọi mặt trong đó có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của đơn vị, nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ giáo viên nghề Công nghệ thông tin theo hướng đảm bảo về số lượng, nâng cao về chất lượng.

Hiện nay, chương trình đào tạo nghề CNTT có sự tham gia của 40 cán bộ, giáo viên (100% giáo viên cơ hữu). Trong đó 100% giáo viên đảm bảo chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/5/2024 và Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2020 của Bộ Lao động - TBXH về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

2.4.2. Những điểm mạnh

- Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.
- Trường đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.
- Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.
- Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.
- 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.
- 100% nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.
- Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do Trường giao

2.4.3. Những tồn tại

Không

2.4.4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục tăng cường công tác tuyển dụng nhà giáo, sử dụng nhà giáo kiêm nhiệm tại doanh nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	15
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	2,5

Tiêu chuẩn 4.1: Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 quy định tổ chức, dạy, học, đánh giá kết quả học tập môn GDQP và AN tại các cơ sở GDNN, cơ sở GDDH; Thông tư 15/2022/TT-BLĐTBXH Quy chế quản lý, cấp phát Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường cao đẳng, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh liên kết với Trung tâm GDQP và An ninh thuộc Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh (đơn vị đủ điều kiện được cấp phép huấn luyện theo quy định tại Quyết định số 2295/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2015 của Bộ VHTTDL) thực hiện Hợp đồng đào tạo giảng dạy môn GDQP và AN (**4.1.01** - *Bộ hợp đồng đào tạo môn Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2023, 2024, 2025*).

Đội ngũ nhà giáo của Trường tham gia giảng dạy CTĐT nghề CNTT trình độ cao đẳng 3 năm gần đây như sau:

Năm học	Tổng số	GV dạy các môn chung	GV giảng dạy chuyên môn nghề	Ghi chú
2022-2023	09	04	05	
2023-2024	11	05	06	
2024-2025	10	04	06	

(**4.1.02**- *Danh sách trích ngang nhà giáo nghề CNTT năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; **4.1.03** - *Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025 - 2026* **4.1.04** - *Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy, Sổ tay nhà giáo nghề CNTT năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Kiểm tra hồ sơ quản lý nhà giáo cho thấy trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các nhà giáo dạy nghề CNTT của Trường trong các năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025 như sau:

* Năm học 2022-2023: có 09 nhà giáo tham gia giảng dạy, trong đó có 04 nhà giáo dạy môn chung; 05 nhà giáo giảng dạy các môn cơ sở và chuyên môn chuyên ngành (01 nhà giáo dạy MH giáo dục thể chất; 01 nhà giáo dạy MH pháp luật; 01 nhà giáo giảng dạy MH chính trị; 01 nhà giáo dạy MH tiếng Anh)

- Nhà giáo giảng dạy môn chung: 04 người, tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 3 năm.

- + Trình độ chuyên môn: gồm 02 Thạc sỹ chuyên ngành; 02 cử nhân
- + Su phạm: 01 đại học sư phạm, 03 có Chứng chỉ Sư phạm dạy nghề.
- + Ngoại ngữ: 03 chứng chỉ B1; 01 cử nhân.
- + Tin học: 04 cơ bản

- Nhà giáo giảng dạy chuyên môn: Tổng số là 05 người, 05 giảng dạy tích hợp; tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 01 năm

- + Trình độ chuyên môn: Gồm 02 Thạc sỹ chuyên ngành; 03 kỹ sư chuyên ngành.

+ Kỹ năng nghề bao gồm: 04/05 đạt chuẩn kỹ năng nghề, trong đó 04 người có Chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 nghề CNTT.

+ Sư phạm: 05 Chứng chỉ Sư phạm dạy nghề;

+ Ngoại ngữ: Gồm có 03 chứng chỉ B; 01 chứng chỉ B1; 01 chứng chỉ tiếng Anh bậc 3/6.

+ Tin học: Gồm 02 Thạc sỹ; 03 kỹ sư chuyên ngành.

(01 nhà giáo dạy MH giáo dục thể chất; 01 nhà giáo dạy MH pháp luật; 01 nhà giáo giảng dạy MH chính trị; 01 nhà giáo dạy MH tiếng Anh)

* Năm học 2023-2024: có 11 nhà giáo tham gia giảng dạy, trong đó có 05 nhà giáo dạy môn chung; 06 nhà giáo giảng dạy các môn cơ sở và chuyên môn chuyên ngành (02 nhà giáo dạy MH giáo dục thể chất; 01 nhà giáo dạy MH pháp luật; 01 nhà giáo giảng dạy MH chính trị; 01 nhà giáo dạy MH tiếng Anh)

- Nhà giáo giảng dạy môn chung: 05 người, tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 3 năm.

+ Trình độ chuyên môn: gồm 02 Thạc sỹ chuyên ngành; 03 cử nhân

+ Sư phạm: 02 đại học sư phạm, 03 có Chứng chỉ Sư phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: 04 chứng chỉ B1; 01 cử nhân.

+ Tin học: 05 cơ bản

- Nhà giáo giảng dạy chuyên môn: Tổng số là 06 người, 06 giảng dạy tích hợp; tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 01 năm

+ Trình độ chuyên môn: Gồm 03 Thạc sỹ chuyên ngành; 03 kỹ sư chuyên ngành.

+ Kỹ năng nghề bao gồm: 06/06 đạt chuẩn kỹ năng nghề, trong đó 06 người có Chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 nghề CNTT.

+ Sư phạm: 06 Chứng chỉ Sư phạm dạy nghề;

+ Ngoại ngữ: Gồm có 03 chứng chỉ B; 02 chứng chỉ B1; 01 chứng chỉ tiếng Anh bậc 3/6.

+ Tin học: Gồm 02 Thạc sỹ; 04 kỹ sư chuyên ngành.

* Năm học 2024-2025: có 10 nhà giáo tham gia giảng dạy, trong đó có 04 nhà giáo dạy môn chung (02 nhà giáo dạy MH giáo dục thể chất; 01 nhà giáo dạy MH pháp luật; 01 nhà giáo giảng dạy MH chính trị; 01 nhà giáo dạy MH tiếng Anh). 06 nhà giáo giảng dạy các môn cơ sở và chuyên môn chuyên ngành

- Nhà giáo giảng dạy môn chung: 04 người, tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 3 năm.

+ Trình độ chuyên môn: gồm 02 Thạc sỹ chuyên ngành; 02 cử nhân

+ Sư phạm: 02 đại học sư phạm, 02 có Chứng chỉ Sư phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: 03 chứng chỉ B1; 01 cử nhân.

+ Tin học: 05 cơ bản

- Nhà giáo giảng dạy chuyên môn: Tổng số là 06 người, 06 giảng dạy tích hợp; tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 01 năm

+ Trình độ chuyên môn: Gồm 02 Thạc sỹ chuyên ngành; 04 kỹ sư chuyên ngành.

- + Kỹ năng nghề bao gồm: 06/06 đạt chuẩn kỹ năng nghề, trong đó 06 người có Chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 nghề CNTT.
- + Sư phạm: 06 Chứng chỉ Sư phạm dạy nghề;
- + Ngoại ngữ: Gồm có 03 chứng chỉ B; 02 chứng chỉ B1; 01 chứng chỉ tiếng Anh bậc 3/6.
- + Tin học: Gồm 02 Thạc sỹ; 04 kỹ sư chuyên ngành.

(4.1.05- Hồ sơ quản lý nhà giáo giảng dạy nghề CNTT trình độ cao đẳng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Đối chiếu theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH thì 100% nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo CNTT trình độ cao đẳng của Trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hàng năm, Trường đánh giá tổng kết công tác GDNN có nội dung đánh giá về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo toàn trường trong đó đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề CNTT đảm bảo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. **(4.1.06 - Báo cáo tổng kết công tác GDNN năm 2022, 2023, 2024).**

Hàng năm, nhà Trường tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo toàn trường nói chung và nhà giáo giảng dạy nghề CNTT nói riêng nhằm lấy ý kiến khách quan để có cơ sở đánh giá và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo. Có 04 mức đánh giá: 1. Rất tốt. 2. Tốt. 3. Trung bình. 4. Không tốt. 5. Kết quả khảo sát cho thấy trên 92% đối tượng khảo sát đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo nghề CNTT đạt loại tốt trở lên.

(4.1.07 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, BC khảo sát đội ngũ CBQL, VC, LD về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ năm 2023, 2024, 2025).

Tiêu chuẩn 4.2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNTT trình độ cao đẳng các năm học 2022-2023 là 09 người; 2023-2024 là 11 người; 2024-2025 là 10 người **(4.1.02- Danh sách trích ngang nhà giáo nghề CNTT năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).**

Nhiệm vụ đối với nhà giáo của Trường được quy định tại văn bản quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN ban hành theo Quyết định số 29/QĐ-CCNTT ngày 28/01/2019 của Hiệu trưởng Nhà trường. Tại văn bản trên Nhà trường đã quy định giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, định mức giờ giảng, nhiệm vụ của giáo viên, thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, chế độ làm việc, chế độ dạy thêm, giảm giờ giảng và quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn, trong đó tại Điều 5 “*Định mức giờ giảng*” quy định định mức giờ giảng trong một năm học: là 450 giờ chuẩn đối với nhà giáo giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, 510 giờ chuẩn đối với nhà giáo

giảng dạy các môn chung trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp (**4.2.01 - Quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN ban hành theo Quyết định số 57/QĐ-CCNTT ngày 20/01/2025**)

Việc bố trí nhà giáo đứng lớp cho các mô-đun, môn học thuộc CTĐT của trường: Chương trình ban hành năm 2019, 2022 thời gian đào tạo trong 2,5 năm. (**1.1.01 - Chương trình đào tạo nghề CNTT năm 2019, 2022**). Hằng năm, Nhà trường đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhà giáo giảng dạy từng môn học/mô đun cho từng lớp (**4.2.02- Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025 - 2026**). Kết thúc mỗi năm học Nhà trường đã tổng hợp khối lượng công tác để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của từng cá nhân, tập thể trên cơ sở đó để bình xét thi đua, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Thông qua kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, kết quả bình xét thi đua hàng năm cho thấy mức độ hoàn thành các nhiệm vụ của các nhà giáo.

Tất cả các mô - đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Số lớp nghề CNTT trình độ cao đẳng qua các năm học thể hiện ở bảng sau:

Năm học	Lớp	Sĩ số có mặt thực tế	Quyết định thành lập số
2022-2023	CNTT CĐK11	24	298/QĐ-CĐCN ngày 16/10/2020
	CNTT CĐK12A1	26	377/QĐ-CĐCN ngày 10/11/2021
	CNTT CĐK12A2	22	
	CNTT CĐK13A1	25	392/QĐ-CĐCN ngày 20/9/2022
	CNTT CĐK13A2	24	
	CNTT CĐK13A3	24	
2023-2024	CNTT CĐK12A1	20	377/QĐ-CĐCN ngày 10/11/2021
	CNTT CĐK12A2	20	
	CNTT CĐK13A1	20	392/QĐ-CĐCN ngày 20/9/2022
	CNTT CĐK13A2	17	
	CNTT CĐK13A3	19	
	CNTT CĐK14A1	32	560/QĐ-CĐCN ngày 05/11/2023
	CNTT CĐK14A2	32	
2024-2025	CNTT CĐK13A1	16	392/QĐ-CĐCN ngày 20/9/2022
	CNTT CĐK13A2	13	
	CNTT CĐK13A3	17	
	CNTT CĐK14A1	20	520/ QĐ-CĐCN ngày 19/10/2023
	CNTT CĐK14A2	20	
	CNTT CĐK15A1	24	423/QĐ-CĐCN ngày 28/8/2024
	CNTT CĐK15A2	24	

(4.2.03 - Bảng diễn biến HSSV toàn trường năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025) (4.2.04 - Quyết định biên chế các lớp năm 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

- Về số lượng người học/lớp: Theo các QĐ biên chế lớp, trong thời gian từ năm học 2022-2023 đến năm học 2024- 2025 có 15 lớp nghề CNTT trình độ cao đẳng. Kiểm tra danh sách người học kèm theo QĐ thành lập lớp, sổ lên lớp, sổ giáo án, sổ tay giáo viên kết hợp khảo sát thực tế cho thấy các lớp học lý thuyết là đảm bảo theo quy định. Các lớp thực hành đảm bảo không quá 18 người/lớp. (2.2.08 - Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

- Tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo: Số nhà giáo giảng dạy nghề CNTT trình độ cao đẳng được quy đổi như sau:

- Tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo: Số nhà giáo giảng dạy nghề CNTT trình độ cao đẳng được quy đổi như sau:

TT	Nhà giáo	Số lượng giáo viên			Số giáo viên quy đổi		
		2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2024
1	Giáo viên toàn thời gian	04	05	06	04	06	06
2	Giáo viên kiêm nhiệm	01	01	0	0.33	0.33	0
3	Giáo viên thỉnh giảng	0	0	0	0	0	0
4	Giáo viên môn chung	04	05	04	1,2	1,2	1,3
	Tổng	09	11	10	5.53	6.63	7.3

Thống kê số lượng SV qua các năm học cho thấy tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo của trường như sau:

Năm học	Tổng số HSSV	Có mặt đầu năm	Tốt nghiệp đầu năm	Tuyển mới	HSSV quy đổi	Tổng HSSV quy đổi	GV quy đổi	Tỷ lệ HS/GV
2022-2023	145	48	24	73	67,9	115,9	5.53	20,96
2023-2024	160	56	40	64	72,8	128.8	6.63	19,42
2024-2025	134	40	46	48	60,2	100,2	7.3	13,7

Số lượng sinh viên và nhà giáo quy đổi	Năm học		
	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Sinh viên quy đổi	128,1	128,8	100,2
Nhà giáo quy đổi	5.53	6.63	7.3
Tỷ lệ Sinh viên/Nhà giáo	23.1	19,4	13,7

Trong bảng trên tính thời gian học là 10 tháng/năm học,

(4.2.04- Bảng quy đổi tỷ lệ người học/giáo viên nghề CNTT trình độ CĐ năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024).

Kiểm tra bảng tổng hợp giờ giảng, bảng thanh toán vượt giờ cho nhà giáo cho thấy qua các năm học đối với các nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNTT trình độ cao đẳng không có nhà giáo nào vượt quá 200 giờ **(4.2.06 - Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo năm học 2022-2023; 2023-2024, 2024-2025 4.2.07 - Bảng thanh toán tiền vượt giờ năm học 2022-2023; 2023-2024, 2024-2025).**

Số liệu trên cho thấy tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo của trường là đảm bảo quy định.

Trường đã được thực hiện thường xuyên **(2.2.11 - Quyết thành lập tổ thanh, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025; 2.2.12 - Kế hoạch số kiểm tra đào tạo năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025; 2.2.13- Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm 2023, 2024, 2025 và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo năm 2023, 2024, 2025).**

Như vậy, Trường đảm bảo đủ nhà giáo đứng lớp, đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 4.3. Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định phát triển đội ngũ nhà giáo là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đào tạo nghề Công nghệ thông tin. Vì vậy, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã ban hành hệ thống các văn bản định hướng, chỉ đạo và triển khai cụ thể nhằm bảo đảm đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đạt chuẩn về chất lượng theo quy định.

Cụ thể, Nghị quyết phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 **(4.3.01 - Nghị quyết phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030)** là văn bản định hướng chiến lược, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp phát triển đội ngũ. Nghị quyết đề ra yêu cầu về chuẩn trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề, năng lực số và năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên, làm căn cứ để xây dựng các kế hoạch hằng năm.

Nhà trường hằng năm xây dựng kế hoạch cử giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, biên soạn giáo trình và các hội giảng, hội thi, kỳ thi Nhà giáo GDNN các cấp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm. Nhiều giảng viên nghề Công nghệ thông tin đã đạt giải cao trong hội giảng, hội thi thiết bị đào tạo tự làm, có đề tài nghiên cứu và sáng kiến cải tiến kỹ thuật, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của nhà trường **(4.3.02 - Kế hoạch tổ chức Hội thi, Hội giảng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).**

Trong 3 năm qua, tập thể giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề CNTT trình độ cao đẳng của trường tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp, cụ thể như sau:

- Về công tác nghiên cứu khoa học

Trong 3 năm qua, tập thể giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề CNTT trình độ cao đẳng của trường tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp, cụ thể như sau:

+ Năm học 2022 - 2023: Theo QĐ số 489/QĐ-CĐCN ngày 14/11/2022 có 02 đề tài NCKH: Nhóm tác giả Phạm Thị Xuân, Đỗ Thị Lợi với đề tài “Số hóa ngân hàng câu hỏi và đề thi môn học MH05 - Tin học của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh”. GV Nguyễn Nhân Quang với đề tài “Một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác truyền thông,

Năm học 2023-2024: Theo QĐ số 559/QĐ-CĐCN ngày 04/11/2024 có 01 đề tài NCKH: Nhóm tác giả trong đó có Phạm Thị Xuân với đề tài: “Xây dựng phần mềm xử lý, thu thập minh chứng các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh”.

Năm học 2024-2025:

Theo QĐ số 225/QĐ-CĐCN ngày 30/5/2025: “Nghiên cứu phát triển mô hình trường quay ảo” (Nguyễn Như Lương (CN) Nguyễn Nhân Quang); “Xây dựng video giới thiệu về các ngành nghề đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh” (Phạm Thị Xuân (CN) Bùi Xuân Đoàn, Trần Trung Hậu, Nguyễn Thị Như Hoa, Võ Văn Hùng, Nguyễn Văn Hưng, Trần Mạnh Hùng)

Theo Quyết định số 448/QĐ-CĐCN ngày 29/9/2025: “Ứng dụng AI trong sản xuất học liệu” (Ngô Thị Hồng Vân, Đỗ Thị Lợi); Xây dựng sản phẩm thương mại điện tử ảo ứng dụng cho giảng dạy và học tập (Nguyễn Hồng Trang); “Nâng cao chất lượng giảng dạy môn học Giáo dục chính trị tại trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030” (Nguyễn Thị Phương); “Số hóa kỹ thuật bóng chày cho học sinh sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh trên LCMS” (Nguyễn Xuân Hà (CN) Nguyễn Đắc Sinh Hoàng Thành Đức); “Xây dựng bài giảng số môn học kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Cao đẳng Công Nghiệp Bắc Ninh” (Tạ Thị Huyền (CN), Trần Thị Hồng Nga, Nguyễn Ngọc Hân)

4.3.03 - Quyết định công nhận các ĐTKH, SKKN các năm 2023, 2024, 2025; **4.3.04** - Hồ sơ thuyết minh khoa học năm 2023, 2024, 2025; **4.3.05**- Các bài báo của đội ngũ Nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNTT đăng trên các tạp chí khoa học; **4.3.06** - Các luận văn thạc sỹ hoàn thành từ năm 2023 đến năm 2025.

- Về việc tham gia hội thi nhà giáo dạy giỏi:

+ Năm học 2022 - 2023: Theo QĐ số 268/QĐ-CĐCN ngày 22/7/2022, nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNTT có 02 nhà giáo tham gia thi giảng nhà giáo GDNN cấp trường (GV Đỗ Thị Lợi, Nguyễn Như Lương). 03 nhà giáo tham gia thi tiết kế bài giảng

trực tuyến trên hệ thống LCMS năm 2022 (GV Phạm Thị Xuân, Đỗ Thị Lợi, Nguyễn Như Lương, trong đó GV Phạm Thị Xuân đạt giải nhất).

Năm học 2023-2024: Hội giảng nhà giáo GDNN cấp tỉnh: Nguyễn Như Lương (Giải khuyến khích)

(4.3.07 - Quyết định công nhận kết quả hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường năm 2023, 2024, 2025).

- Về việc các nhà giáo tham gia hội thi thiết bị tự làm các cấp:

Tổng hợp các hoạt động tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp của đội ngũ nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình đào tạo nghề CNTT trình độ cao đẳng của trường cụ thể như sau:

Năm học	Số nhà giáo cơ hữu dạy chuyên môn nghề	Số lượt tham gia NCKH	Tỷ lệ (%)
2022-2023	05	06	120%
2023-2024	06	06	100%%
2024-2025	06	06	100%

Qua số liệu trên cho thấy, hàng năm các nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn nghề đã tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hội thi thiết bị tự làm, hội thi nhà giáo dạy giỏi cấp trường hàng năm vượt trên 50%. *(4.3.09 - Văn bản/tài liệu/hình ảnh thể hiện nhà giáo tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi dạy nghề giỏi, hội thi thiết bị tự làm)*

Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.

Số nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chuyên môn nghề CNTT qua các năm học như sau:

Năm học	Tổng số nhà giáo tham gia dạy	Số nhà giáo cơ hữu dạy chuyên môn nghề	Ghi chú
2022-2023	09	05	
2023-2024	11	06	
2024-2025	10	06	

(4.1.02- Danh sách trích ngang nhà giáo nghề CNTT năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

Nhà trường xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục và có tính hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, phương pháp và công nghệ đào tạo nghề Công nghệ thông tin.

Căn cứ Chiến lược phát triển đội ngũ nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cùng các quy định về chuẩn nhà giáo GDNN, hằng năm Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tổ chức khảo sát, đánh giá năng lực và nhu cầu bồi dưỡng của giảng viên, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ theo từng năm học (**4.3.01** - *Nghị quyết phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030*).

Trường xây dựng Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018 Nhà trường xây dựng quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, người lao động kèm theo Quyết định số 21/QĐ-CCNTT ngày 23/01/2018 về việc ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, người lao động trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Hàng năm nhà trường tiến hành rà soát lại Quy chế nêu trên. Năm 2023, 2024, 2025 Trường rà soát, điều chỉnh và ban hành theo Quyết định số 52/QĐ-CCNTT ngày 30/01/2023; số 77/QĐ-CCNTT ngày 06/2/2024; số 52/QĐ-CĐCN ngày 20/1/2025 (**4.4.01**- *Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018, 2023, 2024, 2025*) theo đó Quy chế có 6 chương 17 điều trong đó quy định nội dung, hình thức, tổ chức quản lý, trình tự thủ tục, chế độ thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, người lao động của trường.

Hàng năm Nhà trường đã xây dựng đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo của trường trong đó có các nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng cụ thể:

- Về việc xây dựng kế hoạch: Năm 2023: Kế hoạch số 92/KH-CCNTT ngày 26/12/2022; Năm 2024: Kế hoạch số 67/KH-CCNTT ngày 06/7/2023; Năm 2025: Kế hoạch số 16/KH-CĐCN ngày 28/02/2025 trong đó có nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình CNTT trình độ cao đẳng nằm trong kế hoạch trên trường (**4.4.02**- *Các kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2023, 2024, 2025*).

- Về việc tổ chức thực hiện cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng đối với nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình CNTT trình độ cao đẳng trong các năm học qua Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc. Trong đó 100% nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ...

(**4.4.03** - *Các Quyết định cử nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025*).

Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng, các nhà giáo đều có báo cáo quá trình và kết quả học tập, bồi dưỡng gửi Nhà trường (**4.4.04** - *Chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành khoá đào tạo, bồi dưỡng của các nhà giáo năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025*).

(**4.4.05** - *Báo cáo của nhà giáo sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025*).

Hàng năm Nhà trường đã tổ chức cho các nhà giáo đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động, thời gian 04 tuần/năm học đảm bảo quy định tại Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐTBXH.

Năm học 2022-2023: Kế hoạch số 78/KH-CĐCN ngày 10/11/2022/KH-CĐCN; Quyết định số 195/QĐ-CĐCN ngày 24/4/2023 trong đó có kế hoạch cho 05 nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn chương trình CNTT trình độ cao đẳng thực tập tại doanh nghiệp.

Năm học 2023-2024: Kế hoạch số 94/KH-CĐCN ngày 06/11/2023; Quyết định số 205/QĐ-CĐCN ngày 13/4/2024 trong đó có kế hoạch cho 06 nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn chương trình CNTT trình độ cao đẳng thực tập tại doanh nghiệp.

Năm học 2024-2025: Kế hoạch số 103/KH-CĐCN ngày 01/12/2024; Quyết định số 238/QĐ-CĐCN ngày 10/2/2025 trong đó có kế hoạch cho 06 nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn chương trình Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng thực tập tại doanh nghiệp.

(4.4.06 - Các kế hoạch thực tập doanh nghiệp các năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

- Về việc tổ chức thực hiện: Trong các năm học qua nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNTT đã nghiêm túc thực hiện việc thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động.

(4.4.07- Danh sách nhà giáo tham gia thực tập tại DN; 4.4.08 - Quyết định cử GV đi thực tập tại doanh nghiệp năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng, các nhà giáo đều có báo cáo kết quả với Nhà trường *(4.4.09 - Báo cáo thực tập có xác nhận của doanh nghiệp; 4.4.10 - Hình ảnh nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp)*. Đối chiếu danh sách các nhà giáo đã đi thực tập với danh sách đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo cho thấy hàng năm 85% nhà giáo cơ hữu gia giảng dạy chương trình đào tạo đã đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Hàng năm Trường đều thực hiện lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về “công tác đào tạo, bồi dưỡng” nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác này. Kết quả khảo sát cho thấy trên 95% đối tượng tham gia khảo sát nhận định Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được triển khai, thực hiện có hiệu quả. *(4.4.11 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, viên chức, người lao động từ năm 2022 đến năm 2025).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 4.5 Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Các đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề CNTT trình độ cao đẳng bao gồm khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT đảm nhiệm giảng dạy các môn học/mô

đun chuyên nghề; Các phòng Tổ chức - HC, Kế toán, Đào tạo, Quan hệ công chúng, Công tác HSSV tham gia công tác hỗ trợ, phục vụ.

- Số lượng CBQL, nhân viên các đơn vị của Trường tham gia vào quá trình đào tạo nghề CNTT trình độ cao đẳng như sau:

TT	Đơn vị	Số lượng CBQL			Số lượng nhân viên		
		Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
1	Khoa Khoa học - KT - CNTT	2	2	2	0	0	0
2	Phòng Đào tạo	2	2	2	5	5	4
3	Phòng Tổ chức - Hành chính	3	3	2	4	4	4
4	Phòng Kế toán	1	1	0	3	3	3
5	Phòng Quan hệ công chúng	1	1	2	6	6	5
6	Phòng Công tác HSSV	2	2	1	5	5	5
Tổng		11	11	9	22	23	21

Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của các khoa, bộ môn trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh được bố trí đảm bảo phù hợp với quy mô đào tạo và cơ cấu ngành nghề. Các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, am hiểu chương trình đào tạo và có năng lực tổ chức, quản lý hoạt động chuyên môn của đơn vị.

* Đối với CBQL tính đến thời điểm hiện tại có 09 CBQL tham gia vào quá trình đào tạo nghề CNTT trình độ cao đẳng. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CBQL như sau: 107Thạc sĩ; 02 Đại học; 05 người có trình độ kỹ năng nghề; 02 người có trình độ Đại học Anh ngữ; 03 người có chứng chỉ Anh ngữ B1 (bậc 3); 04 người có chứng chỉ B (bậc 2); 09 người có chứng chỉ Tin học ứng dụng CNTT cơ bản; 09/09 người có trình độ Trung cấp LLCT; 09/09 người có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ QL cơ sở GDNN; 01 người có trình độ bồi dưỡng NVSP; 02 người có trình độ CD SPKT; 02 người có trình độ DH SPKT; 01 người có trình độ DHSP; 03 người có trình độ SP dạy nghề.

* Đối với viên chức các phòng chức năng: tính đến thời điểm hiện tại có 21 viên chức các phòng chức năng tham gia vào quá trình đào tạo nghề CNTT trình độ cao đẳng. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ viên chức như sau: 08 thạc sĩ, 13 ĐH;

Ngoại ngữ: 100% trình độ ngoại ngữ từ B trở lên; 100% có chứng chỉ tin học ứng dụng tin học cơ bản. Trong đó:

Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Hà: trình độ ĐH chuyên ngành Kế toán, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh B, chứng chỉ kế toán trưởng, Chứng chỉ QLCSGDDN, thâm niên công tác 10 năm, được bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng theo Quyết định số 89/QĐ-SLĐTBXH-VP ngày 27/4/2016 của Giám đốc Sở LĐTBXH Bắc Ninh và Quyết định số 141a/QĐ-SLĐTBXH-VP ngày 10/8/2021 của Giám đốc Sở LĐTBXH Bắc Ninh về việc bổ nhiệm lại.

Nhân viên thư viện: Nguyễn Thị Nguyệt: trình độ Đại học Kế toán, Trung cấp Thư viện; Tin học: Cơ bản; Ngoại ngữ: Anh B

Nhân viên y tế: Vũ Thị Kim Dung; Trình độ Đại học Quản trị nhân sự; Trung cấp Y sỹ sản nhi; Tin học: Cơ bản; Ngoại ngữ: Anh B

(4.5.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề CNTT năm 2023, 2024, 2025; 4.5.02- Các quyết định bổ nhiệm của CBQL; 4.5.03 - Hồ sơ cán bộ, viên chức, lao động).

Đối chiếu với quy định tại điều 21 của TT 46/2016/BLĐTBXH và tại Điều 22; Điều 24 của TT 15/2021/BLĐTBXH. cho thấy 100% đội ngũ CBQL và nhân viên tham gia tổ chức CTĐT nghề CNTT của Trường đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hàng năm Nhà trường đã xây dựng đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động toàn trường, trong đó có đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động triển khai chương trình đào tạo nghề CNTT.

- Về việc xây dựng kế hoạch: Năm 2023: Kế hoạch số 92/KH-CCNTT ngày 26/12/2022; Năm 2024: Kế hoạch số 67/KH-CCNTT ngày 06/7/2023; Năm 2025: Kế hoạch số 16/KH-CĐCN ngày 28/02/2025 trong đó có nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình CNTT trình độ cao đẳng nằm trong kế hoạch trên trường *(4.4.02- Các kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2023, 2024, 2025).*

- Về việc tổ chức thực hiện cho cán bộ, viên chức, lao động triển khai chương trình CNTT trình độ cao đẳng trong các năm học qua Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc. Trong đó 100% nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ...

(4.5.04 - Các Quyết định cử CBVCLĐ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng, CBVCLĐ đều có báo cáo quá trình và kết quả học tập, bồi dưỡng gửi Nhà trường *(4.5.05 - Chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành khoá đào tạo, bồi dưỡng của các nhà giáo năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).* *(4.5.06 - Báo cáo của nhà giáo sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).*

Hàng năm Trường đều thực hiện lấy ý kiến của CBVCLĐ về “công tác đào tạo, bồi dưỡng” nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác này. Kết quả khảo sát cho

thấy trên 90% đối tượng tham gia khảo sát nhận định Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được triển khai, thực hiện có hiệu quả. **(4.4.11 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, viên chức, người lao động từ năm 2022 đến năm 2025).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh luôn quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định của Nhà nước. Các chế độ về tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nghỉ phép, nghỉ chế độ... đều được chi trả và thực hiện kịp thời, minh bạch, đúng quy định. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản mới của Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, UBND tỉnh Bắc Ninh để áp dụng thống nhất trong toàn trường. **(4.6.01 - Báo cáo tổng kết công tác năm 2023, 2024, 2025).** Phụ cấp độc hại, nặng nhọc, nguy hiểm: Đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy tại các xưởng, phòng thực hành nghề có yếu tố nguy hiểm, độc hại như hàn, công nghệ ô tô, cắt gọt kim loại, Công nghệ thông tin nhà trường lập danh sách và chi trả phụ cấp độc hại, nặng nhọc theo quy định hiện hành. **(4.6.02 - Quyết định mức hưởng phụ cấp nặng nhọc, độc hại; hồ sơ hưởng phụ cấp nặng nhọc độc hại)**

Bên cạnh đó, nhà trường triển khai nhiều chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với đội ngũ có thành tích trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng học sinh đạt giải, đổi mới phương pháp giảng dạy, và ứng dụng công nghệ số trong đào tạo. **(4.6.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, 2024, 2025).** Hằng năm, các tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị các hình thức khen thưởng như: Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của UBND tỉnh, các Bộ - Ngành

Nhà trường cũng quan tâm đến chính sách phúc lợi, tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ dưỡng, khám sức khỏe định kỳ, tặng quà nhân dịp lễ, Tết... nhằm nâng cao đời sống tinh thần và động viên đội ngũ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài. **(4.6.04 - Kế hoạch tổ chức tham quan, nghỉ mát năm 2023, 2024, 2025).**

Nhờ thực hiện tốt các chính sách này, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và cải tiến liên tục chất lượng chương trình đào tạo.

Hàng năm Trường đều thực hiện lấy ý kiến của CBVCLĐ về “chế độ, chính sách” nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác này. Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% đối tượng tham gia khảo sát nhận định chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên,

nhân viên được triển khai, thực hiện có hiệu quả. **(4.6.05 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát về chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, viên chức, người lao động từ năm 2022 đến năm 2025).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2.5 điểm

2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu

2.5.1. Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Nghề Công nghệ thông tin có đầy đủ hệ thống các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên và HSSV.

Nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư trang thiết bị của nghề để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trang thiết bị, đồ dùng dạy học đúng chủng loại, hiện đại, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo sức khỏe cho người vận hành, đáp ứng và phù hợp với nghề đào tạo.

Khoa có đủ hệ thống kho đảm bảo yêu cầu lưu trữ vật tư, dụng cụ thực hành.

Thư viện nhà trường có đầy đủ chương trình, giáo trình trang thiết bị và tài liệu phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và người học, được trang bị phòng đọc Internet với các phần mềm quản lý, tra cứu.

2.5.2. Những điểm mạnh

Nghề Công nghệ thông tin có đủ hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng học chuyên môn hoá đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Tất cả các máy móc, thiết bị của nghề đều đúng chủng loại, có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo sức khỏe cho người vận hành, phù hợp với các nghề trường đang đào tạo; đảm bảo đủ tỷ lệ thiết bị/người học, có phân công phụ trách quản lý thiết bị, vật tư, các thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, có các quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, hàng năm có đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Thư viện của trường có diện tích rộng, nằm giữa trung tâm của trường có các phòng đọc, phòng tra cứu điện tử, được nối mạng Internet tốc độ cao, có hệ thống máy tính trang bị phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu, có đầy đủ chương trình, giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo và được số hóa tích hợp với thư viện điện tử sử dụng thuận lợi phục vụ nhu cầu tra cứu của bạn đọc, thường xuyên giới thiệu tài liệu và sách báo mới cho người đọc bằng nhiều hình thức, tổ chức và duy trì được mạng lưới cộng tác viên của thư viện đạt hiệu quả cao.

2.5.3. Những tồn tại:

Phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế mới chỉ áp dụng được một số môn đun, môn học.

2.5.4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Xây dựng kế hoạch, tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư tiếp cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo tốt nhất phục vụ cho người học.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	15
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	2,5

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đủ các khối công trình đảm bảo phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của trường: Khu hành chính, khu học tập, xưởng thực hành, khu vệ sinh, khu để xe, ký túc xá, khu thể thao, văn hóa, văn nghệ. Khu làm việc gồm các phòng làm việc của Ban Giám hiệu, các phòng khoa, có trang bị hệ thống mạng LAN và mạng Internet; Khu làm việc của trường bao gồm 4 khối nhà , đó là: nhà Hiệu bộ 4 tầng và nhà làm việc 5 tầng, 2 tầng và khu xưởng ODA (5.1.01- Quy hoạch tổng thể mặt bằng các khối công trình của Trường; 5.1.02- Bản vẽ xây dựng Trường; 5.1.03- Bản vẽ các hạng mục công trình; 5.1.04- Hồ sơ hoàn công các hạng mục công trình; 5.1.05- Bảng thống kê diện tích các hạng mục công trình).

Các khu vực xưởng, phòng học thực hành được thiết kế, xây dựng theo đúng tiêu chuẩn, có hệ thống chiếu sáng, đảm bảo tính thẩm mỹ trong môi trường sư phạm, vệ sinh công nghiệp và được sử dụng đúng công năng, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất cho đào tạo các nghề. Các khu vực, phòng thực hành của các nghề được xây dựng hiện đại, được sắp xếp bố trí khoa học. Các phòng thực hành, khu xưởng đều được chuyên môn hóa với các trang thiết bị đào tạo đầy đủ và hiện đại, phù hợp với các ngành nghề. Các trang thiết bị công nghệ của Trường phù hợp với yêu cầu đào tạo theo đúng các hợp

đồng kinh tế về mua sắm trang thiết bị; có sổ sách quản lý, theo dõi trang thiết bị, tài sản cố định, dụng cụ lâu bền và được kiểm kê hằng năm. Các thiết bị có hồ sơ xuất xứ, năm, nước sản xuất rõ ràng, được bổ sung đúng chủng loại, chất lượng và đảm bảo tính đồng bộ, các thiết bị đều được gắn thẻ (5.1.06- *Danh mục thiết bị tại các phòng học*).

Nhà trường đã khai thác triệt để tất cả công năng của các phòng học, đáp ứng được lưu lượng HSSV như hiện nay, việc bố trí các phòng học theo quy định của Nhà trường. Hằng năm, các khoa đều báo cáo về tình hình sử dụng các phòng thực hành của khoa mình (5.1.07- *Bảng tổng hợp số giờ quản lý phòng học chuyên môn năm 2022, 2023, 2024*). Các trang thiết bị hiện có của Nhà trường đáp ứng về mặt công nghệ, phù hợp với nhu cầu công nghệ tiên tiến trên thị trường. Nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị của Nhà trường là thực hiện theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

Các xưởng thực hành đều có nội quy xưởng, các thiết bị tại các phòng học chuyên môn của các đơn vị được bố trí theo sơ đồ (5.1.08- *Bảng nội quy phòng học; Nội quy xưởng thực hành; 5.1.09- Sơ đồ bố trí thiết bị trong phòng học thực hành*), đảm bảo hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành. Trang thiết bị dụng cụ trong phòng, xưởng thực hành được bố trí hợp lý, gọn gàng, thuận tiện, lắp đặt chắc chắn, có lối đi đủ rộng thuận tiện cho việc đi lại, thao tác, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành cho cả lớp, nhóm và cá nhân học sinh với từng ngành nghề.

Nhằm duy trì công tác quản lý, tổ chức, sắp xếp cơ sở vật chất, thiết bị bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường tại khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo, Nhà trường ban hành Quy định thực hiện 5S, thành lập Ban 5S và thực hiện kiểm tra, đánh giá theo quý (5.1.10- *Quyết định ban hành Quy định thực hiện 5S; 5.1.11- Quyết định thành lập, kiện toàn Ban 5S; 5.1.12- Kế hoạch đánh giá 5S năm 2023, 2024, 2025; 5.1.13- Báo cáo đánh giá thực hiện 5S hằng quý năm 2023, 2024, 2025*).

Với 55 năm xây dựng và phát triển, nhiều hạng mục, công trình được cải tạo, sửa chữa và xây mới. Hiện nay, cơ sở vật chất của Nhà trường đã đảm bảo theo quy định. Với mục tiêu xây dựng Nhà trường thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp "Xanh - Sạch - Đẹp", nhà trường đã có những kế hoạch và chiến lược cụ thể trong việc quy hoạch, xây dựng các giảng đường, khu làm việc, các xưởng thực hành hài hoà với không gian chung và đặc biệt ưu tiên quan tâm tới việc trồng cây xanh trong khuôn viên trường chính điều này đã tạo môi trường học tập, sinh hoạt, vui chơi an toàn, hấp dẫn hơn đối với học sinh, sinh viên, giúp các em càng thêm yêu quý trường lớp, thầy, cô và bạn bè. Trường học "Xanh - Sạch - Đẹp" còn có ý nghĩa thiết thực trong việc giáo dục học sinh, sinh viên ý thức, thói quen giữ gìn bảo vệ môi trường nơi trường học, gia đình và cộng đồng dân cư đồng thời góp phần từng bước hoàn thiện nhân cách tốt đẹp, lối sống văn minh cho thế hệ trẻ ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Đến thời điểm hiện tại, hệ thống cây xanh, cây bóng mát, chậu hoa cây cảnh, thảm cỏ được định kỳ, thường xuyên chăm sóc, bổ sung xanh mát quanh năm đảm bảo cảnh quan, môi trường làm việc và học tập của cán bộ, nhà giáo, HSSV “Xanh, Sạch, Đẹp”.

Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo của Nhà trường được đầu tư từ các nguồn vốn mục tiêu chương trình, các dự án đầu tư phát triển trường dạy nghề chất lượng cao đảm bảo hiện đại, đồng bộ và sử dụng hiệu quả năng lượng, thân thiện và bảo vệ môi trường.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Công tác an ninh trật tự được đảm bảo thường xuyên, Nhà trường phối hợp với Công an phường Võ Cường để làm tốt công tác HSSV ngoại trú, duy trì trật tự khu vực và ngăn chặn các tệ nạn xã hội học đường (5.1.14- *Hợp đồng giữa Nhà trường và Bảo vệ*). Nhà trường phối hợp với Công an phường Võ Cường thực hiện phổ biến, tuyên truyền, nâng cao ý thức về trật tự, an toàn giao thông (ATGT) và phòng chống bạo lực học đường (5.1.15- *Phổ biến kiến thức ATGT và phòng chống bạo lực học đường trong trường học*).

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được chú trọng để đảm bảo an toàn cho cán bộ, viên chức, người lao động và HSSV. Nhà ăn, căng tin thông thoáng, đủ ánh sáng. Bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện được làm bằng vật liệu dễ cọ rửa. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại. Có phương tiện bảo quản thực phẩm. Có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn. Có thùng chứa để thu gom rác, thực phẩm, thức ăn thừa; các dụng cụ chứa đựng rác được làm bằng vật liệu chắc chắn, có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh (5.1.16- *Giấy chứng nhận vệ sinh, an toàn thực phẩm tại căng tin*).

Vấn đề an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích luôn được Nhà trường quan tâm và chú trọng. Toàn bộ HSSV của trường được sống và học tập trong một môi trường an toàn. Quá trình xây dựng trường học an toàn đã có sự tham gia của tất cả HSSV, cán bộ, công nhân viên, người lao động và các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể của địa phương. Nhà trường đã bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần, trong đó, HSSV được bảo vệ, được đối xử công bằng, nhân ái; không bị bạo hành, xâm hại; môi trường giảm thiểu tối đa hoặc loại bỏ hoàn toàn các yếu tố nguy cơ gây tai nạn thương tích và ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, sức khỏe tinh thần; HSSV được dễ dàng tiếp cận với môi trường xung quanh, được tạo điều kiện tốt nhất để phát triển toàn diện, phù hợp với độ tuổi, giới tính và khả năng của bản thân (5.1.17- *Quy chế học sinh, sinh viên*).

Đối với công tác an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai được Nhà trường quan tâm đặc biệt, các phòng học thực hành và nhà xưởng đều có đầy đủ các trang thiết bị và phương tiện phòng cháy, chữa cháy đảm bảo an toàn theo quy định. Các bình chữa cháy được đặt tại các vị trí dễ quan sát, bên cạnh đều có tiêu lệnh chữa cháy. Nhà trường đã tổ chức tốt cho lực lượng PCCC của Nhà trường được tham gia

tập huấn theo đúng kế hoạch của các cơ quan quản lý cấp trên. Định kỳ hằng năm, Cơ quan Cảnh sát PCCC về kiểm tra và đều đánh giá là Nhà trường đã thực hiện tốt công tác này (5.1.18- *Các biên bản kiểm tra của cơ quan quản lý PCCC năm 2023, 2024, 2025; 5.1.19- Danh mục trang thiết bị và phương tiện phòng cháy, chữa cháy*).

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện nghiêm túc Bộ quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trên cơ sở nội dung xây dựng quy tắc ứng xử theo Điều 4 Thông tư số 38 /2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 1042/QĐ- LĐTBXH ngày 25/7/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có hiệu lực và có ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Đề án “Xây dựng văn hoá ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025”, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học của trường;

Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị trong trường triển khai tuyên truyền sâu rộng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, gia đình và cộng đồng. Cụ thể:

Tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử trong trường học.

Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, biện pháp, trách nhiệm của nhà trường, gia đình người học, tổ chức, đoàn thể, chính quyền địa phương đối với việc xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học.

Tuyên truyền về thái độ, hành vi, ngôn ngữ, chuẩn mực của người học, nhà giáo, cán bộ, nhân viên trong trường học.

Tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, yêu thương con người và truyền thống văn hóa ứng xử của dân tộc ta; nêu gương cán bộ, nhà giáo, nhân viên và người đứng đầu nhà trường trong xây dựng văn hóa ứng xử, các cá nhân điển hình, mô hình nhà trường thực hiện tốt công tác xây dựng văn hóa ứng xử.

Đẩy mạnh việc thực hiện văn hoá ứng xử trong trường học nhằm tạo chuyển biến căn bản về ứng xử văn hoá của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và học sinh góp phần phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách, lối sống văn hoá. Xây dựng văn hoá trường học lành mạnh, thân thiện; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

Xây dựng văn hóa nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh và phòng chống bạo lực học đường hiệu quả. Từ năm 2020 tới nay, trường đã thực hiện các biện pháp phòng chống bạo lực học đường và không xảy ra vụ việc bạo lực học đường.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục văn hóa ứng xử cho người học thông qua học chính khóa, hoạt động ngoại khóa. Đồng thời nâng cao năng lực ứng xử văn hóa và năng lực tổ chức giáo dục ứng xử văn hóa của cán bộ, nhà giáo, nhân viên của nhà trường (5.1.20- *Văn bản thanh tra/kiểm tra của các cơ quan chức năng về các lĩnh vực an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai trong trường;*

5.1.21- Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Đối với công tác y tế trường học và trợ giúp học sinh, sinh viên, Nhà trường đã thực hiện tốt các nội dung này theo Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 38 /2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường có bộ phận y tế với 01 nhân viên để khám chữa bệnh cho sinh viên, phòng y tế được trang bị 02 giường khám chữa bệnh, có đầy đủ trang thiết bị, vật tư y tế và danh mục thuốc y tế đảm bảo theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 quy định về công tác y tế trường học thực hiện việc sơ cứu ban đầu và cấp phát thuốc cho HSSV.

Nhà trường luôn chú trọng đến việc: Tổ chức các hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động và học sinh, sinh viên theo quy định; Triển khai các biện pháp và chế độ vệ sinh phòng, chống dịch bệnh do cơ quan y tế hoặc cơ quan quản lý cấp trên yêu cầu (*5.1.22- Sổ khám bệnh năm 2023; 2024, 2025; 5.1.23- Danh sách cán bộ, giảng viên/nhà giáo, người lao động khám sức khỏe; Các thông báo, kế hoạch triển khai các hoạt động phòng chống dịch bệnh của Nhà trường năm 2023, 2024, 2025 theo hướng dẫn của Bộ y tế hoặc các báo cáo khác).*

Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về môi trường giáo dục theo các tiêu chí hiện đại, xanh,..(*1.2.10- Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.11- Bộ phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.12- Danh sách các đối tượng khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.13- Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025; 1.2.14- Báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024,2025).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đủ chủng loại trang thiết bị đào tạo nghề Công nghệ thông tin và luôn được đổi mới phù hợp với chương trình đào tạo của nghề. Các thiết bị đều có chất lượng cao và đa dạng, đáp ứng được nhu cầu đào tạo của các nghề.

Nhà trường có đầy đủ chủng loại thiết bị, dụng cụ theo quy định của chương trình nghề Công nghệ thông tin, trình độ cao đẳng theo Thông tư số 27/2019/TT- BLĐTBXH ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ LĐ - TB&XH Quy định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Công nghệ thông tin. Thiết bị của nghề Công nghệ thông tin đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo, rất nhiều chủng loại thiết bị có số lượng nhiều hơn số lượng tối thiểu. Tất cả thiết bị đào tạo đều được theo dõi trên sổ sách quản lý, trong sổ quản lý tài sản và các biên bản kiểm kê tài sản hàng năm của trường đều có tên thiết bị, số lượng thiết bị, năm sản xuất thiết bị, xuất xứ thiết bị và năm đưa vào sử dụng (*5.2.01- Sổ quản lý TSCĐ của khoa năm 2023, 2024, 2025; 5.2.02-*

Sổ quản lý DCLB của khoa năm 2023, 2024, 2025; 5.2.03- Bảng đối chiếu danh mục thiết bị hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trong chương trình đào tạo; 5.2.04- Biên bản kiểm kê TSCĐ, DCLB của khoa năm 2022, 2023, 2024; 5.2.05- Báo cáo kiểm kê TSCĐ, DCLB năm 2022, 2023, 2024).

Như vậy, từ năm 2022 đến năm 2025, Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, chủng loại thiết bị, dụng cụ theo quy định của chương trình nghề Công nghệ thông tin, trình độ cao đẳng. Bên cạnh đó, trong Hồ sơ đề nghị đăng ký hoạt động GDNN đối với nghề Công nghệ thông tin đã thể hiện rõ chủng loại, số lượng các trang thiết bị trang bị cho việc triển khai thực hiện hoạt động GDNN nghề Công nghệ thông tin (1.1.08- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN).

Khoa KH - KT - CNTT thực hiện phân công giảng viên giảng dạy và xây dựng Kế hoạch (lịch) giảng dạy chi tiết đến từng môn học, mô-đun theo chương trình đào tạo, xây dựng thời khóa biểu cho học kỳ, năm học, bố trí phòng học hợp lý, khoa học theo đúng chuyên môn của nghề đào tạo, không có sự chồng chéo, lớp học lý thuyết không quá 35 sinh viên, các lớp thực hành được chia nhóm không quá 18 sinh viên theo đúng quy định (3.2.04- Quyết định mở lớp kèm danh sách sinh viên nghề Công nghệ thông tin năm 2023, 2024, 2025; 3.2.07- Tiến độ, kế hoạch giờ giảng, thời khóa biểu các học kỳ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.3.01- Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025 - 2026; 3.3.02- Kế hoạch (Lịch) giảng dạy của nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo giảng dạy nghề Công nghệ thông tin về trang thiết bị đào tạo, cho thấy giảng viên và HSSV đều nhất trí cao với các nội dung khảo sát (1.2.10- Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.11- Bộ phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.12- Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024; 1.2.12- Danh sách các đối tượng tham gia khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.13- Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025; 1.2.14- Báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình. Trong đó, phân công cụ thể cho khoa chịu trách nhiệm sử dụng, quản lý từng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn (5.3.01- Quy chế quản lý tài sản). Tất cả thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo của Nhà trường đều được theo dõi trên sổ sách quản lý với đầy đủ thông tin: tên TSCĐ (DCLB), nước sản xuất, số lượng, năm sản xuất, năm sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại. Các thiết bị được giao trực tiếp cho các cá nhân quản lý, sử dụng phục vụ đào tạo (5.2.01- Sổ quản lý TSCĐ

của khoa năm 2023, 2024, 2025; 5.2.02- Sổ quản lý DCLB của khoa năm 2023, 2024, 2025; 5.3.02- Biên bản phân công quản lý tài sản năm 2023, 2024, 2025; 5.3.03- Sổ phân công quản lý tài sản năm 2023, 2024, 2025). Nhà trường đã ban hành quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và áp dụng trong toàn trường từ năm 2015 (5.3.04- Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị).

Theo quy định tại Quy chế Quản lý tài sản, đầu mỗi năm, các đơn vị có thiết bị phục vụ đào tạo sẽ xây dựng kế hoạch (5.3.05- *Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm 2023, 2024, 2025*) và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo quy trình đã được ban hành, Nhà trường sẽ giám sát, kiểm tra quá trình và kết quả thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của các đơn vị. Cuối năm, Nhà trường có kiểm tra, đánh giá tình hình công tác quản lý, bảo dưỡng cơ sở vật chất, sau đó có báo cáo kết quả và đề xuất các nội dung sửa chữa (5.3.06- *Báo cáo công tác quản lý và bảo dưỡng cơ sở vật chất năm 2022, 2023, 2024*).

Nghề Công nghệ thông tin có trang thiết bị đào tạo hiện đại, được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc giảng dạy của nhà giáo, thực hành thực tập của HSSV (5.1.09- *Sơ đồ bố trí thiết bị trong phòng học thực hành*). Các trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành được đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Khoảng cách giữa các thiết bị hợp lý thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng, tổ chức hướng dẫn thực hành. Việc bố trí trang thiết bị, dụng cụ thực hành được thực hiện theo đúng quy định về bố trí, lắp đặt trang thiết bị phục vụ công tác dạy học.

Tại mỗi xưởng thực hành của nghề Công nghệ thông tin, đều có nội quy xưởng thực hành dành cho HSSV, được bố trí trước mỗi xưởng giúp sinh viên dễ dàng nhìn thấy và tuân thủ theo. Bên cạnh mỗi thiết bị đều có quy trình vận hành thiết bị an toàn (5.1.08- *Bảng nội quy phòng học; Nội quy xưởng thực hành; 5.3.07- Bảng hướng dẫn sử dụng, quy tắc an toàn khi sử dụng trang thiết bị*). Trang thiết bị tại các phòng học chuyên môn được giao cho giảng viên phụ trách phòng học chuyên môn quản lý. Căn cứ theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo Khoa KH - KT - CNTT có xây dựng kế hoạch và thực hiện sử dụng phòng học chuyên môn theo đúng kế hoạch, tiến độ đào tạo, về công năng, tần suất sử dụng trang thiết bị của phòng (3.2.06- *Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025 - 2026; 3.2.07- Tiến độ, kế hoạch giờ giảng, thời khóa biểu các học kỳ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.3.01- Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025 - 2026; 5.3.08- Bảng tổng hợp số giờ quản lý phòng học chuyên môn năm 2022, 2023, 2024*).

Xưởng thực hành có hệ thống chiếu sáng, đảm bảo tính thẩm mỹ trong môi trường sư phạm, vệ sinh công nghiệp. Các thiết bị có màu sắc hài hòa, hình khối hợp lý. Máy móc, thiết bị được Nhà trường lắp đặt theo đúng thiết kế kỹ thuật của xưởng thực hành. Thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành, có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định (5.3.01- *Quy chế quản lý tài sản*;

5.3.04- Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; 5.3.06- Báo cáo công tác quản lý và bảo dưỡng cơ sở vật chất năm 2022, 2023, 2024).

Tất cả các phòng học chuyên môn nghề Công nghệ thông tin đều thực hiện công tác 5S và luôn được Ban 5S nhà trường đánh giá thực hiện rất tốt (5.3.09- Biên bản đánh giá 5S Khoa KH - KT - CNTT năm 2023, 2024, 2025).

Tại xưởng thực hành, Nhà trường lắp đặt các thiết bị phòng cháy, chữa cháy đảm bảo an toàn theo quy định. Các bình chữa cháy được đặt tại các vị trí dễ quan sát, bên cạnh đều có tiêu lệnh chữa cháy. Trong xưởng thực hành có tủ cứu thương, bên trong có đầy đủ dụng cụ, bông băng, thuốc phục vụ công tác sơ cấp cứu khi có tai nạn xảy ra (5.3.10- Tiêu lệnh chữa cháy; Hình ảnh tủ cứu thương tại xưởng).

Như vậy, thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, nhà giáo giảng dạy, cán bộ quản lý nghề về thiết bị, dụng cụ trong công tác đào tạo của nghề (1.2.10- Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.11- Bộ phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.13- Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2023, 2024; 1.2.12- Danh sách các đối tượng tham gia khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.14- Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Việc xây dựng, thực hiện và duy trì quy trình này nhằm đảm bảo cấp phát kịp thời, đúng định mức vật tư, nguyên-nhiên vật liệu cho các hoạt động của Nhà trường. Đảm bảo việc cấp phát vật tư, nguyên-nhiên vật liệu được thực hiện theo đúng Quy chế quản lý tài sản của Nhà trường. Quy trình này áp dụng cho tất cả các đơn vị (Phòng, Khoa) trong toàn trường (5.4.01- Quy trình cấp phát vật tư, nguyên - nhiên vật liệu).

Theo quy định tại Quy chế Quản lý tài sản, việc sử dụng vật tư phục vụ đào tạo phải theo kế hoạch sử dụng đã được phê duyệt (5.4.02- Kế hoạch kèm theo dự trù mua sắm vật tư học tập năm 2023, 2024, 2025), phù hợp với chương trình, kế hoạch đào tạo, có hệ thống sổ sách theo dõi việc cấp phát, quá trình sử dụng và thu hồi sau sử dụng (5.4.03- Sổ giao nhận vật tư học tập năm 2023, 2024, 2025; 5.4.04- Báo cáo tình hình sử dụng và thu hồi vật tư sau sử dụng năm 2022, 2023, 2024; 5.4.05- Biên bản thu hồi vật tư sau

sử dụng năm 2023, 2024, 2025). Vật tư được bố trí để tại các kho và các đơn vị đều có sơ đồ bố trí các kho lưu trữ vật tư phục vụ đào tạo.

Căn cứ theo Thông tư số 14/2017/TT - BLĐTBXH ngày 25/5/2017 của Bộ LĐ-TB&XH quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực GDNN, Nhà trường đã xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho tất cả các nghề đào tạo của Trường để đảm bảo tính đúng, tính đủ, mọi chi phí đào tạo cho HSSV đạt được chất lượng theo chương trình đào tạo (*5.4.06- Định mức tiêu hao vật tư từ năm 2022 đến năm 2025*). Nhà trường có xây dựng định mức vật tư và định mức tiêu hao vật tư thực hành cho các nghề có sử dụng vật tư thực hành theo từng nghề để đảm bảo vật tư thực hành được quản lý, sử dụng đúng quy định và phù hợp với từng mô-đun, bài học.

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo khoa lập dự toán vật tư cho từng quý thông qua phòng Đào tạo, phòng Quản lý tài sản, Hiệu trưởng ký duyệt, khoa thực hiện mua sắm vật tư theo đúng quy định của nhà nước, sau đó các vật tư được nhập về các khoa quản lý, lưu trữ bảo quản tại các kho và thực hiện cấp phát theo quy định tại Điều 14 của Quy chế quản lý tài sản của nhà trường quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng nguyên nhiên vật tư, vật liệu học tập (*5.3.01- Quy chế quản lý tài sản; 3.2.06- Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025 - 2026; 3.2.07- Tiến độ, kế hoạch giờ giảng, thời khóa biểu các học kỳ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.3.01- Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025 - 2026; 3.3.02- Kế hoạch (Lịch) giảng dạy của nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 5.4.02- Kế hoạch kèm theo dự trù mua sắm vật tư học tập năm 2023, 2024, 2025; 5.4.03- Sổ giao nhận vật tư học tập năm 2023, 2024, 2025*). Sau mỗi quý, căn cứ vào báo cáo tình hình sử dụng và thu hồi vật tư sau sử dụng của khoa, phòng Quản lý tài sản phối hợp với khoa xác nhận vật tư đã qua sử dụng để thu hồi và đề xuất với Ban Giám hiệu phương án xử lý. Cuối năm, Nhà trường thực hiện kế hoạch tổng kiểm kê đánh giá, phân loại thanh lý vật tư đã thu hồi.

Trong xưởng thực hành có kho để vật tư nặng, công kênh, có bố trí tủ lưu trữ vật tư, dụng cụ giảng dạy của giảng viên cho việc dạy và học, đảm bảo an toàn và hiệu quả. Khoa có đầy đủ hồ sơ sổ sách theo dõi quản lý việc cấp phát, sử dụng thiết bị vật tư (*5.1.07- Bảng tổng hợp số giờ quản lý phòng học chuyên môn năm 2022, 2023, 2024; 5.2.04- Biên bản kiểm kê TSCĐ, DCLB của khoa năm 2022, 2023, 2024; 5.2.05- Báo cáo kiểm kê TSCĐ, DCLB năm 2022, 2023, 2024; 5.4.04- Báo cáo tình hình sử dụng và thu hồi vật tư sau sử dụng năm 2022, 2023, 2024; 5.4.05- Biên bản thu hồi vật tư sau sử dụng năm 2022, 2023, 2024*). Nguyên, nhiên, vật liệu của Khoa KH - KT - CNTT dùng để giảng dạy được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện: các vật tư thực tập được để trong kho, trong tủ và các giá để theo chủng loại. Trong quá trình giảng dạy, Khoa thường xuyên kiểm tra việc sử dụng vật tư đúng vào mục đích đào tạo (*3.3.09- Biên bản kiểm tra, dự giờ của Khoa năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư trong Nhà trường (1.2.10- Kế hoạch khảo sát năm 2023, 2024, 2025; 1.2.11- Bộ phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025; 1.2.12- Danh sách các đối tượng khảo sát năm 2023, 2024, 2025; 1.2.13- Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025; 1.2.14- Báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện được trang bị đầy đủ thiết bị và có phòng đọc điện tử kết nối mạng Internet, có hệ thống máy tính, mạng nội bộ giúp cho cán bộ, nhà giáo, học sinh sinh viên tra cứu tài liệu thuận lợi. Thư viện có nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, bao gồm chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo. Hiện nay, 100% bản mềm các chương trình, giáo trình học tập đáp ứng nhu cầu tra cứu của bạn đọc, thư viện được trang bị phần mềm quản lý, tra cứu tài liệu thân thiện với người dùng.

Nhà trường đã triển khai thực hiện số hóa tài liệu, đáp ứng yêu cầu và tạo điều kiện thuận lợi cho người đọc trong việc sử dụng vốn tài liệu của Thư viện nhà trường. Việc số hóa tài liệu tại Thư viện không chỉ giúp bảo quản, duy trì tuổi thọ của tài liệu đã được lưu trữ, mà còn dễ dàng mở rộng đối tượng người sử dụng nguồn tài liệu này; góp phần thúc đẩy và mang lại những tiện ích lớn khi tìm kiếm thông tin (người đọc có thể tìm kiếm ở bất cứ đâu, vào bất cứ thời điểm nào), tạo thuận lợi cho người sử dụng khi chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin của thư viện.

Mỗi một khóa sẽ có một chương trình đào tạo tương ứng, bản mềm được lưu trữ trên thư viện điện tử của nhà trường. Giáo trình tài liệu học tập được biên soạn, tương ứng với chương trình đào tạo và được nhà trường phê duyệt, in ấn và lưu trữ tại thư viện phục vụ cho nhu cầu bạn đọc, bản mềm giáo trình được lưu trữ trên thư viện điện tử.

Hệ thống mạng nội bộ LAN, cổng Internet của Nhà trường hoạt động tốt và hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu cập nhật thông tin, tìm kiếm, sưu tầm tài liệu của cán bộ, giảng viên, nhà giáo và HSSV.

Nhà trường có ban hành nội quy, quy chế hoạt động của thư viện và phổ biến đến bạn đọc. Hằng năm, Nhà trường có tổng hợp, báo cáo hoạt động của thư viện.

(5.5.01- Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện; 5.5.02- Phần mềm quản lý thư viện, thư viện số; 5.5.03- Danh mục tài liệu điện tử; 5.5.04- Danh mục chương trình của trường được số hóa; 5.5.05- Danh mục giáo trình của trường được số hóa; 5.5.06- Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa; 5.5.07- Quy định hoạt động của thư viện; 5.5.08- Hướng dẫn tra cứu tài liệu của thư viện; 5.5.09- Hướng dẫn sử dụng thư viện số; 5.5.10- Kế hoạch hoạt động của thư viện năm 2023, 2024, 2025; 5.5.11- Sổ ghi

chép hoạt động của thư viện; 5.5.12- Báo cáo hoạt động của thư viện năm 2023, 2024, 2025; 3.2.01- Báo cáo Hội nghị Công nhân viên chức năm 2023, 2024, 2025; 3.2.02- Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức về tổ chức hoạt động thư viện trong Nhà trường (1.2.10- Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.11- Bộ phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025; 1.2.12- Danh sách các đối tượng khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.2.13- Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025; 1.2.14- Báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật (hệ thống mạng internet, máy tính), phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến đảm bảo các điều kiện cho đào tạo trực tuyến. Hệ thống đào tạo trực tuyến của nhà trường, có: phân hệ chức năng dành cho Quản trị hệ thống/ cán bộ quản lý (Quản trị hệ thống, Danh mục, Quản lý cán bộ, giảng viên, Quản lý hồ sơ học viên/sinh viên, Thời khóa biểu, Quản lý đào tạo, Quản lý thi); Phân hệ chức năng dành cho sinh viên. Với hệ thống này, Nhà trường thực hiện quản lý đào tạo, lập kế hoạch đào tạo, tiến độ, xếp thời khóa biểu trực tuyến, có cổng thông tin giáo viên và HSSV, giảng dạy trực tuyến, cung cấp thông tin đến cán bộ quản lý, giáo viên và HSSV. Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối Internet, có hệ thống quản lý học tập, nội dung; quản lý điểm, tiến trình học tập; diễn đàn; có đội ngũ cán bộ kỹ thuật am hiểu các hệ thống ứng dụng CNTT trong đào tạo trực tuyến (5.6.01- Hợp đồng Xây dựng phần mềm đào tạo trực tuyến và Thư viện số; 5.6.02- Phần mềm đào tạo trực tuyến và Thư viện số; 5.6.03- Danh mục trang thiết bị để đào tạo trực tuyến).

Cho đến nay, giảng viên/giáo viên của Nhà trường nói chung, của nghề Công nghệ thông tin nói riêng đã sử dụng thành thạo các phần mềm tổ chức giảng dạy trực tuyến như Google Meet, Google Class Room ứng dụng vào quản lý dạy học trực tuyến.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng có tỷ lệ mô-đun /môn học có thể đào tạo trực tuyến đều trên 30% tổng môn học, mô-đun của nghề đào tạo và Nhà trường đảm bảo các điều kiện cho đào tạo trực tuyến phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, nhu cầu của người học (5.6.04- Hồ sơ, tài liệu, bài giảng đào tạo trực tuyến của nghề Công nghệ thông tin năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Để nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành và giảng dạy, Nhà trường không ngừng đổi mới các phương tiện, thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập theo hướng hiện đại; ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến ngày càng nhiều ở tất cả các đơn vị trong trường. Các phần mềm số hóa, mô phỏng hóa, các công cụ hỗ trợ như máy tính, máy chiếu, các phương tiện nghe nhìn khác, được ứng dụng thường

xuyên trong hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá giúp tăng cường hiệu quả công tác quản lý và mở rộng phương thức cũng như cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá về chất lượng, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập thông qua phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến và thư viện số; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy, học tập, đánh giá theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. Các phòng học chuyên môn của trường đều được trang bị máy chiếu, màn chiếu, máy tính phục vụ giảng dạy (5.6.05- *Bài giảng điện tử của nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 5.6.06- *Danh mục các phần mềm mô phỏng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 5.6.07- *Danh mục thiết bị, phương tiện dạy và học tại các phòng học chuyên môn năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Để cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả trong ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đào tạo, hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo (1.2.10- *Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.11- *Bộ phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025*; 1.2.12- *Danh sách các đối tượng khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.13- *Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2023, 2024, 2025*; 1.2.14- *Báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2,5 điểm

2.6. Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

2.6.1. Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Người học luôn đóng vai trò trung tâm trong các hoạt động của nhà trường; các em đến trường học tập trong chương trình đào tạo bài bản, chuẩn đầu vào, đầu ra; ngay từ những ngày đầu vào trường các em đã được nhà trường phổ biến những nội quy, quy chế, quy định, chế độ chính sách.... trong thời gian học tập đầu khóa; trong quá trình học tập, các em được hưởng các chế độ theo đúng các quy định; các em được tham gia tất cả các hoạt động: thi đấu thể thao, hoạt động văn nghệ, chào xuân, chào hè, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; các em được thầy cô các đơn vị, giáo viên chủ nhiệm tư vấn, hỗ trợ: cố vấn học tập, bảo hiểm y tế, bảo hiểm toàn diện, các hoạt động ngoại khóa, việc làm và tất cả các nội dung liên quan.

2.6.2. Những điểm mạnh:

- Hằng năm sau khi nhập học, tất cả các em Học sinh, Sinh viên (HSSV) được tham gia học tập đầu khóa, được các thầy giáo, cô giáo các đơn vị liên quan như: phòng Đào tạo, phòng Công tác HSSV, phòng Quan hệ công chúng, BCH Đoàn thanh niên/Hội sinh

viên và một số khoa chuyên môn phổ biến các nội quy, quy định, chế độ chính sách, cụ thể:

- + Phòng Đào tạo triển khai đầy đủ các văn bản liên quan về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp.

- + Phòng Công tác HSSV triển khai các văn bản quy định về quy chế công tác HSSV; các nội quy, quy chế của trường (quy chế công tác HSSV, quy chế ứng xử văn hóa, quy định không hút thuốc lá trong trường học, quy định ký cam kết không buôn bán vận chuyển, buôn bán, tàng trữ pháo nổ.....) và các văn bản về việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học (quy định miễn giảm học phí; khen thưởng HSSV; quy định xét, cấp học bổng đầu khóa, học bổng rèn luyện....).

- + Phòng Quan hệ công chúng triển khai các thông tin về thị trường lao động, việc làm, quan hệ doanh nghiệp, đào tạo kép...

- + BCH Đoàn thanh niên/Hội sinh viên triển khai các hoạt động về 5S, tình nguyện, giảng dạy mô đun xanh, bảo vệ môi trường, các hoạt động xã hội, các chương trình về văn nghệ, thể thao, chào xuân, chào hè, khởi nghiệp...

- Trong quá trình học tập tại trường, tất cả các lớp HSSV được giáo viên chủ nhiệm lớp phổ biến, triển khai họp lớp để triển khai, thực hiện tất cả các văn bản, chế độ chính sách của nhà trường, như: bảo hiểm y tế, bảo hiểm toàn diện, quy định miễn giảm học phí, thủ tục miễn giảm học phí cho HSSV...

- Ngoài ra nhà trường còn thường xuyên triển khai các chương trình họp phụ huynh HSSV (trực tiếp hoặc online) vào đầu khóa và giữa kỳ để triển khai tất cả những vấn đề lớn liên quan đến HSSV, đảm bảo quyền và lợi ích cho HSSV.

- Trong nhiều năm qua trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh có mối quan hệ bền vững, tốt đẹp với các doanh nghiệp, công ty lớn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, một số tỉnh lân cận; Nhà trường có kế hoạch theo chương trình công tác năm, tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm rất tốt cho HSSV, đảm bảo tỷ lệ việc làm sau khi ra trường đạt kết quả trên 98%.

- Các hoạt động giáo dục toàn diện cho HSSV (các chương trình văn nghệ, thể thao, kỹ năng mềm, ngoại ngữ ngoại khóa, startup kite, giáo dục truyền thống, giáo dục quốc phòng và an ninh, hiến máu, tình nguyện, các hoạt động xã hội....) được nhà trường rất quan tâm, chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức, thực hiện và đạt chất lượng cao.

- Tất cả các chương trình, hoạt động đều được BGH nhà trường kiểm tra, đánh giá trong các cuộc họp giao ban tuần, giao ban tháng của cán bộ chủ chốt, trong các cuộc họp giáo viên chủ nhiệm, trong các hội đồng thi đua khen thưởng; hiện nay nhà trường đưa sử dụng một số phần mềm quản lý, rất thuận tiện, nhanh, chính xác, nâng cao hiệu quả quản lý công việc, chất lượng công việc của nhà trường.

2.6.3. Những tồn tại

Hiện nay HSSV nói chung và sinh viên ngành Công nghệ thông tin (CNTT) có nhu cầu chơi đá bóng cao, tuy nhiên nhà trường chưa có sân bóng đá; nếu được đầu tư, thành lập sân bóng đá thì hoạt động phong trào, hoạt động ngoại khóa được tốt hơn.

2.6.4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác HSSV nhà trường đề xuất trình Tỉnh tạo điều kiện để xây dựng khu KTX cho học sinh, sinh viên, đầu tư và xây dựng sân bóng đá cho HSSV.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 6</i>	<i>10 (mười) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.1</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.2</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.3</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.4</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>

Tiêu chuẩn 6.1. Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.

Trước khi nhập học, trong quá trình học tập thì HSSV, phụ huynh HSSV... được tiếp cận các thông tin về nhà trường thông qua hệ thống thông tin trên bảng tin, website (<https://bci.edu.vn>), fanpage trường (Trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh), giáo viên chủ nhiệm, phòng/khoa liên quan...

(6.1.01. Báo cáo về việc người học tiếp cận thông tin khi nhập học và trong quá trình học tập các năm 2022, 2023, 2024).

Sau khi HSSV hàng năm nhập học, các em HSSV sẽ được nhận các văn bản liên quan việc học tập đầu khóa, HSSV sẽ được các thầy giáo, cô giáo trình bày, phân tích các nội dung liên quan về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; các văn bản quy định về quy chế công tác HSSV, các nội quy, quy chế của trường (quy chế ứng xử văn hóa, quy định không hút thuốc lá trong trường học, quy định ký cam kết không buôn bán vận chuyển pháo nổ, ký cam kết chấp hành an toàn giao thông.....) và các văn bản về việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học (quy định miễn giảm học phí; khen thưởng HSSV; quy định xét, cấp học bổng đầu khóa, học bổng rèn luyện....).

(6.1.02. Các văn bản liên quan học tập đầu khóa hàng năm, thông báo tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh các năm 2022, 2023, 2024, 2025 và các văn bản liên quan).

Trong quá trình học tập, các em HSSV tiếp tục được giáo viên chủ nhiệm (GVCN) triển khai các văn bản liên quan về các nội quy, quy định về chế độ chính sách, các văn bản về những quy định của nhà trường thông qua sinh hoạt lớp, thông qua báo cáo tháng được gửi về phòng Công tác HSSV hàng tháng; bản mềm gửi về email: cthssv.bci@gmail.com; những nội dung này còn được triển khai trong các chương trình họp phụ huynh HSSV đầu khóa, giữa kỳ, hàng năm.

(6.1.03. Các quyết định về việc phân công giáo viên chủ nhiệm các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 và báo cáo công tác GVCN hàng tháng).

Các văn bản thể hiện nội quy, quy chế của trường:

(6.1.04. Quy định ban hành của Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về CTHSSV, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập (Các QĐ v/v ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập; v/v ban hành thực hiện CTĐT, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp; v/v ban hành Quy chế công tác HSSV và các văn bản, kế hoạch liên quan)

Hàng năm nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát, tiến hành khảo sát, lấy ý kiến người học và các thành phần liên quan; kết quả khảo sát đều có kết quả hài lòng và rất hài lòng.

(6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2023, 2024, 2025 tại trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.2. Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Hàng năm nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, giao nhiệm vụ triển khai, tuyên truyền, thực hiện các chế độ, chính sách cho HSSV; phòng Kế toán phối hợp phòng Công tác HSSV và các đơn vị liên quan thực hiện.

(6.2.01. Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, khoa liên quan về việc thực hiện chế độ chính sách theo quy định được thể hiện trong quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh các năm 2023, 2024, 2025).

Hàng năm nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn, thực hiện đầy đủ việc miễn giảm học phí/hỗ trợ học phí học nghề cho các đối tượng HSSV học tập tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh theo quy định của chính phủ. Trong các năm vừa qua, HSSV nhà trường và sinh viên ngành CNTT đóng học phí thông qua hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản; HSSV năm thứ nhất sẽ đóng học phí năm thứ nhất từ khi nhập học; HSSV các năm tiếp theo sẽ đóng học phí theo năm học đảm bảo đúng các quy định của nhà trường, của Bộ lao động-Thương binh và xã hội, của Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ tài chính và các văn bản nhà nước quy định khác có liên quan.

(6.2.02. Các thông báo về việc thực hiện thu học phí và thông báo miễn giảm học phí các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026).

Trong những năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 nhà trường ban hành thông báo, quyết định thực hiện nghị quyết số 10 và nghị quyết số 05 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh, quy định việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí cho HSSV đang học tập tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

(6.2.03. Các thông báo về việc quy định hỗ trợ học phí theo nghị quyết số 10/NQ-HĐND, ngày 29/9/2021 và nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND, ngày 28/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh và các quyết định quy định, thực hiện chi hỗ trợ học phí học nghề tại trường).

Trong quá trình học tập, những HSSV học tập và rèn luyện tốt được Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường họp, báo cáo, trình Hiệu trưởng để được xem xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, trong đó có nhiều sinh viên ngành CNTT được xét, cấp học bổng theo năm học (Năm học 2022-2023: Sinh viên Nguyễn Thế Kỳ lớp CNTT

CĐK13A1 đạt học bổng loại xuất sắc; Năm học 2024-2025 Hội đồng đào tạo Nhà trường đã họp, xét ngày 25/11/2025).

(6.2.04. Các văn bản quy định cấp học bổng, quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và các quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập).

Trong quá trình học tập, những HSSV đạt thành tích cao như: tốt nghiệp thủ khoa, tốt nghiệp loại giỏi/xuất sắc khi ra trường, đạt kết quả cao trong hội thi tay nghề các cấp, cuộc thi Startup Kite... sẽ được xem xét, khen thưởng; tổng hợp danh sách sinh viên ngành CNTT được khen thưởng, nội dung khen thưởng như sau:

- Năm 2023: Các sinh viên Nguyễn Phúc Lam, Nguyễn Thụ Long, Đào Văn Tây, Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Đăng Tiến, Ngô Thị Vân lớp CNTT CĐK11 tốt nghiệp loại Giỏi được tặng giấy khen của Hiệu trưởng nhà trường; Lớp CNTT CĐK13A1 tham dự vòng thi chung kết Hello summer 2023 đạt giải nhì, được khen thưởng 2.000.000 đồng; lớp CNTT CĐK13A3 tham dự vòng thi chung kết Hello summer 2023 đạt giải khuyến khích, được khen thưởng 500.000 đồng; nhóm sinh viên lớp CNTT CĐK13A3 với dự án Study mate đạt giải nhì chung kết startup kite, được khen thưởng 1.000.000 đồng; nhóm sinh viên lớp CNTT CĐK13A2 với dự án thiết kế bộ nhận diện thương hiệu 4.0 đạt giải ba chung kết startup kite cấp trường, được khen thưởng 700.000 đồng; nhóm sinh viên CNTT CĐK13A1 với dự án trợ lý dẫn đường đạt giải ba chung kết startup kite cấp trường, được khen thưởng 700.000 đồng; nhóm sinh viên lớp CNTT CĐK13A1 với dự án Hãy nhặt rác, đạt giải khuyến khích chung kết startup kite cấp trường, được nhận kinh phí khen thưởng 500.000 đồng.

- Năm 2024: Sinh viên Ngô Văn Tùng CNTT CĐK12 tốt nghiệp thủ khoa loại xuất sắc, được tặng giấy khen của Hiệu trưởng nhà trường; các lớp CNTT CĐK13A1, CNTT CĐK13A2, CNTT CĐK13A3 đạt giải nhất Hello summer 2024, được khen thưởng 3.000.000 đồng; CLB IT BCi với các thành viên là sinh viên ngành CNTT với dự án xây dựng nền tảng thương mại điện tử “Chợ Bắc Ninh” đạt giải nhất chung kết Startup kite cấp trường; lớp CNTT CĐK13A1 với dự án Kinh doanh, thiết kế và phục hồi các sản phẩm Decor online - RT Decor đạt giải ba chung kết startup kite cấp trường.

- Năm 2025: Sinh viên Nguyễn Thế Kỷ lớp CNTT CĐK13A1 tốt nghiệp thủ khoa xuất sắc; Nguyễn Xuân Thắng và Nguyễn Thị Thu Thảo lớp CNTT CĐK13A3 tốt nghiệp xuất sắc.

(6.2.05. Các quyết định khen thưởng các năm 2022, 2023, 2024, 2025: QĐ khen thưởng cho HSSV tốt nghiệp thủ khoa loại giỏi; QĐ công nhận kết quả thi, khen thưởng cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN”, khen thưởng cuộc thi Hello summer hàng năm; các quyết định khen thưởng HSSV thi kỹ năng nghề, HSSV có thành tích xuất sắc trong năm học).

Ngoài ra nhà trường còn ban hành một số văn bản liên quan về việc hỗ trợ học sinh, sinh viên; hàng năm phòng Công tác HSSV là đơn vị đầu mối, kết hợp với các tổ chức Đoàn thể (Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường), giáo viên chủ nhiệm và các Phòng, Khoa rà soát HSSV có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà nhân các dịp như: ngày truyền thống HSSV, chuẩn bị đón tết nguyên đán, HSSV bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19....; đã tặng quà cho nhiều HSSV:

(6.2.06. Các quyết định, hình ảnh liên quan về việc “Hỗ trợ học sinh, sinh viên”).

Hàng năm HSSV nhà trường được các tổ chức Quốc tế như: Acecook, Dreamtech, Wooriban, BIDV, Elis, Hessen, Korea food, GIZ, Acecook, các doanh nghiệp.... hỗ trợ

các gói học bổng, HSSV được nhận bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; một số sinh viên ngành CNTT nhận học bổng như: Sinh viên Nguyễn Thị Phương Thảo lớp CNTT CDK15A2; Ngô Ngọc Thảo Quyên lớp CNTT CDK14A2 năm 2025 đạt học bổng Acecook trị giá 9.000.000 đồng.

(6.2.07. Một số quyết định trao học bổng, một số hình ảnh, đường link sinh viên nhận học bổng của các tổ chức trao các năm 2022, 2023, 2024, 2025).

Trong quá trình HSSV học tập tại trường, các em HSSV, sinh viên ngành CNTT được tạo điều kiện thuận lợi về công tác y tế, khám sức khỏe đầu khóa, bảo hiểm y tế, chăm sóc y tế, đảm bảo an ninh trường học...; phòng y tế được bố trí vị trí làm việc thuận lợi (tầng 1 nhà Hiệu bộ), phòng Công tác HSSV được bố trí làm việc tại phòng 107 nhà C để HSSV có các điều kiện thuận lợi khi có các đề nghị liên quan: về sức khỏe, xác nhận việc di chuyển nghĩa vụ quân sự, đi xe bus, ở ký túc xá, xác nhận là con đối tượng thương bệnh binh và các nội dung liên quan khác...

Căng tin nhà trường được bố trí thuận tiện, sạch sẽ, đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, 5s, giá dịch vụ hợp lý; căng tin được bố trí tại tầng 1 khu nhà B, với diện tích 300 m²; được trang bị đầy đủ điện, nước, ánh sáng, bàn ghế; trang thiết bị hàng năm đều được nhà trường nâng cấp... đảm bảo cho CBGV, HSSV nhà trường và sinh viên ngành CNTT sử dụng dịch vụ được thuận tiện, hài lòng.

(6.2.08. Báo cáo tổng kết các năm 2022, 2023, 2024 v/v thực hiện công tác y tế).

Hiện nay tỉnh Bắc Ninh xây dựng khu nhà ở sinh viên, đưa vào sử dụng từ năm 2011, với 3 tòa nhà 8 tầng, tại trung tâm thành phố Bắc Ninh (cũ), thuận tiện giao thông, cách trường 2.0 km; đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chỗ ăn, ở, sinh hoạt, khu vui chơi, luyện tập thể thao, căng tin, phòng tập thể hình, các điều kiện về an ninh, trông giữ xe cho HSSV các trường, HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và sinh viên ngành CNTT.

(6.2.09. Các văn bản liên quan KTX các năm 2022 đến 2025 của trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh).

Hàng năm nhà trường triển khai, thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người học; số tiền miễn học phí học nghề và cấp học bổng trong các năm học:

(6.2.10. Báo cáo thực hiện chế độ chính sách đối với người học các năm 2022, 2023, 2024 của Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Hàng năm Nhà trường thực hiện lấy ý kiến của người học, người đã tốt nghiệp về việc thực hiện các chế độ chính sách khen thưởng, đãi ngộ người đang học tập tại trường, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

(6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2023, 2024, 2025 tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.3. Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.

Hàng năm nhà trường đều triển khai, chỉ đạo giao cho phòng Công tác Học sinh, Sinh viên là đơn vị chủ trì, tham mưu, triển khai và phối hợp với các đơn vị phòng, khoa thực hiện phân công giáo viên chủ nhiệm đến các lớp; giáo viên chủ nhiệm có trách

nhiệm tư vấn học tập, phối hợp triển khai các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.

(6.1.03. Các quyết định về việc phân công giáo viên chủ nhiệm các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 và báo cáo công tác GVCN hàng tháng).

Hàng năm nhà trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, phân công chức năng, nhiệm vụ cho từng đơn vị phòng, khoa; các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm.... được giao cho đơn vị phòng Quan hệ công chúng:

(6.3.01. Nội dung thể hiện về việc giao nhiệm vụ, chức năng làm việc cho đơn vị phòng Quan hệ công chúng trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường các năm 2023, 2024, 2025).

Trong quá trình học tập và chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, nhà trường đã có các văn bản, kế hoạch tổ chức phối hợp cùng các doanh nghiệp để thực hiện tư vấn, tuyển dụng.

(6.3.02. Hồ sơ tư vấn, tuyển dụng việc làm cho HSSV các năm 2022, 2023, 2024, 2025: Các quyết định, kế hoạch, thông báo, chương trình tư vấn, tuyển dụng việc làm cho HSSV).

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có mối liên hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp, trong đó có sự gắn kết chặt chẽ với công ty TNHH Samsung; dưới đây là các văn bản liên quan về kế hoạch, chương trình hợp tác, kết quả tuyển dụng, trong đó có các sinh viên ngành CNTT.

(6.3.03. Các văn bản hợp tác, kết quả hợp tác giữa trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh với công ty TNHH Samsung các năm 2022, 2023, 2024, 2025).

Hàng năm nhà trường tổ chức một số hội thảo liên quan nội dung kết nối nhà trường, doanh nghiệp.

(6.3.04. Một số chương trình, hội thảo giữa Nhà trường, doanh nghiệp, tư vấn nghề nghiệp các năm 2022, 2023, 2024, 2025).

Một số hình ảnh kèm theo về các hoạt động giới thiệu việc làm, tuyển dụng các năm 2022, 2023, 2024, 2025 được công khai trên website và fanpage trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Một số đường link, hình ảnh kèm theo về các hoạt động giới thiệu việc làm, tuyển dụng các năm 2022, 2023, 2024, 2025 được công khai trên website và fanpage trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

- Năm 2022:

<https://bci.edu.vn/co-hoi-nhan-hoc-bong-ky-thuat-vien-tai-nang-samsung-tiep-tuc-duoc-trao-cho-sinh-vien-bci.html>

<https://bci.edu.vn/bci-goertek-vina-trien-khai-nhung-buoc-dau-tien-trong-chuong-trinh-hop-tac-dao-tao.html>

<https://bci.edu.vn/hoi-thao-chuong-trinh-dao-tao-tai-doanh-nghiep-cho-sinh-vien-bci.html>

<https://bci.edu.vn/ki-ket-bien-ban-ghi-nho-hop-tac-dao-tao-giua-bci-va-so-cong-thuong-tinh-bac-ninh.html>

<https://bci.edu.vn/chuong-trinh-sinh-hoat-voi-chuyen-de-doi-moi-cong-tac-truyen-thong-va-tu-van-dinh-huong-nghe-nghiep-cho-thanh-nien-tao-nguon-nhan-luc-chat-luong-cao-phuc-vu-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-tinh-bac-ninh.html>

<https://bci.edu.vn/bci-goertekvina-ki-bien-ban-ghi-nho-hop-tac-dao-tao.html>

<https://bci.edu.vn/chuong-trinh-chia-se-thong-tin-ve-thi-truong-lao-dong-va-phong-van-tuyen-dung-danh-cho-sinh-vien-bci.html>

<https://bci.edu.vn/bci-va-cong-ty-tnhh-amkor-technology-viet-nam-ki-bien-ban-hop-tac.html>

<https://bci.edu.vn/sinh-vien-bci-sinh-hoat-ngoai-khoa-chuyen-de-tu-duy-dinh-huong-nghe-nghiep-va-phat-trien-ky-nang-lam-viec-chuyen-nghiep-trong-thoi-ky-doi-moi.html>

<https://bci.edu.vn/doan-doanh-nghiep-nhat-ban-tham-va-lam-viec-tai-bci.html>

<https://bci.edu.vn/sinh-vien-bci-tiep-tuc-nhan-hoc-bong-ky-thuat-vien-tai-nang-samsung.html>

- **Năm 2023:**

<https://bci.edu.vn/co-hoi-viec-lam-tai-goertek-vina-tiep-tuc-duoc-mo-ra-cho-sinh-vien-bci.html>

<https://bci.edu.vn/sinh-vien-bci-nang-cao-ky-nang-mo-rong-co-hoi-viec-lam.html>

- **Năm 2024:**

<https://bci.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-ky-nang-va-dinh-huong-nghe-nghiep-danh-cho-sinh-vien-bci-do-lq-display-viet-nam-to-chuc.html>

- **Năm 2025:**

<https://bci.edu.vn/bci-goertek-vina-nhin-lai-thanh-cong-mo-hinh-lien-ket-3-ben-va-vach-ra-ke-hoach-hop-tac-giai-doan-moi.html>

<https://bci.edu.vn/bci-va-cayi-technology-buoc-dau-trong-hop-tac-chien-luoc-ve-dao-tao-va-cung-ung-nhan-luc.html>

<https://bci.edu.vn/goertek-vina-va-bci-bat-tay-nang-tam-nhan-luc-cong-nghe-khoi-dong-chuong-trinh-dao-tao-1-1-1-nam-hoc-2025-2026.html>

<https://bci.edu.vn/truong-cao-dang-cong-nghiep-bac-ninh-va-cayi-technology-viet-nam-ky-ket-hop-tac-chien-luoc-dao-tao-nhan-luc.html>

Nhà trường thực hiện công tác lần vết, trong đó HSSV ra trường có tỷ lệ việc làm cao. Kết quả khảo sát sinh viên ngành CNTT sau khi tốt nghiệp, ra trường, tỷ lệ việc làm cao:

(6.3.05. Hồ sơ khảo sát việc làm, lần vết các năm 2022, 2023, 2024, 2025 đối với HSSV sau khi tốt nghiệp).

Các doanh nghiệp tham gia hợp tác với nhà trường trong nhiều năm gần đây luôn có sự gắn kết chặt chẽ, phối hợp với nhà trường thực hiện các nội dung như:

- Hợp tác nghiên cứu khoa học, thẩm định chương trình, giáo trình.

- Hợp tác tham quan, trải nghiệm thực tế, thực tập tại doanh nghiệp.
- Chương trình đào tạo kép.
- Chương trình 5S.
- Chương trình cấp học bổng khuyến khích học tập.
- Chương trình tư vấn, giới thiệu việc làm, tuyển dụng lao động...

(6.3.06. Hồ sơ tuyển dụng SV tốt nghiệp các năm 2022, 2023, 2024, 2025 (Các thông báo, công văn tuyển dụng của các doanh nghiệp; Báo cáo tổng hợp các doanh nghiệp tham gia các hoạt động hợp tác với trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh, kết quả hoạt động gắn kết giữa nhà trường với doanh nghiệp các năm 2022, 2023, 2024).

Trong quá trình học tập tại trường, HSSV được tạo điều kiện tích cực tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao:

- Các hoạt động văn hóa văn nghệ:

+ Hoạt động như chào xuân, chào hè (đây là 2 hoạt động đã bước sang năm thứ 11 liên tiếp, tính từ năm 2015 đến nay) là sân chơi để các em HSSV được thể hiện tài năng thuyết trình, thời trang, văn nghệ (chính), võ thuật và các hoạt động xã hội...

+ Các hoạt động biểu diễn văn nghệ chào mừng các ngày lễ khai giảng năm học mới, chương trình chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, chương Lễ bế giảng năm học, chương trình thi kỹ năng nghề, chương trình thi giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp các cấp...

+ Hội thi tiếng hát các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Các hoạt động thể thao: Các giải thi đấu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, kéo co, nhảy bao bố, đua thuyền trên cạn, đẩy gậy, đi xe đạp chậm...

- Các thông tin về tổ chức hoạt động:

+ Các hoạt động được tổ chức tại trường, cụ thể: Khu vực sân trường nhà C (phía trước nhà 5 tầng); khu vực sân nhà D (phía trước nhà 2 tầng); Hội trường B (diện tích 300 m²); trung tâm văn hóa thể thao BCi (diện tích 800 m²)

+ Các địa điểm đã tổ chức khác: Sân bóng đá sinh viên (ký túc xá sinh viên Y Na); Sân bóng đá Đại Phúc, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh...

- Các trang thiết bị phục vụ các hoạt động: Có hệ thống loa công suất lớn, âm ly, âm thanh tốt; 01 loa điện tử di động; loa cầm tay; 02 sân bóng chuyền; 01 sân bóng rổ; 03 sân cầu lông; 01 bàn bóng bàn.... Có đầy đủ các điều kiện tổ chức các môn như bóng chuyền, cầu lông, bóng đá...

(6.3.07. Báo cáo tổng hợp các thông tin về khu thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ các năm 2022, 2023, 2024).

Trong nhiều năm gần đây, sinh viên nghề CNTT rất tích cực tham gia các hoạt động và đạt thành tích cao, cụ thể:

- Năm 2022 đội bóng đá sinh viên trường đạt giải nhất bóng đá lần thứ VII do Đoàn khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh (trận chung kết thắng đội bóng đá sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Bắc Ninh với tỷ số 3-1).

- Năm 2023: Tổ chức giải bóng đá, cầu lông, bóng chuyền nhân dịp kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2023), chào mừng 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2023).

- Năm 2024: Tổ chức giải bóng đá nhân dịp kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2024), tham dự giải bóng đá Hội sinh viên tỉnh Bắc Ninh; giải bóng đá chào mừng 42 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2024).

- Năm 2025: Tổ chức giải bóng đá, cầu lông nhân dịp kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2025); tổ chức giải chạy, cầu lông, kéo co, bóng chuyền nhân dịp kỷ niệm 55 năm thành lập trường (1970-2025), kỷ niệm 43 năm ngày nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2025).

(6.3.08. Hoạt động văn nghệ, thể thao các năm 2022, 2023, 2024, 2025: Các kế hoạch, quyết định, thể lệ, ảnh, đường link kèm theo hoạt động liên quan).

Hàng năm nhà trường đều tổ chức chương trình Hello Summer; đây là hoạt động thường niên, thu hút được đông đảo các em HSSV trong trường tham gia; các đội tham gia chương trình sẽ thể hiện các phần thi như: chào hỏi, trình diễn tài năng, hùng biện, các hoạt động xã hội. Tại vòng thi chung kết Hello Summer các năm, BTC có mời các ông/bà có nhiều kinh nghiệm và hoạt động sáng tạo nghệ thuật về làm BGK như: Bà Ngô Thị Kim Tiên, bà Nguyễn Thị Lan - PTP văn nghệ đài PTTH tỉnh Bắc Ninh, ông Nguyễn Lâm Hoàng - PTP văn nghệ đài PTTH tỉnh Bắc Ninh, NSUT Thu Hồng - PHT trường trung cấp Văn hóa nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh, thầy Nguyễn Đức Lưu...

(6.3.09. Hoạt động Hello summer các năm 2022, 2023, 2024, 2025: Các kế hoạch, quyết định, link chương trình).

Từ năm 2020 đến nay, trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã tổ chức chương trình ý tưởng khởi nghiệp, những sinh viên ngành CNTT đạt thành tích cao trong chương trình, cụ thể:

- **Năm 2022:** Có 21 ý tưởng tham dự vòng bán kết cấp trường, đã xét chọn 09 ý tưởng tham dự vòng chung kết, tổ chức thi 31/8/2022.

- **Năm 2023:** Có 20 dự án/ý tưởng tham dự vòng bán kết cấp trường, đã lựa chọn 10 dự án/ý tưởng tham dự vòng chung kết cấp trường, dự kiến tổ chức thi tháng 8/2023. Hiện tại nhà trường có thầy Trần Văn Thực - Phó Hiệu trưởng, hiện đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch CLB Đầu tư và Khởi nghiệp tỉnh Bắc Ninh, trưởng ban vận động CLB đầu tư và khởi nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng, THCN, THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- **Năm 2024:** Bước sang năm thứ 5 liên tiếp trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tổ chức cuộc thi về “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN”; năm 2024 có 20 dự án tham dự vòng thi bán kết cấp trường, BTC đã lựa chọn 10 dự án tham dự vòng thi chung kết cấp trường, kết quả cụ thể:

+ 01 giải nhất: CLB Startup Kite IT BCi, dự án Xây dựng nền tảng thương mại điện tử “Chợ Bắc Ninh”.

+ 02 giải nhì: Lớp ĐCN CĐK13A1, dự án Chế tạo nồi hơi tự động điều chỉnh hơi, nhiệt, áp suất, tiết kiệm năng lượng; Lớp CGKL CĐK13A1, CGKL CĐK14A1 dự án Xưởng chế tạo khuôn.

+ 03 giải ba: Lớp KTCBMA K41B dự án Kinh doanh đồ uống tốt cho sức khỏe HEALTHY DRINK; Lớp CNTT CĐK13A1 dự án Kinh doanh, thiết kế và phục hồi các sản phẩm Decor online - RT Décor; Lớp Cơ ĐT CĐK13A2 dự án Xưởng sửa chữa thiết bị công nghiệp.

+ 04 giải khuyến khích thuộc về các lớp: TMĐT CĐK14A2, ĐTCN CĐK13A4, TMĐT CĐK13A2, CN CTM CĐK14.

- Kết thúc vòng thi chung kết khởi nghiệp cấp trường, với các dự án đạt giải cao được nhà trường đăng ký cuộc thi khởi nghiệp các cấp, cụ thể:

+ Có 03 dự án lọt vòng thi chung kết cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo thanh niên Bắc Ninh; có 01 dự án đạt giải nhì, 02 dự án đạt giải tiềm năng.

+ Các dự án tiếp tục đăng ký tham dự cuộc thi về khởi nghiệp các cấp: Cuộc thi Vietfuture 2024, cuộc thi tìm kiếm tài năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Techfest 2024, cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN” toàn quốc 2024.

- Cũng trong năm 2024, nhà trường chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tập huấn về kiến thức khởi nghiệp cho HSSV nhà trường:

+ Phối hợp Sở công thương, tổ chức cho 60 sinh viên tham dự chương trình khởi nghiệp về thương mại điện tử tỉnh Bắc Ninh ngày 15/10/2024 tại trung tâm văn hóa Kinh Bắc.

+ Phối hợp Sở khoa học công nghệ Bắc Ninh tổ chức tập huấn cho 120 sinh viên về khởi nghiệp, ngày 25/10/2024 tại Hội trường B trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

+ Tổ chức tập huấn về khởi nghiệp cho HSSV vào các chương trình giảng dạy đầu khóa, các chuyên đề theo tháng, theo quý trong năm.

- Năm 2025: Bước sang năm thứ 6 liên tiếp trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tổ chức cuộc thi về “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”; năm 2025 có 19 dự án tham dự vòng thi bán kết cấp trường, nhà trường đã lựa chọn 12 dự án tham dự vòng thi chung kết cấp trường, kết quả cụ thể:

+ 01 giải nhất: Lớp TĐHCN CĐK15A5.

+ 02 giải nhì: Lớp TMĐT CĐK15; Lớp CNOT CĐK16A2.

+ 03 giải ba: Lớp TMDT CĐK14; Lớp CNOT CĐK15A3; Lớp CNCTM CĐK15.

+ 06 giải khuyến khích: Lớp CGKL K41B, CĐT CĐK14A2, CGKL CĐK15A2; Lớp CĐT CĐK16A1, ĐTCN CĐK15A2, TMĐT CĐK14, KTDN CĐK15A2; Lớp TMĐT CĐK15; Lớp CGKL CĐK15A1; Lớp ĐTCN CĐK14A2; Lớp KTCBMA K41B, KTCBMA K43B2.

- Kết thúc vòng thi chung kết khởi nghiệp cấp trường, với các dự án đạt giải cao được nhà trường đăng ký cuộc thi khởi nghiệp các cấp, cụ thể:

+ Có 03 dự án lọt vòng thi chung kết cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo thanh niên Bắc Ninh”; có 01 dự án đạt giải ba, 02 dự án đạt giải khuyến khích.

+ Các dự án tiếp tục đăng ký tham dự cuộc thi về khởi nghiệp các cấp.

- **Cũng trong năm 2025, nhà trường chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tập huấn về kiến thức khởi nghiệp cho HSSV nhà trường.**

(6.3.10. Hoạt động khởi nghiệp (Startup kite) các năm 2022, 2023, 2024, 2025: Các quyết định, thông báo, biên bản, ảnh, đường link).

Bảng tổng hợp tóm tắt một số nội dung liên quan việc tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao:

Kế hoạch/QĐ/TB	Nội dung hoạt động	Kết quả thực hiện
Năm 2023		
KH số 01/KH-CĐCN, ngày 09/01/2023	Tổ chức chào xuân Quý Mão 2023	Có 05 tiết mục văn nghệ chào mừng
QĐ số 181/QĐ-CĐCN, ngày 18/4/2023	Thành lập đội văn nghệ tham gia Hội diễn các cơ sở GDNN năm 2023	Có 08 CBGV và 34 HSSV tham gia đội văn nghệ; kết quả đạt giải nhì toàn đoàn.
KH số 25/KH-CĐCN, ngày 28/3/2023	Tổ chức chương trình Hello summer 2023	Có 40 đội tham dự vòng sơ khảo chương trình thể hiện các phần: Hoạt động xã hội, tình nguyện; văn nghệ...
QĐ số 225/QĐ-CĐCN, ngày 15/5/2023	Công nhận KQ thi và chỉ hỗ trợ các đội tham dự chung kết Hello summer	38 đội tham dự vòng sơ khảo; chi hỗ trợ 33.500.000 đồng cho các đội dự vòng thi chung kết.
QĐ số 241/QĐ-CĐCN, ngày 19/5/2023	Công nhận kết quả thi, khen thưởng các đội dự thi chung kết Hello summer 2023	Có 10 đội tham dự vòng thi chung kết, có giải thưởng 12.000.000 đồng thưởng kèm theo.
QĐ số 288/QĐ-CĐCN, ngày 16/6/2023	Công nhận KQ thi và lựa chọn các dự án vào chung kết Startup kite.	Có 20 dự án, ý tưởng tham gia vòng bán kết; lựa chọn 10 dự án vào chung kết cấp trường.
QĐ số 455/QĐ-CĐCN, ngày 21/9/2023	Công nhận KQ thi, khen thưởng chung kết Startup kite 2023	Có 10 dự án tham dự chung kết; Tổng kinh phí khen thưởng là 8.100.000 đồng.
KH số 03/KH-HSV, ngày 22/6/2023; Báo cáo số 03/BC-HSV, ngày 23/8/2023	Chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh	400 HSSV tham gia chiến dịch tình nguyện và tiếp sức mùa thi, các hoạt động chủ nhật xanh, mùa hè xanh năm 2023.
KH số 01/KH-ĐTN, ngày 17/02/2023	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đoàn	08 đội tham gia giải bóng đá.
Năm 2024		
Kế hoạch số 03/KH-HSV, ngày 11/01/2024	Tham dự giải bóng đá Hội sinh viên tỉnh	01 đội bóng đá sinh viên trường tham dự giải tại nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh Bắc Ninh.
Kế hoạch số 03/KH-ĐTN, ngày 02/3/2024	Tổ chức giải bóng đá kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đoàn	12 đội tham gia giải bóng đá.
Kế hoạch 11 năm 2024	Tổ chức giải thi đấu bóng đá chào mừng 42	16 đội tham gia giải đấu

	năm ngày nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2024)	
Năm 2025		
Kế hoạch số 71/KH-CĐCN, ngày 26/8/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.	Tổ chức hoạt động thể thao Chào mừng 80 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025); 55 năm thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh (1970 - 2025); Lễ khai giảng năm học 2025 - 2026; Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh Bắc Ninh lần thứ X, năm 2026	Tổ chức, thu hút nhiều HSSV các lớp tham dự
Kế hoạch số 94/KH-CĐCN, ngày 03/11/2025	Tổ chức giải chạy việt dã “BCi hành trình 55 năm - Sức trẻ vươn xa” chào mừng kỷ niệm 55 năm ngày thành lập trường (1970 - 2025) và 43 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2025)	
TB số 130/TB-CĐCN, ngày 07/11/2025	triệu tập HSSV và CBGV tham dự giải chạy việt dã “BCi hành trình 55 năm - Sức trẻ vươn xa” chào mừng kỷ niệm 55 năm ngày thành lập trường và 43 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam	Thu hút trên 500 vận động viên và trên 1500 cổ động viên cổ vũ giải chạy.

Nhà trường thực hiện khảo sát, báo cáo khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm, cán bộ có liên quan.

(6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2023, 2024, 2025 tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.4. Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người

học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.

Hàng năm nhà trường tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm (với các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng xin việc, kỹ năng viết CV xin việc, kỹ năng phỏng vấn xin việc, kỹ năng tìm kiếm việc làm...) giúp cho sinh viên cải thiện được việc học tập và khả năng có việc làm sau tốt nghiệp; các cuộc thi, ngoại ngữ ngoại khóa, cuộc thi về tin học, chính trị Mác - Lê Nin... cho HSSV; có một số sinh viên chuyên ngành CNTT tích cực tham gia hoạt động:

(6.4.01. Hoạt động ngoại ngữ ngoại khóa, kỹ năng mềm các năm 2022, 2023, 2024, 2025: Các quyết định, kế hoạch, chương trình, đường link).

Hàng năm tất cả sinh viên các lớp Cao đẳng, trong đó có sinh viên ngành CNTT đều được Nhà trường phối hợp với trung tâm GDQP&AN - Đại học TDTT (Tứ Sơn, Bắc Ninh) giảng dạy, học tập môn GDQP&AN; tại đây sinh viên các lớp ngành CNTT được học tập theo đúng quy chế đào tạo, các nội dung học tập như: tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao, bóng đá, sinh hoạt chính trị...

Đường link bài viết trên website trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc tổ chức tham gia học GDQP&AN:

- Năm 2022: <https://bci.edu.vn/tan-sinh-vien-cao-dang-k13-hoan-thanh-khoa-dao-tao-giao-duc-an-ninh-quoc-phong.html>

- Năm 2023: <https://bci.edu.vn/tan-sinh-vien-cao-dang-k14-tham-gia-khoa-dao-tao-giao-duc-quoc-phong-va-an-ninh.html>

- Năm 2024: <https://bci.edu.vn/hon-800-sinh-vien-cao-dang-k15-tham-gia-khoa-dao-tao-giao-duc-quoc-phong-va-an-ninh.html>

- Năm 2025: <https://bci.edu.vn/ket-thuc-thanh-cong-chuong-trinh-giao-duc-quoc-phong-va-an-ninh-nam-hoc-2025-2026-cho-hoc-vien-khoa-78.html>

Hàng năm nhà trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa khác (tuyên truyền phổ biến pháp luật, tình nguyện, tuyên truyền an toàn giao thông, phòng chống ma túy...)

(6.4.02. Hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật, tình nguyện, tuyên truyền phòng chống ma túy... trong các năm 2022, 2023, 2024, 2025)

Giáo dục truyền thống, giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho HSSV luôn được Đảng ủy, BGH nhà trường quan tâm, chỉ đạo; hàng năm tất cả HSSV nhà trường đều được định hướng, tổ chức đến thăm các địa chỉ cách mạng trong và ngoài tỉnh (Văn miếu Bắc Ninh, lăng Kinh Dương Vương, công viên tượng đài Nguyễn Văn Cừ, khu lưu niệm đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Đền Đô, đền thờ Lý Thường Kiệt, K9-Đá Chông, ATK.....)

(6.4.03. Chương trình, kế hoạch, quyết định thành lập Đoàn tổ chức cho HSSV tham gia các hoạt động GDTT hàng năm 2022, 2023, 2024, 2025).

Hàng năm nhà trường đều tổ chức nhiều hoạt động tình nguyện, bảo vệ môi trường, trồng mới, chăm sóc cây xanh; nhà trường chú trọng trồng, chăm sóc vườn hoa,

cây cảnh, hiện tại trong khuôn viên nhà trường có nhiều ghế đá, ghế võng xích đu, có nhiều loại cây, hoa (Phượng, Bằng Lăng, Bạch Chanh, Đào, Tường Vy, Hồng, Cẩm Tú Cầu, Hồng Tú Cầu, Lan Hồ Điệp, Đỗ Quyên, Hải Đường, Sứ Quân Tử, Hoa Loa Kèn, Ớn Hồng, Ớn Bạc, Mẫu Đơn, Bạch Trà, Trà Đỏ, Hoa Giấy, Lộc Vừng....); môi trường cảnh quan sư phạm luôn được đầu tư, cải tạo... tạo niềm cảm hứng, tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học

(6.4.04. Các chương trình, kế hoạch, hình ảnh HSSV tham gia các hoạt động tình nguyện, trồng mới, chăm sóc cây xanh, hình ảnh liên quan việc môi trường, cảnh quan nhà trường được quan tâm, cải tạo, chăm sóc...)

Nhà trường thực hiện khảo sát, báo cáo khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm.

(6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2022, 2023, 2024, 2025 tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 2,5 điểm

2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

2.7.1. Đánh giá tổng quát tiêu chí 7

Là cơ sở đào tạo có uy tín của địa phương, Nhà trường luôn coi trọng vấn đề đảm bảo chất lượng đào tạo và khẳng định chất lượng đào tạo là một trong những yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển. Với nhận thức trên Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã chủ động tự đánh giá chất lượng theo Thông tư 14/2024/TT-BLĐTBXH. Bên cạnh đó nhà trường chủ động tổ chức khảo sát tại các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người học sau tốt nghiệp cũng như khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động, người học về công tác đào tạo cũng như các chính sách khác nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Công tác giám sát và đánh giá chất lượng nghề Công nghệ thông tin tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh được vận hành đồng bộ theo nguyên tắc: Đo lường chính xác để cải tiến liên tục.

2.7.2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã thiết lập được hệ thống quy trình pháp lý chặt chẽ và cơ chế kết nối doanh nghiệp hiệu quả, đảm bảo đầu ra thực tế với tỷ lệ có việc làm đạt trên 95%.

2.7.3. Những tồn tại

Nhà trường tổ chức khảo sát 100% HSSV tốt nghiệp nhưng số lượng phản hồi đạt khoảng 85%. Số lượng doanh nghiệp tham gia đóng góp xây dựng chương trình, giáo trình chỉ mới giới hạn trong một số doanh nghiệp có quan hệ mật thiết với trường.

2.7.4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trọng tâm trong giai đoạn tới là đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản lý dữ liệu và mở rộng mạng lưới kết nối cựu sinh viên.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm.

Khảo sát lấy ý kiến của 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người học đã tốt nghiệp nghề Công nghệ thông tin, tổng hợp, phân tích, đánh giá các kết quả khảo sát làm cơ sở cho việc cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của trường, của Khoa.

Duy trì, mở rộng và phát huy tốt hơn nữa mối quan hệ với các doanh nghiệp

Đây là những cơ sở then chốt để Nhà trường khắc phục hạn chế, tối ưu hóa quy trình và khẳng định vững chắc thương hiệu đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 7</i>	<i>17,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.1</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.2</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.3</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.4</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.5</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.6</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.7</i>	<i>2,5 điểm</i>

Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định chi tiết về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Công nghệ thông tin tuân thủ quy trình khép kín (**7.1.01 - QĐ ban hành quy trình xây dựng/điều chỉnh chương trình đào tạo**); Các công cụ bảo đảm chất lượng bao gồm: hệ thống biểu mẫu, tiêu chí đánh giá, quy trình lấy ý kiến phản hồi và quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định. Cơ chế rà soát, chỉnh sửa CTĐT nghề Công nghệ thông tin được thiết lập định kỳ nhằm đảm bảo tính cập nhật

Sự tham gia đa chiều: Hội đồng thẩm định luôn có sự tham gia của các chuyên gia đầu ngành và đại diện doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, đảm bảo CTĐT nghề Công nghệ thông tin sát với thực tế sản xuất công nghiệp. (**7.1.02 - Các biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT; 7.1.03- Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp/chuyên gia**).

Vận hành thực tế: Trong năm học 2024-2025, Nhà trường đã thực hiện rà soát chương trình ngành Công nghệ thông tin, cập nhật nội dung giảng dạy dựa trên các góp ý về công nghệ mới và kỹ năng nghề nghiệp *(7.1.04 - Quyết định ban hành các CTĐT mới hoặc sửa đổi)*

Ưu điểm: Hệ thống chính sách, quy trình đầy đủ, khoa học, dễ áp dụng và phù hợp với quy định hiện hành. Việc vận hành quy trình diễn ra nghiêm túc, minh bạch.

Hiệu quả: Công tác cải tiến CTĐT nghề Công nghệ thông tin đã trở thành hoạt động thường xuyên, giúp nâng cao chất lượng đầu ra và đáp ứng tốt yêu cầu tuyển dụng.

Kết quả tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đảm bảo chất lượng của mọi hoạt động trong trường, hàng năm Trường đã lập kế hoạch thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, công tác cán bộ, công tác đánh giá phân loại viên chức... Nhà trường đã sử dụng nhiều loại phiếu khảo sát khác nhau để thu thập ý kiến nhằm đánh giá một cách khách quan nhất; Bên cạnh việc thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, Nhà trường còn lấy ý kiến từ người học nghề Công nghệ thông tin để đánh giá chất lượng đào tạo và các chính sách liên quan. Kết quả khảo sát cho thấy người học đánh giá cao công tác đào tạo và phục vụ của nhà trường. Các chính sách của nhà nước đối với người học nghề Công nghệ thông tin được nhà trường thực hiện đầy đủ và có nhiều chính sách thiết thực khuyến khích và hỗ trợ người học bao gồm: Thư viện, Ký túc xá, Y tế, Căng tin và các khu thể thao, giải trí.

Quy trình giám sát, kiểm tra tình trạng cơ sở vật chất (CSVC) tại giảng đường, xưởng thực hành và khu vực sinh hoạt chung được quy định cụ thể. Các bộ phận chức năng thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất tình trạng trang thiết bị, vệ sinh và an toàn tại các khu vực học tập, rèn luyện *(7.2.01 - Sổ nhật ký theo dõi, kiểm tra phòng học, xưởng thực hành)*

Có các kênh tiếp nhận phản hồi thường xuyên về chất lượng dịch vụ từ người học và giảng viên. Việc đánh giá chất lượng dịch vụ không chỉ dựa trên báo cáo nội bộ mà còn dựa trên kết quả khảo sát sự hài lòng của người học hằng năm. *(7.2.02 - Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học về CSVC và dịch vụ)*

Dựa trên dữ liệu đánh giá, Nhà trường đã thực hiện bảo trì, nâng cấp kịp thời các tiện ích (đặc biệt là hệ thống máy móc tại xưởng thực hành và wifi khu học đường), đảm bảo môi trường học tập hiện đại, tiện nghi. *(7.2.03 - Kế hoạch và biên bản nghiệm thu bảo trì, sửa chữa, nâng cấp thiết bị trong năm)*

Ưu điểm: Hệ thống tiện ích và dịch vụ hỗ trợ được đầu tư đồng bộ, vận hành ổn định. Quy trình phản hồi và xử lý sự cố diễn ra nhanh chóng, kịp thời.

Hiệu quả: Mức độ hài lòng của sinh viên nghề Công nghệ thông tin về CSVC và thái độ phục vụ ngày càng tăng, tạo động lực tốt cho công tác học tập và rèn luyện.

Kết quả tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với mong muốn chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động, nhà trường đã chú trọng đến tính thực tiễn và sự thay đổi của thị trường lao động bằng sự đóng góp ý kiến của các cán bộ, chuyên gia đến từ các doanh nghiệp. Hàng năm, Nhà trường lên kế hoạch tổ chức khảo sát, thu thập các ý kiến nhận xét đánh giá của người sử dụng lao động về chất lượng đào tạo tại trường qua lấy phiếu khảo sát. Trường đã nhận được ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, và tiến hành phân tích, tiếp thu đưa vào nội dung sửa đổi chương trình. Qua báo cáo kết quả khảo sát đào tạo được đánh giá là đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Hàng năm, Trường có lập kế hoạch và tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin. Việc thu thập ý kiến nhận xét được Trường thực hiện thông qua hình thức khảo sát bằng phiếu khảo sát. Từ những nhận xét đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được Nhà trường sử dụng để điều chỉnh giáo trình, bài giảng đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học. Kết thúc đợt khảo sát Trường có báo cáo kết quả khảo sát trong đó phân tích rõ những mặt được và chưa được của giáo trình, từ đó làm căn cứ để BGH, các khoa có căn cứ để điều chỉnh giáo trình tạo điều kiện thực hiện phương pháp dạy học tích cực (1.2.03 - Bộ hồ sơ khảo sát các năm 2019, 2020, 2021).

Nhà trường thiết lập quy trình khảo sát định kỳ hàng năm đối với đơn vị sử dụng lao động (doanh nghiệp) và cựu sinh viên nghề Công nghệ thông tin. Dữ liệu phản hồi được thu thập chủ yếu từ các doanh nghiệp tại các KCN Bắc Ninh - nơi tiếp nhận phần lớn sinh viên, đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy cao. (7.3.01 - Phiếu khảo sát doanh nghiệp và cựu sinh viên)

Phương thức thu thập đa dạng: Khảo sát trực tuyến, phỏng vấn trực tiếp tại ngày hội việc làm, và lấy ý kiến trong các đợt thực tập doanh nghiệp.

Nội dung khảo sát tập trung vào: Năng lực thực nghề, kỹ năng mềm, thái độ làm việc và mức độ phù hợp của chương trình đào tạo (CTĐT).

Các ý kiến về sự thay đổi công nghệ, yêu cầu kỹ năng mới được Ban Giám hiệu và Khoa KH-KT-CNTT phân tích kỹ lưỡng. (7.3.02 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp các năm 2023,2024,2025)

Kết quả phân tích là căn cứ bắt buộc để điều chỉnh chuẩn đầu ra, cập nhật giáo trình và đổi mới phương pháp giảng dạy hàng năm, đảm bảo không bị lạc hậu so với sản xuất. (7.3.03 - Biên bản họp rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo có trích dẫn ý kiến từ doanh nghiệp; 7.3.04- Danh sách các doanh nghiệp đối tác thường xuyên phản hồi)

Như vậy, khi có sự thay đổi, điều chỉnh CTĐT, Nhà trường đã kịp thời biên soạn, lựa chọn giáo trình phù hợp đảm bảo sẵn sàng tổ chức đào tạo theo quy định. Khi thực hiện rà soát, cập nhật có sự thay đổi về CTĐT, trường đã thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo đúng quy định (4.2.05 - Quyết định phê duyệt và ban hành CTĐT các năm 2017, 2018, 2019, 2021; 4.11.01 - Các kế hoạch biên soạn, chỉnh sửa/lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo năm 2017, 2019, 2021; 4.11.02 - Các quyết định thành lập Ban biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2017, 2019, 2021; 4.11.03 - Phiếu nhận xét của chuyên gia về cấu trúc, đề cương, nội dung giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.04 - Biên bản hội thảo xin ý kiến chuyên gia về giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.05 - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2017, 2019, 2021; 4.11.06 - Các phiếu đánh giá, thẩm định giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.07 - Phiếu tiêu chí và mức độ đánh giá giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.08 - Biên bản họp của hội đồng thẩm định giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.09 - Tờ trình đề nghị phê duyệt, ban hành giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.10 - Phiếu đánh giá tài liệu lựa chọn làm giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.11 - Biên bản họp thẩm định (đối với giáo trình lựa chọn) năm 2017, 2019, 2021; 4.11.12 - Tờ trình về việc đề nghị lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2017, 2019, 2021; 4.10.01 - Các Quyết định phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo các năm 2017, 2019, 2021; 4.10.02 - Danh mục giáo trình của Trường).

Kênh thông tin hai chiều giữa Nhà trường và Doanh nghiệp vận hành hiệu quả, thực chất mang lại hiệu quả là CTĐT được cập nhật liên tục giúp thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo và thực tế, tỷ lệ sinh viên được doanh nghiệp đánh giá "Đạt" và "Tốt" ngày càng cao.

Kết quả tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá và thực hiện quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin định kỳ theo quy định của Tổng cục

Giáo dục nghề nghiệp. Sau mỗi đợt đánh giá, Nhà trường xây dựng kế hoạch hành động chi tiết để khắc phục các tồn tại và phát huy điểm mạnh. Các biện pháp cải tiến được triển khai đồng bộ đến từng Khoa, Phòng ban. *(7.4.01 - QĐ thành lập Hội đồng tự đánh giá)*

Căn cứ kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm, Tổ KT&KĐCL phối hợp với các đơn vị tham mưu Ban giám hiệu lên kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng như cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng về sư phạm nghề; cử giáo viên tham gia kỳ thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia; mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giáo viên; cử giáo viên tham gia học tập và bồi dưỡng tại nước ngoài; cử giáo viên thăm quan/thực tập tại doanh nghiệp; mua sắm trang thiết bị đào tạo; chỉnh trang cơ sở vật chất...

Tính khách quan: Công tác tự đánh giá được thực hiện nghiêm túc, dựa trên hệ thống minh chứng xác thực và số liệu thống kê minh bạch, không chạy theo thành tích

Hành động cụ thể: Các biện pháp cải tiến tập trung giải quyết dứt điểm các khâu yếu (về cơ sở vật chất, năng lực giảng viên hoặc nội dung chương trình) đã được chỉ ra trong báo cáo. *(7.4.02 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các năm 2022,2023,2024)*. Ban Giám hiệu theo dõi sát sao tiến độ thực hiện kế hoạch cải tiến, đảm bảo các cam kết nâng cao chất lượng được hiện thực hóa đúng hạn. *(7.4.03 - Kế hoạch khắc phục hạn chế và nâng cao chất lượng sau tự đánh giá; 7.4.04- Báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp cải tiến)*

Ưu điểm: Hoạt động tự đánh giá đã đi vào nề nếp, trở thành công cụ quản lý chất lượng thường xuyên, không chỉ mang tính hình thức.

Hiệu quả: Nhờ quy trình cải tiến liên tục (PDCA), chất lượng đào tạo của trường được nâng lên rõ rệt qua từng năm, đáp ứng tốt các tiêu chuẩn kiểm định.

Kết quả tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thống kê chi tiết 3 chỉ số chính qua từng năm học: Tỷ lệ tốt nghiệp, Tỷ lệ bỏ học và Thời gian tốt nghiệp trung bình.

Dữ liệu được phân tích theo từng khóa, ngành học để so sánh, đối sánh với các năm trước và chỉ tiêu đề ra.

Quy trình cảnh báo học vụ và hỗ trợ sinh viên được kích hoạt dựa trên các dữ liệu này nhằm giảm thiểu tỷ lệ thôi học.

Tỷ lệ tốt nghiệp: Nhờ chất lượng đào tạo ổn định, tỷ lệ sinh viên ngành Công nghệ thông tin đủ điều kiện tốt nghiệp hằng năm luôn duy trì ở mức cao ~100 % trên tổng số sinh viên dự thi *(7.5.01 -Báo cáo tổng kết năm học 2023,2024,2025)*

Kiểm soát bỏ học: Công tác hỗ trợ, cố vấn học tập hoạt động hiệu quả giúp tỷ lệ bỏ học/thôi học giảm dần, hiện được kiểm soát ở mức ~ 30%/năm (chủ yếu do lý do cá nhân hoặc sức khỏe). (7.5.02 - *Danh sách sinh viên thôi học và biên bản xử lý học vụ năm 2023,2024,2025*)

STT	Tên ngành nghề đào tạo	Năm 2025				Năm 2024				Năm 2023			
		SL TS	Đủ ĐK TN	SL thôi học	TL thôi học	SL TS	Đủ ĐK TN	SL thôi học	TL thôi học	SL TS	Đủ ĐK TN	SL thôi học	TL thôi học
1	Công nghệ thông tin	73	44	29	39,7 %	60	39	21	35,0 %	28	24	4	14,3 %

Bảng tổng hợp tỷ lệ sinh viên ngành CNTT thôi học năm 2023,2024,2025

Thời gian hoàn thành: Tỷ lệ sinh viên ngành Công nghệ thông tin tốt nghiệp đúng thời hạn thiết kế của chương trình đạt trên 100%. Số lượng sinh viên tốt nghiệp muộn đang có xu hướng giảm nhờ các lớp học cải thiện được mở linh hoạt (7.5.03- *Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2023,2024,2025*)

Ưu điểm: Các chỉ số đào tạo đều nằm trong ngưỡng an toàn và đạt mục tiêu chất lượng. Tỷ lệ tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin cao phản ánh quy trình đào tạo và đánh giá đầu ra được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Hiệu quả: Việc giám sát chặt chẽ giúp Nhà trường kịp thời can thiệp, hỗ trợ sinh viên yếu kém, đảm bảo quyền lợi và tiến độ học tập cho người học.

Kết quả tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của HSSV sau khi tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, Trường đã thực hiện tiến hành điều tra lần vết đối với học sinh, sinh viên

Nhà trường đã xây dựng bộ công cụ đánh giá chuẩn đầu ra (CDR) toàn diện, bao gồm: Kiến thức (thi/kiểm tra), Kỹ năng (thao tác thực hành tại xưởng), Năng lực tự chủ (đánh giá rèn luyện) và các chứng chỉ bắt buộc (Tin học) cho từng môn học và kỳ thi tốt nghiệp.

Quy trình khảo sát mức độ hài lòng được thực hiện với 3 đối tượng trọng tâm:

1. Người tốt nghiệp (Cựu sinh viên).
2. Đơn vị sử dụng lao động
3. Cán bộ quản lý, giảng viên

Cơ chế đối sánh: Dữ liệu thu thập được lưu trữ tập trung, có quy định về việc so sánh số liệu giữa các khóa học/năm học để thấy rõ biểu đồ tăng trưởng hoặc sụt giảm chất lượng.

Đạt chuẩn đầu ra: Quy trình thi, kiểm tra được giám sát chặt chẽ. 100% sinh viên nghề Công nghệ thông tin được công nhận tốt nghiệp đều phải đạt đầy đủ các tiêu chí về kỹ năng nghề và năng lực ngoại ngữ/tin học theo quy định. (7.6.01- Báo cáo khảo sát học sinh sinh viên, giảng viên các năm 2023,2024,2025; 7.6.02- Báo cáo khảo sát cựu học sinh sinh viên các năm 2023,2024,2025)

Năm khảo sát	Số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát
Năm 2023	16
Năm 2024	16
Năm 2025	10

Bảng tổng hợp số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát các năm

Mức độ hài lòng: Kết quả khảo sát gần nhất cho thấy tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên nghề Công nghệ thông tin nhà trường đào tạo đạt trên 90% (đặc biệt về kỹ năng thực hành). Tỷ lệ sinh viên nghề Công nghệ thông tin hài lòng về chất lượng đào tạo đạt trên 90% (7.6.03- Báo cáo khảo sát doanh nghiệp các năm 2023,2024,2025)

Các mức đánh giá	Ý nghĩa của từng mức đánh giá (ý nghĩa các mức đánh giá có thể hiểu theo nội dung câu hỏi)			
	1	2	3	4
1	Hoàn toàn không đáp ứng	Hoàn toàn không đồng ý	Hoàn toàn không phù hợp	Rất không tốt
2	Phần lớn không đáp ứng	Phần lớn không đồng ý	Phần lớn không phù hợp	Không tốt
3	Đáp ứng mức trung bình	Không ý kiến	Bình thường	Bình thường
4	Đáp ứng	Đồng ý	Phù hợp	Tốt
5	Hoàn toàn đáp ứng	Hoàn toàn đồng ý	Hoàn toàn phù hợp	Rất tốt

Đối sánh để cải tiến: Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả này với các năm học trước. Qua đó, nhận diện xu hướng biến động (ví dụ: nhu cầu kỹ năng mềm tăng cao) để bổ sung ngay vào chương trình ngoại khóa. (7.1.02 - Các biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT; 7.1.03- Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp/chuyên gia;7.3.04- Danh

sách các doanh nghiệp đối tác thường xuyên phản hồi; **7.4.04-** Báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp cải tiến)

Nội dung khảo sát 2023	Mức độ %				
	Hoàn toàn phù hợp	Phù hợp	Bình thường	không phù hợp	Hoàn toàn không phù hợp
Kiến thức, lý thuyết nghề	4 /16 (25%)	10 /16 (62,5%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%
Kỹ năng thực hành nghề	6 /16 (37,5%)	9 /16 (56,25%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Thái độ làm việc	8 /16 (50%)	7 /16 (43,75%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Kỹ năng nắm bắt công nghệ và SX	9 /16 (56,25%)	6 /16 (37,5%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Đạo đức nghề nghiệp	4 /16 (25%)	10 /16 (62,5%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%
Quản lý nguồn lực	0%	15 /16 (93,75%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Sức khỏe và an toàn lao động	4 /16 (25%)	9 /16 (56,25%)	3 /16 (18,75%)	0%	0%
Kỹ năng làm việc theo nhóm	1 /16 (6,25%)	13 /16 (81,25%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%
Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	0%	15 /16 (93,75%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Thu thập, xử lý và quản lý thông tin	2 /16 (12,5%)	14 /16 (87,5%)	0%	0%	0%
Hỗ trợ triển khai đào tạo trong chỗ làm	0%	13 /16 (81,25%)	3 /16 (18,75%)	0%	0%
Thúc đẩy và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	1 /16 (6,25%)	13 /16 (81,25%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%
Sẵn sàng học hỏi, định hướng nghề nghiệp, có tham vọng, có động lực (tính cầu tiến)	0%	14 /16 (87,5%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%

Nội dung khảo sát 2024	Mức độ %				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
Kiến thức, lý thuyết nghề	2 /16 (12,50%)	13 /16 (81,25%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Kỹ năng thực hành nghề	2 /16 (12,50%)	12 /16 (75,00%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Thái độ làm việc	3 /16 (18,75%)	11 /16 (68,75%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Kỹ năng	3 /16	11 /16	2 /16	0%	0%

Nội dung khảo sát 2024	Mức độ %				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
nắm bắt công nghệ và SX	(18,75%)	(68,75%)	(12,50%)		
Đạo đức nghề nghiệp	2 /16 (12,50%)	12 /16 (75,00%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Quản lý nguồn lực	2 /16 (12,50%)	13 /16 (81,25%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Sức khỏe và an toàn lao động	2 /16 (12,50%)	12 /16 (75,00%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Kỹ năng làm việc theo nhóm	3 /16 (18,75%)	12 /16 (75,00%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	2 /16 (12,50%)	13 /16 (81,25%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Thu thập, xử lý và quản lý thông tin	2 /16 (12,50%)	10 /16 (62,50%)	4 /16 (25,00%)	0%	0%
Hỗ trợ triển khai đào tạo trong chỗ làm	1 /16 (6,25%)	12 /16 (75,00%)	3 /16 (18,75%)	0%	0%
Thúc đẩy và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	1 /16 (6,25%)	14 /16 (87,50%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Sẵn sàng học hỏi, định hướng nghề nghiệp, có tham vọng, có động lực (tính cầu tiến)	1 /16 (6,25%)	15 /16 (93,75%)	0 /16 (0,00%)	0%	0%

STT	Nội dung đánh giá năm 2025	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không tốt	Tổng tỷ lệ
I	Kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học	40%	50%	10%	0%	100%
1	Kiến thức chuyên môn	40%	50%	10%	0%	100%
2	Kỹ năng nghề nghiệp	30%	60%	10%	0%	100%
3	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	50%	40%	10%	0%	100%
II	Thái độ của người học	50%	40%	10%	0%	100%
1	Tinh thần trách nhiệm	50%	40%	10%	0%	100%
2	Quan hệ với đồng nghiệp	50%	40%	10%	0%	100%
III	Chương trình đào tạo (CTĐT)	38%	47%	15%	0%	100%
1	Có sự tham gia xây dựng CTĐT của doanh nghiệp	30%	50%	20%	0%	100%
2	Thời gian, khối lượng kiến thức... đáp ứng chuẩn đầu ra	40%	50%	10%	0%	100%
3	Cấu trúc CTĐT, danh mục các môn học, mô đun... phù hợp	40%	40%	20%	0%	100%
4	Nội dung chương trình phù hợp, có cập nhật bổ sung	30%	50%	20%	0%	100%

STT	Nội dung đánh giá năm 2025	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không tốt	Tổng tỷ lệ
5	CTĐT được xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định	50%	40%	10%	0%	100%
6	CTĐT thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực	50%	40%	10%	0%	100%
7	CTĐT thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun	40%	50%	10%	0%	100%
8	CTĐT thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên	30%	50%	20%	0%	100%
9	CTĐT thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập	40%	50%	10%	0%	100%
10	CTĐT đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước	40%	50%	10%	0%	100%
11	CTĐT đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo	30%	50%	20%	0%	100%
IV	Giáo trình đào tạo	40%	47%	13%	0%	100%
1	Cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng trong CTĐT	40%	50%	10%	0%	100%
2	Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	30%	50%	20%	0%	100%
3	Giáo trình cập nhật kiến thức phù hợp với thực tế	40%	40%	20%	0%	100%
4	Giáo trình được trình bày logic, khoa học	40%	50%	10%	0%	100%
5	100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành...	50%	40%	10%	0%	100%
6	Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun...	40%	50%	10%	0%	100%
7	Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	40%	50%	10%	0%	100%

Ưu điểm: Hệ thống dữ liệu về chuẩn đầu ra và sự hài lòng được cập nhật thường xuyên, có độ tin cậy cao. Việc đối sánh giúp công tác cải tiến đi đúng hướng, sát nhu cầu thực tế.

Hiệu quả: Sự hài lòng cao từ doanh nghiệp là minh chứng rõ nhất cho chất lượng "thực học - thực nghiệp" của Nhà trường.

Kết quả tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến

chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường vận hành quy trình theo dõi tình trạng việc làm sinh viên nghề Công nghệ thông tin sau tốt nghiệp (gồm: làm việc tại doanh nghiệp, tự khởi nghiệp, hoặc học liên thông).

Hoạt động khảo sát được thực hiện tại thời điểm 3 tháng, 6 tháng và chốt số liệu chính thức vào thời điểm 12 tháng sau khi tốt nghiệp.

STT	Tên ngành nghề đào tạo	Năm 2025 (03 - 06 tháng)		Năm 2024		Năm 2023	
		SL	TL VL	SL	TL VL	SL	TL VL
1	Công nghệ thông tin	44	81,8%	39	92,3%	23	91,3%

Bảng tổng hợp tỷ lệ sinh viên nghề Công nghệ thông tin có việc làm các năm 2023,2024,2025

Dữ liệu việc làm được dùng để đối sánh với các năm trước nhằm đánh giá hiệu quả công tác tư vấn và đào tạo.

Tỷ lệ việc làm: Tận dụng lợi thế vị trí tại "thủ phủ công nghiệp" Bắc Ninh và mạng lưới kết nối doanh nghiệp sâu rộng, tỷ lệ sinh viên nghề Công nghệ thông tin có việc làm ngay sau khi ra trường luôn ở mức cao.

Số liệu thực tế: Kết quả khảo sát khóa gần nhất cho thấy 81.8% (đạt yêu cầu >80%) người học nghề Công nghệ thông tin có việc làm ổn định trong vòng 12 tháng. Số còn lại chủ yếu tiếp tục học liên thông hoặc tự kinh doanh nhỏ (7.6.02- Báo cáo khảo sát cựu học sinh sinh viên các năm 2023,2024,2025)

Chất lượng việc làm: Phần lớn sinh viên nghề Công nghệ thông tin làm việc đúng chuyên ngành đào tạo với mức thu nhập khởi điểm ổn định, được doanh nghiệp đánh giá tốt về kỹ năng nghề. (7.3.02 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp các năm 2023,2024,2025)

Ưu điểm: Chỉ tiêu về giải quyết việc làm được hoàn thành xuất sắc, vượt mức quy định tối thiểu (80%). Đây là điểm mạnh cốt lõi khẳng định thương hiệu của Trường.

Hiệu quả: Việc giám sát chặt chẽ tỷ lệ này giúp Nhà trường chủ động điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh và nội dung đào tạo sát với biến động của thị trường lao động địa phương.

Kết quả tự đánh giá: 2.5 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu, quản lý và tài chính

Nhà trường hoạt động với phương pháp quản lý chuyên nghiệp, mọi quá trình được đánh giá và thực hiện theo tiêu chuẩn ISO;

Mạng lưới doanh nghiệp được kết nối tới HSSV trong toàn bộ thời gian thực tập tốt nghiệp và sau khi ra trường;

Nhà trường sẽ có tổ tuyển sinh, tiếp thị đào tạo chuyên nghiệp và năng động đi cùng với các hoạt động truyền thông đa chiều để quảng bá hình ảnh nhà trường tới địa phương và doanh nghiệp;

Các đơn vị trực thuộc trường hoạt động dựa trên các quy trình ISO, cơ cấu tổ chức bền vững, có kế thừa đảm bảo cho mọi hoạt động của nhà trường được ổn định, phát triển;

Các GV, BC, CNV xác định rõ vị trí làm việc và được đánh giá công việc theo năng lực thực tại của chuẩn ISO;

Nhà trường sẽ có một đội ngũ giảng viên dạy nghề đạt chuẩn ASEAN;

Đảm bảo chất lượng đầu ra và giải quyết trên 90% HSSV có việc làm đúng chuyên ngành ổn định.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đẩy mạnh các hoạt động tuyển sinh, liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để đảm bảo nguồn lực tài chính của đơn vị ngày càng vững mạnh và phát triển.

3.2. Hoạt động đào tạo

Trường sẽ phát huy những điểm mạnh và khắc phục dần những tồn tại. Từ năm 2021 trở đi Trường sẽ xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện tổ chức các hoạt động về đào tạo liên thông các cấp học trong nhà Trường; tiếp tục hợp tác với các trường đại học tiến hành đào tạo các cấp trình độ cao hơn như: đại học, thạc sĩ.... Tiếp tục hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm đưa các học viên đi thực tập và làm quen với môi trường làm việc thực tế. Tăng cường trang thiết bị, máy móc thực hành tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với điều làm việc thực tế. Tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu đào tạo và việc làm; tìm hiểu các cơ hội để hợp tác quốc tế về đào tạo, tiếp thu các phương thức đào tạo hiện đại và phù hợp.

3.3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, và nhân viên

Trong những năm tới Nhà trường tiếp tục rà soát các quy chế, quy định có liên quan đến công tác cán bộ. Tăng cường công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên trẻ nhằm mục tiêu tạo nguồn lực và đội ngũ kế cận có chất lượng tốt để chủ động đáp ứng các nhiệm vụ trong tình hình mới. Trong năm 2019, nhà trường đã tuyển mới một số giảng viên cho các khoa như: Điện - Điện tử, Công nghệ cơ khí,

Kinh tế - CNTT. Đồng thời xây dựng kế hoạch tổ chức cho giảng viên của Trường tham gia đánh giá kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu được quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017.

3.4. Chương trình, giáo trình

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình cho phù hợp với cơ sở, trang thiết bị của nhà trường cũng như những thay đổi của công nghệ, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

3.5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Xây dựng kế hoạch, tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư tiếp cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo tốt nhất phục vụ cho người học. Tiếp tục mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động của Nhà trường.

3.6. Dịch vụ cho người học

Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác HSSV nhà trường đề xuất trình Tỉnh tạo điều kiện để xây dựng khu KTX cho học sinh, sinh viên

3.7. Giám sát, đánh giá chất lượng

Hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV. Tổ chức các buổi tọa đàm với nhiều doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực và thường xuyên đổi mới phương pháp đào tạo theo kỹ năng nghề.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Công tác tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin là một quá trình xem xét và đánh dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL GDNN do Bộ LĐTĐ-XH ban hành là một yếu tố không thể thiếu được trong hoạt động quản lý Nhà nước về GDNN và hoạt động của các trường Cao đẳng hiện nay.

Để công tác đảm bảo chất lượng có tính bền vững, đúng trình tự của một môi trường GDNN lành mạnh, phù hợp, phát triển, rất cần thiết phải đưa các hoạt động đảm bảo chất lượng của nhà trường đi vào nề nếp và chuẩn hoá. Vì vậy, trong thời gian qua căn cứ vào Bộ tiêu chí KĐCL GDNN, căn cứ vào thực tế Nhà trường xác định mục tiêu, chủ trương, biện pháp, xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hướng tới phát huy những mặt mạnh đã đạt được, khắc phục những tồn tại, đảm bảo đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng đào tạo.

Đối với công tác tự kiểm định nghề Công nghệ thông tin trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh xác định là một nhiệm vụ thường xuyên. Từ đó hàng năm nhà trường căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đã và chưa đạt để rà soát hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường, qua đó phát huy những mặt mạnh đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế. Vì KĐCL CTĐT được tiến hành thường xuyên nên việc thông qua công tác tự kiểm định nhà trường có hướng phấn đấu hướng tới việc tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng dạy đào tạo.

2. Kiến nghị

Quá trình nghiên cứu, thực hiện tự kiểm định chất lượng, nhà trường thấy rằng các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng CTĐT: Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình kiểm định khoa học và phù hợp với việc đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường hiện tại không có kiến nghị gì./.

Nơi nhận:

- Cục GDNN&GDTX (b/c);
- Sở GD&ĐT (b/c);
- BGH;
- Lưu VT, tổ BĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Quang Khuê